

**MỤC LỤC:**

<b>I. PHẦN MỞ ĐẦU</b>	<b>3</b>
1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch	3
2. Các căn cứ lập quy hoạch	3
3. Phạm vi quy hoạch	3
4. Mục tiêu quy hoạch	3
4.1. Mục tiêu tổng quát	3
4.2. Mục tiêu cụ thể	3
5. Thời hạn lập quy hoạch	3
<b>II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG</b>	<b>3</b>
<b>NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG</b>	<b>3</b>
1. Điều kiện tự nhiên và môi trường cảnh quan	3
1.1. Điều kiện tự nhiên	3
1.2. Tài nguyên	3
2.1. Hiện trạng nền kinh tế	3
2.2. Hiện trạng dân số - lao động	3
2.3. Hiện trạng sử dụng đất đai	3
3. Hiện trạng hạ tầng kinh tế	3
3.1. Hiện trạng các vùng kinh tế	3
3.2. Hiện trạng ngành công nghiệp- xây dựng	3
3.3. Hiện trạng ngành thương mại, dịch vụ	3
3.4. Hiện trạng ngành du lịch	3
3.5. Hiện trạng ngành nông, lâm, thủy sản	3
4. Hiện trạng hạ tầng xã hội	3
5. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn	3
5.1. Hiện trạng phát triển đô thị	3
5.2. Hiện trạng phát triển nông thôn	3
Thực trạng quy hoạch phát triển vùng biên giới	3
6. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường	3
6.1. Hiện trạng giao thông	3
6.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật	3
6.3. Hiện trạng cấp nước	3
6.4. Hiện trạng cấp điện	3
6.5. Hiện trạng thoát nước mưa, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	3
6.6. Hiện trạng thông tin liên lạc	3
6.7. Hiện trạng môi trường chiến lược	3
7. Đánh giá việc thực hiện các quy hoạch	3
7.1 Công tác lập và quản lý quy hoạch	3
7.2. Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020	3
8. Đánh giá tổng hợp	3
8.1. Điểm mạnh	3
8.2. Điểm yếu	3
8.3. Cơ hội	3
8.4. Thách thức	3
<b>III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG</b>	<b>3</b>
1. Tiềm năng phát triển vùng	3
1.1. Mối quan hệ vùng	3
1.2. Nguồn lực chủ yếu phát triển vùng	3
2. Tính chất và nguyên tắc phát triển vùng	3
2.1. Tính chất	3
2.2. Quan điểm phát triển	3
3. Tầm nhìn và chiến lược phát triển	3
3.1. Tầm nhìn	3
3.1. Chiến lược phát triển	3

4. Các dự báo phát triển vùng	3
4.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế	3
4.2. Dự báo quy mô dân số, lao động và đô thị hoá	3
4.3. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn	3
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG</b>	<b>3</b>
1. Mô hình phát triển vùng	3
2. Phân vùng phát triển và tổ chức khung phát triển	3
2.1. Phân vùng chức năng phát triển	3
2.2. Khung cấu trúc phát triển không gian	3
2.3. Cực tăng trưởng – Trung tâm đô thị hóa	3
3. Định hướng phát triển không gian đô thị và khu dân cư nông thôn	3
3.1. Định hướng không gian phát triển hệ thống đô thị	3
3.2. Tổ chức không gian phát triển khu dân cư nông thôn	3
4. Phân bố các không gian phát triển kinh tế	3
4.1. Phân bố không gian phát triển du lịch	3
4.2. Phân bố các khu, cụm công nghiệp	3
4.3. Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm và cơ sở hạ tầng xã hội	3
5. Định hướng bảo tồn và bảo vệ di sản	3
5.1. Đối với di tích, di sản văn hóa vật thể	3
5.2. Đối với di sản văn hóa phi vật thể	3
6. Định hướng bảo vệ rừng đầu nguồn	3
<b>V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT</b>	<b>3</b>
1. Định hướng phát triển giao thông	3
1.1. Giao thông đối ngoại	3
1.2. Giao thông đối nội	3
2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật	3
2.1. Khu vực đô thị	3
2.2. Khu vực nông thôn	3
2.3. Các giải pháp Chuẩn bị kỹ thuật phòng chống thiên tai:	3
3. Định hướng cấp nước	3
4. Định hướng cấp điện	3
5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	3
6. Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc	3
7. Đánh giá môi trường chiến lược	3
<b>VI. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ</b>	<b>3</b>
1. Các dự án ưu tiên đầu tư	3
1.1. Các chương trình phát triển đô thị	3
1.2. Các chương trình phát triển cơ sở hạ tầng	3
1.3. Các chương trình phát triển kinh tế	3
1.4. Các chương trình phát triển hạ tầng xã hội	3
1.5. Các chương trình phát triển nông thôn	3
2. Nhu cầu vốn đầu tư	3
2.1. Nhu cầu vốn đầu tư và khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020	3
2.2. Nhu cầu vốn đầu tư và khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030	3
3. Các giải pháp để huy động vốn.	3
3.1. Các giải pháp chung	3
3.2. Giải pháp huy động vốn ngân sách	3
3.3. Giải pháp huy động vốn từ các doanh nghiệp và từ nhân dân	3
3.4. Giải pháp huy động vốn nước ngoài	3
<b>VII. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VÙNG</b>	<b>3</b>
1. Cơ chế, chính sách phát triển vùng	3
1.1. Cơ chế quản lý phát triển thành phố Điện Biên Phủ (đô thị trung tâm tỉnh) và khu vực phụ cận	3
1.2. Cơ chế quản lý phát triển đô thị trung tâm vùng, tiểu vùng	3
1.3. Cơ chế quản lý phát triển các khu sản xuất công nghiệp, du lịch	3

1.4. Cơ chế quản lý các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng	3
1.5. Cơ chế quản lý phát triển các vùng cảnh quan tự nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng quốc gia	3
1.6. Cơ chế quản lý phạm vi bảo vệ hành lang đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính	3
1.7. Cơ chế quản lý kiểm soát môi trường	3
1.8. Về cơ chế ưu tiên, ưu đãi trong đầu tư phát triển vùng tỉnh	3
2. Đề xuất mô hình quản lý vùng tỉnh	3
3. Chỉ dẫn khung chính sách phát triển vùng	3
4. Khung tổ chức thực hiện	3
5. Giải pháp thực hiện quy hoạch	3
<b>IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	<b>3</b>

## I. PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Điện Biên là tỉnh miền núi cao biên giới phía Tây Bắc của Tổ quốc với diện tích tự nhiên 9.541,25km<sup>2</sup>; Cách thủ đô Hà Nội gần 500 km về phía Tây Bắc, Điện Biên có vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh trong khu vực Tây Bắc và là tỉnh có đường biên giới với hai quốc gia. Điện Biên có lợi thế lớn về tiềm năng đất đai, đặc biệt là diện tích đất chưa sử dụng còn rất lớn (trên 500.000 ha, chiếm 55% tổng diện tích tự nhiên). Đây chính là tiềm năng lợi thế lớn để tỉnh đầu tư phát triển lâm nghiệp, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc... Trên địa bàn tỉnh còn có rất nhiều di tích lịch sử có giá trị cao về văn hoá, du lịch, trong đó quan trọng nhất là hệ thống di tích quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ có ý nghĩa đặc biệt không chỉ trong nước mà còn có ý nghĩa mang tính toàn cầu và nhiều danh lam thắng cảnh gắn với nền văn hoá truyền thống của các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh - đây là lợi thế lớn để tỉnh phát triển mạnh ngành du lịch, dịch vụ.

Điện Biên có đường biên giới chung với nước CHDCND Lào dài 414,71km và với CHND Trung Hoa dài 40,861km, tại đây có các cửa khẩu Tây Trang (cửa khẩu quốc tế), cửa khẩu Huổi Puốc, cửa khẩu phụ Si Pa Phìn, lối mở Nà Búng - Mốc 49 ... Đây là những cửa khẩu quan trọng để tỉnh Điện Biên mở mang phát triển kinh tế và giao lưu với các nước bạn. Ngoài ra tỉnh còn có Sân bay Điện Biên đang được nâng cấp và mở rộng, đồng thời Tỉnh còn có tiềm năng để phát triển thủy điện và các nguồn điện năng khác.

Tỉnh có 10 đơn vị hành chính gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện với 130 xã, phường, thị trấn; gồm 19 dân tộc, trong đó: Dân tộc Thái chiếm 37,99%, dân tộc Mông chiếm 34,8%, dân tộc Kinh chiếm 18,42%, dân tộc Khơ Mú chiếm 3,3%, còn lại là các dân tộc khác như Dao, Hà Nhì, Hoa, Si La... Trong giai đoạn 2011-2015, các chương trình, dự án trọng điểm đã và đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh như Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La, Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình phát triển đô thị miền núi phía Bắc, Chương trình phát triển nguồn nhân lực, Chương trình phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, Đề án 79 về sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh huyện Mường Nhé và Nậm Pồ... đã mang lại cho tỉnh những kết quả khả quan như: Điều kiện sống của người nghèo được cải thiện rõ rệt, tạo thêm công ăn việc làm, từng bước hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn, cơ cấu kinh tế

và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển nguồn nhân lực theo hướng đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

Tuy nhiên Điện Biên vẫn là một tỉnh nghèo do địa bàn trải rộng, địa hình phức tạp, khó khăn về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nhất là hệ thống giao thông kết nối trong nội tỉnh, liên tỉnh ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ đô thị hóa chưa cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn khó khăn, chương trình phát triển nông thôn mới cũng đang phấn đấu để đạt mục tiêu đề ra. Tỷ lệ hộ nghèo chiếm tới 39,05%, thu nhập bình quân đầu người một tháng còn ở mức thấp 851.000 đồng.

Trong bối cảnh đó, việc lập Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên là hết sức cần thiết nhằm cụ thể hóa các quy hoạch chiến lược khu vực Tây Bắc, vùng Trung du miền núi Bắc bộ, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng, vừa là cơ sở để hướng dẫn thực hiện, quản lý đầu tư xây dựng trong toàn Tỉnh theo các quy hoạch được duyệt.

## 2. Các căn cứ lập quy hoạch

- Căn cứ các Luật, Nghị định, Thông tư hướng dẫn có liên quan đến công tác lập quy hoạch.

- Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-TTg, ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện biên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ các Quyết định phê duyệt Chương trình phát triển, các quy hoạch tổng thể, quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan trên địa bàn vùng trung du miền núi Bắc Bộ và vùng tỉnh Điện Biên.

### Các tài liệu, số liệu, bản đồ:

- Các Nghị quyết, Quyết định, Kết luận của Trung ương, Đảng bộ, Địa phương có liên quan.

- Các quy hoạch tổng thể, quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành có liên quan.

- Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên các năm 2013, 2014, 2015, 2016.

- Tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, KT - XH do địa phương và các cơ quan liên quan cung cấp.

- Bản đồ địa hình toàn tỉnh tỷ lệ 1/50.000, các bản đồ địa hình các huyện tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất toàn tỉnh tỷ lệ 1/50.000.

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm liên quan.

## 3. Phạm vi quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp: Toàn vùng Tây Bắc đặt trong mối liên kết của Quốc gia, khu vực tam giác tăng trưởng Việt Nam - Lào - Trung Quốc.

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Toàn bộ ranh giới hành chính của tỉnh Điện Biên, cụ thể như sau:

+ + Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu.

+ + Phía Tây - Tây Nam giáp tỉnh PhongXaLy, LuôngPrabăng nước CHDCND Lào.

+ + Phía Đông - Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La.

+ + Phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam nước CHND Trung Hoa.

- Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là: 9.541,25 km<sup>2</sup>, dân số khoảng 547.785 người (theo Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2015).

## 4. Mục tiêu quy hoạch

### 4.1. Mục tiêu tổng quát

Cụ thể hóa Nghị quyết 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển KT-XH và đảm bảo quốc phòng an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, Quy hoạch xây dựng vùng Trung du và Miền núi Bắc bộ và Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng vùng tỉnh Điện Biên phát triển ổn định, bền vững, gắn phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh và ổn định chính trị.

### 4.2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2035, hệ thống đô thị của tỉnh Điện Biên phân bố hợp lý, trong đó thành phố Điện Biên Phủ là đô thị hạt nhân, động lực phát triển của vùng; có sức lan tỏa mạnh đến các đô thị khác trong tỉnh, trong vùng Tây Bắc; Thị xã Mường Lay là đô thị trọng điểm của vùng kinh tế sinh thái sông Đà. Các thị trấn huyện lỵ là đô thị động lực của vùng huyện; Khu vực nông thôn phát triển bền vững theo mô hình nông thôn mới.

- Xây dựng tuyến biên giới hữu nghị, ổn định và phát triển toàn diện. Khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng, các tiềm năng, thế mạnh về du lịch, văn hóa, sinh thái và cảnh quan, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu nhằm phát triển kinh tế, thực hiện tăng trưởng xanh, thân thiện với môi trường, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử, bản sắc văn hóa dân tộc. Bảo vệ các vùng cảnh quan thiên nhiên, các vùng sản xuất, môi trường và sinh thái tự nhiên.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, xây dựng hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn và các khu vực động lực trên địa bàn toàn tỉnh. Là cơ sở phục vụ công tác quản lý và đề xuất cơ chế chính sách quản lý phát triển vùng, Chương trình phát triển đô thị tỉnh.

## 5. Thời hạn lập quy hoạch

Quy hoạch xây dựng Vùng tỉnh Điện Biên được lập với thời hạn 20 năm và được chia thành 2 giai đoạn ngắn và dài hạn cụ thể:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025;

- Giai đoạn dài hạn đến năm 2035;

## II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN VÙNG

### 1. Điều kiện tự nhiên và môi trường cảnh quan

#### 1.1. Điều kiện tự nhiên

- Ưu thế: Là tỉnh miền núi, biên giới có diện tích tự nhiên lớn, địa hình đa dạng có nhiều thung lũng rộng lớn và bằng phẳng. Tỉnh nằm ở đầu nguồn của 3 hệ thống sông lớn có nguồn nước mặt dồi dào, tiềm năng khoáng sản đa dạng, thời tiết khí hậu thuận lợi. Có tiềm năng lớn về rừng (trong đó rừng sản xuất chiếm hơn 30% diện tích rừng) thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp, công nghiệp chế biến lâm sản và du lịch sinh thái.

- Hạn chế: Địa hình phức tạp độ dốc tự nhiên lớn, nằm trong vùng có nguy cơ động đất và các tai biến môi trường cao. Khoáng sản trữ lượng thấp không tập trung, nguồn nước mặt phân bố không đều, lưu lượng thay đổi lớn theo mùa. Điều kiện hạ tầng kỹ thuật thấp. Chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng nên xuất hiện giông, mưa đá và sương muối...

## 1.2. Tài nguyên

Nguồn nước mặt phong phú, dồi dào đủ cung cấp cho nhu cầu sử dụng sản xuất và sinh hoạt. Có tiềm năng về công nghiệp thủy điện.

Có tiềm năng phát triển rừng và đất rừng rất lớn, chứa đựng nguồn tài nguyên động, thực vật phong phú.

Tài nguyên khoáng sản khá phong phú, nhiều loại có tiềm năng lớn có thể phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng hướng đến thị trường trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên công tác thăm dò, tìm kiếm và đánh giá trữ lượng còn hạn chế, nhiều mỏ phân bố ở vị trí khó khai thác, giao thông đi lại khó khăn.

Có nguồn tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng để phát triển về du lịch. Trong tương lai việc xây dựng các điểm, các tour du lịch hợp lý, có sự liên kết chặt chẽ của từng địa danh trong tỉnh sẽ tạo cho ngành du lịch ở Điện Biên có cơ hội phát triển mạnh, trở thành điểm đến hấp dẫn và lý thú của nhiều du khách. Tuy nhiên vì Điện Biên nằm xa các trung tâm kinh tế và các thành phố lớn, đó là một điều kiện khó khăn trong việc thu hút vốn đầu tư, nên phát triển du lịch ở đây cần xem xét kỹ với bước đi phù hợp, tương xứng với tiềm năng và khả năng thực tế của tỉnh.

### 2.1. Hiện trạng nền kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, chuyển dần sang dịch vụ và xây dựng công nghiệp, tuy nhiên mức độ chuyển dịch chưa thực sự mạnh. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm nhanh từ 37,15% năm 2005, xuống còn 26,82% năm 2015; tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng theo các năm, từ 25,1% năm 2005, lên 25,39% năm 2015; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng từ 37,75% năm 2005 lên 47,79% năm 2015.

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 5 năm 2011 – 2015 gấp gần 1,8 lần tổng vốn đầu tư phát triển 5 năm 2006 - 2010. Vượt mục tiêu huy động vốn đầu tư phát triển đề ra trong QH (mục tiêu QH 2006 là 11.426 nghìn tỷ đồng).

Trong giai đoạn 2011-2015, tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện là 31.857 tỷ đồng, so với GRDP chiếm 66,6%, đạt mục tiêu quy hoạch và kế hoạch đã đề ra

Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2011- 2015 đạt 10.724,9 tỷ đồng; bình quân hàng năm tăng 12,9%. Năm 2015, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm số bổ sung từ NSTW) đạt 850,7 tỷ đồng, bằng 7,5% GRDP;

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015 đạt 45.324,9 tỷ đồng. Năm 2015, chi ngân sách địa phương 7.725,3 tỷ đồng, đáp ứng nhiệm vụ trên các lĩnh vực.

Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước toàn tỉnh năm 2015 đạt 2.326,68 tỷ đồng, tăng 7,51% so với năm 2014.

## **2.2. Hiện trạng dân số - lao động**

- Là một trong những tỉnh có mật độ dân số thấp nhất cả nước và thấp hơn nhiều so với mật độ dân số trung bình của vùng Tây Bắc.
- Sự phân bố dân cư mang đậm nét đặc thù của một tỉnh miền núi với nhiều dân tộc sinh sống và phân bố rất không đồng đều giữa các vùng, các khu vực.
- Nguồn nhân lực khá dồi dào nhưng trình độ lao động còn thấp.

## **2.3. Hiện trạng sử dụng đất đai**

Đất nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn, trong đó phần lớn là diện tích đất lâm nghiệp, chiếm gần 75,88% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh.

Đất xây dựng đô thị còn rất hạn chế, chiếm tỷ lệ thấp, đặc biệt ở các huyện do điều kiện địa hình phức tạp nên diện tích đất thuận lợi cho xây dựng rất ít.

## **3. Hiện trạng hạ tầng kinh tế**

### **3.1. Hiện trạng các vùng kinh tế**

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên được phê duyệt năm 2006, tỉnh Điện Biên được phân thành 03 vùng kinh tế: Trục kinh tế động lực quốc lộ 279, Vùng kinh tế sinh thái ven sông Đà và Vùng kinh tế Mường Chà - Mường Nhé.

Nhìn chung, qua gần 10 năm thực hiện theo quy hoạch, ba vùng kinh tế đã từng bước được hình thành khá rõ nét, tuy vậy sự liên kết giữa các vùng vẫn còn lỏng lẻo.

### **3.2. Hiện trạng ngành công nghiệp- xây dựng**

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2015 là 7.114,5 tỷ đồng, chiếm 40,72% tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế toàn tỉnh Điện Biên.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp được duy trì ở mức khá. Không gian công nghiệp được xây dựng phát triển khá sát với định hướng của Quy hoạch năm 2006.

### **3.3. Hiện trạng ngành thương mại, dịch vụ**

Khu vực kinh tế dịch vụ tăng nhanh nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất; giai đoạn 2011-2015 đạt 13,7%. Tỷ trọng khu vực dịch vụ trong GRDP của tỉnh là 49,8%. Giá trị ngành thương mại, dịch vụ năm 2015 là 7.779,85 tỷ đồng, chiếm 37,08%.

Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 ước đạt 29.339,154 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 17,67%/năm. Thương mại tại các đô thị đã thu hút được các thành phần kinh tế tư nhân đầu tư, doanh nghiệp và hộ kinh doanh thương mại phát triển mạnh, song tập trung tại địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.

- Nhận xét:



+ Khu vực kinh tế dịch vụ tăng nhanh nhất và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng còn thấp hơn so với mục tiêu đề ra của Quy hoạch tổng thể KTXH năm 2006.

+ Thu hút được các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh trên thị trường. Mạng lưới kinh doanh thương mại phát triển.

+ Cơ sở hạ tầng thương mại đã huy động được nguồn lực từ các thành phần kinh tế kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

+ Kết cấu hạ tầng thiết yếu của Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang và nâng cấp cải tạo đường ra các cặp cửa khẩu trên địa bàn đang được tích cực triển khai đầu tư.

### **3.4. Hiện trạng ngành du lịch**

#### *3.4.1 Đánh giá chung*

Du lịch tuy có bước phát triển nhưng chưa bền vững, tiềm năng du lịch chưa được khai thác có hiệu quả; lượng khách đến hàng năm không ổn định, chỉ tập trung vào những năm có sự kiện chính trị lớn; số ngày lưu trú bình quân và mức chi tiêu bình quân của khách du lịch chưa cao; Các sản phẩm, dịch vụ du lịch nhìn chung vẫn còn nghèo nàn, đơn điệu, tính hấp dẫn chưa cao.

Kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ, chưa khai thác hết tiềm năng, lợi thế du lịch, đặc biệt là liên kết khai thác các tuyến du lịch với các tỉnh Bắc Lào, các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, Vân Nam – Trung Quốc qua cửa khẩu đường bộ trên địa bàn.

Các cơ sở lưu trú, hệ thống nhà hàng, khách sạn chưa đáp ứng cả về số lượng và chất lượng, nhất là vào những dịp cao điểm hoặc khi tổ chức các sự kiện lớn.

Việc tổ chức hoạt động du lịch còn manh mún, nhỏ lẻ, sự liên kết và tính chuyên nghiệp chưa cao; các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn còn ít về số lượng và hạn chế về năng lực hoạt động, chưa thu hút được các doanh nghiệp lữ hành lớn đặt chi nhánh, văn phòng đại diện tại Điện Biên; xã hội hóa hoạt động du lịch chưa có nhiều hiệu quả; sức cạnh tranh của doanh nghiệp du lịch còn yếu; các loại hình dịch vụ vui chơi, giải trí, sinh thái còn nghèo nàn, sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chất lượng thấp và chưa đủ sức hấp dẫn khách du lịch.

Chưa đẩy mạnh việc xã hội hóa du lịch; chưa gắn kết, phát huy được du lịch văn hóa cộng đồng gắn với các bản làng dân tộc - một thế mạnh du lịch của tỉnh.

Cơ chế thu hút phát triển du lịch chưa thỏa đáng, chưa có nhà đầu tư lớn trong lĩnh vực du lịch tham gia đầu tư trên địa bàn.

#### *3.4.2 Thực trạng phát triển du lịch tại khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Mường Phăng*

Điện Biên nói chung và khu du lịch Điện Biên Phủ nói riêng giữ vị trí quan trọng là đầu mối du lịch Việt Nam với Vân Nam (Trung Quốc) để phát triển thị trường với Trung Quốc trong khuôn khổ Hợp tác hai hành lang một vành đai kinh tế; cửa ngõ với

các tỉnh Bắc Lào để phát triển thị trường với các nước ASEAN trong khuôn khổ Hợp tác tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS). Đồng thời Điện Biên Phủ - Pá Khoang là một trong những khu du lịch quốc gia, có vai trò hết sức quan trọng đối với phát triển du lịch của Vùng và cả nước.

Khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang với tiềm năng du lịch to lớn gắn với các giá trị của Chiến thắng Điện Biên Phủ, giá trị sinh thái hồ Pá Khoang và rừng Mường Phăng từ lâu là điểm nhấn, trọng điểm du lịch của tỉnh Điện Biên. Bên cạnh đó thành phố Điện Biên Phủ là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh Điện Biên với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ nên đã trở thành trung tâm du lịch của toàn tỉnh. Thực tế phát triển cho thấy trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay, các chỉ tiêu phát triển về du lịch như lượng khách, thu nhập, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật... luôn chiếm hơn 90% toàn tỉnh. Du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang phát triển ngày càng khẳng định là động lực phát triển du lịch cho toàn tỉnh Điện Biên.

Nhờ vị trí địa kinh tế chiến lược, khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang nằm trên các hành lang kinh tế quan trọng:

- Hành lang trung tâm: Hà Nội - Điện Biên Phủ - Viêng Chăn (CHDCND Lào) dọc quốc lộ 6 và quốc lộ 279 (AH 13) có dự kiến đường sắt liên vận.

- Hành lang Bắc - Nam: Điện Biên Phủ - Mường Lay - Vân Nam (Trung Quốc) theo quốc lộ 12 có dự kiến đường sắt đi Côn Minh, Lệ Giang Trung Quốc.

- Hành lang Đông - Tây: Dọc quốc lộ 279: Điện Biên - Lào Cai - Yên Bái - Tuyên Quang - Bắc Cạn - Thái Nguyên - Bắc Giang - Quảng Ninh.

- Hành lang Tây - Bắc: Phong Sa Lý, U Đôm Say - Luông Pha Bông (CHDCND Lào) - Điện Biên Phủ - Mường Chà - Mường Nhé - Vân Nam (Trung Quốc).

Thời gian qua, nhờ xác định đúng hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy tốt mọi nguồn lực đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương và các tỉnh bạn, kinh tế của Điện Biên phát triển với tốc độ khá nhanh và ổn định. Trong sự nghiệp phát triển kinh tế có sự đóng góp của hoạt động dịch vụ du lịch toàn tỉnh Điện Biên nói chung và của khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang nói riêng.

Những đóng góp về kinh tế và xã hội của ngành du lịch Điện Biên nói chung và khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang nói riêng được thể hiện ở các mặt sau:

- Góp phần tăng thu ngân sách và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh
- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống vật chất cho cộng đồng dân cư và công tác xoá đói giảm nghèo, vươn lên làm giàu của địa phương
- Góp phần tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho tỉnh
- Góp phần nâng cao dân trí
- Góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, các giá trị di tích và cảnh quan môi trường và tuyên truyền giới thiệu vẻ đẹp đất nước, con người Điện Biên, giáo dục truyền thống

Về hạ tầng kỹ thuật: Nền tảng hệ thống hạ tầng trong khu du lịch như giao thông; cấp điện, cấp, thoát nước; thông tin truyền thông.v.v... đã bước đầu hình thành tạo tiền đề phát triển cho khu du lịch sau này.

Về quỹ đất phát triển: Quỹ đất phát triển du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển du lịch lâu dài.

Về công tác quy hoạch: Trong những năm qua, công tác quy hoạch đã được địa phương quan tâm. Ngành Du lịch tỉnh Điện Biên đã tiến hành lập quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh, quy hoạch chung khu du lịch hồ Pá Khoang, quy hoạch chi tiết xây dựng (1/2.000) khu du lịch hồ Huổi Phạ, động Pá Thơm làm cơ sở quản lý phát triển du lịch theo quy hoạch và kêu gọi các dự án đầu tư. Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên cũng đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thành phố Điện Biên Phủ đến năm 2030, tầm nhìn 2050 trong đó định hướng sử dụng đất phát triển du lịch khu vực thành phố đến năm 2030 tạo tiền đề quan trọng cho công tác phát triển khu du lịch quốc gia. Tuy nhiên, các quy hoạch này mang tính chất cục bộ, mà chưa có định hướng tổng thể. Do đó, năm 2015 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang, tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu đến năm 2030 Khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang thực sự trở thành Khu du lịch quốc gia, trở thành điểm nhấn trên tuyến du lịch qua miền Tây Bắc, tạo động lực thúc đẩy phát triển du lịch và kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và cả nước làm cơ sở cho địa phương lên kế hoạch và thực hiện các bước quy hoạch và đầu tư xây dựng có hiệu quả.

Sau khi quy hoạch được phê duyệt, hiện nay tỉnh Điện Biên đang triển khai từng bước lập các quy hoạch chug, quy hoạch chi tiết để cụ thể hóa quy hoạch tổng thể được phê duyệt.

### **3.5. Hiện trạng ngành nông, lâm, thủy sản**

Khu vực nông nghiệp vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng, cơ bản đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh diện tích đất canh tác nông nghiệp giảm. Cơ cấu chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng nông nghiệp.

## **4. Hiện trạng hạ tầng xã hội**

### *a. Hiện trạng y tế*

Mạng lưới y tế toàn tỉnh khá đầy đủ. Tuy nhiên cơ sở vật chất, thiết bị còn thiếu, nhiều cơ sở y tế xã khó đạt chuẩn quốc gia do điều kiện các xã yếu và thiếu về mọi mặt. Bình quân số giường bệnh công lập khoảng 43,2- cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh trong giai đoạn hiện tại.

### *b. Về giáo dục*

Mạng lưới trường lớp được phát triển khá đồng bộ, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Quy mô học sinh duy trì tương đối ổn định ở cấp tiểu học, THCS, THPT và phát triển nhanh ở cấp mầm non. Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp mẫu giáo đạt 97,7%; trẻ 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,7%; trẻ 11-14 tuổi học THCS đạt 94%; trẻ 15-18 tuổi học THPT đạt 56,3%. Tỷ lệ học sinh các cấp lên lớp đạt trên 99,5%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 98,92%.

### *c. Về đào tạo:*

Tỉnh hiện có 04 trường Cao đẳng với trên 12.000 sinh viên, học viên; 10 trung tâm, trong đó có 08 trung tâm GDTX và 02 trung tâm ngoại ngữ - tin học với quy mô đào tạo khoảng 3.000 học sinh, sinh viên. Hoạt động liên kết đào tạo được phối hợp tổ chức có hiệu quả đáp ứng nhu cầu học tập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

#### d. Hiện trạng văn hóa

Tỉnh Điện Biên đã lập và phê duyệt Đề án bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, gắn với phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025. Đến nay, việc triển khai Đề án nhìn chung đã đạt được một số kết quả tích cực.

Nhìn chung trong các năm qua, các mặt văn hóa - xã hội tiếp tục có chuyển biến tích cực, quốc phòng, an ninh được đảm bảo; các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn tiếp tục được quan tâm tổ chức, đáp ứng phần lớn nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tinh thần của người dân; Tuy nhiên, các thiết chế văn hóa, thể thao tuy đã được chú trọng đầu tư song vẫn còn thiếu và chưa hoàn thiện, năng lực cán bộ còn nhiều hạn chế đặc biệt là ở cấp cơ sở; Nguồn kinh phí đầu tư cho thể thao còn hạn chế đặc biệt là việc đầu tư cho công tác đào tạo, huấn luyện các vận động viên thể thao thành tích cao chưa đáp ứng yêu cầu thực tế; Đội ngũ HLV còn thiếu, trình độ chuyên môn không đồng đều, chưa đáp ứng cho công tác đào tạo VĐV thành tích cao; chưa xây dựng được chương trình đào tạo VĐV thể thao cơ sở và chưa thành lập được các lớp năng khiếu TDTT trong các trường phổ thông để làm nền tảng trong công tác tuyển chọn, huấn luyện nâng cao thành tích thi đấu;

## 5. Hiện trạng phát triển hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn

### 5.1. Hiện trạng phát triển đô thị

Toàn tỉnh Điện Biên năm 2015 có 07 đô thị trong đó có 1 đô thị loại III là thành phố Điện Biên Phủ, 4 đô thị loại V là các thị trấn huyện lỵ .

Bảng 2.1: Hiện trạng các đô thị

T	Tên đô thị	Trực thuộc	Loại	Tính chất	Diện tích tự nhiên (ha)	Dân số (người)
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Tỉnh	III	Trung tâm KT-XH Tỉnh	6.444,10	55.072 (63.277 tính cả quy đổi tạm trú)
2	Thị xã Mường Lay	Tỉnh		Trung tâm KT-XH vùng phía Bắc tỉnh	11.266,56	11.176
3	Thị trấn Mường Chà	H. Mường Chà	V	Huyện lỵ	2.215,9	4.396

4	Thị trấn Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	V	Huyện lỵ	258,02	3.787
5	Thị trấn Tuần Giáo	H. Tuần Giáo	V	Huyện lỵ	1.714,89	8.534
6	Thị trấn Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	V	Huyện lỵ	2.397,77	3.213
7	Thị trấn Mường Ảng	H. Mường Ảng		Huyện lỵ	662,9	4.484
8	Trung tâm H. Điện Biên	H. Điện Biên		Huyện lỵ	254	
9	Trung tâm H. Mường Nhé	H. Mường Nhé		Huyện lỵ	300	
10	Trung tâm H. Nậm Pồ	H. Nậm Pồ		Huyện lỵ	120	

*Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Điện Biên năm 2015*

Mạng lưới đô thị toàn tỉnh hiện nay chưa hoàn chỉnh. Trong 10 đơn vị hành chính thì thành phố Điện Biên Phủ được công nhận là đô thị loại III, thị trấn Điện Biên Đông và thị trấn Tủa Chùa là đô thị loại V; các đô thị thị xã Mường Lay, thị trấn Tuần Giáo, thị trấn Mường Ảng, thị trấn Mường Chà, ; Trung tâm các huyện Điện Biên, Mường Nhé và Nậm Pồ là 3 đơn vị hành chính dù đã được lập Quy hoạch chung xây dựng nhưng hiện nay vẫn chưa được công nhận là đô thị.

*a) Tình hình đô thị hoá:*

- Tỷ lệ đô thị hoá đạt: 15,09%, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ đô thị hoá trung bình toàn quốc, tốc độ đô thị hoá diễn biến chậm.

- Các vùng có tốc độ đô thị hoá cao tập trung vào khu vực Tp Điện Biên Phủ, TT. Tuần Giáo, Tx. Mường Lay, các đô thị dọc theo quốc lộ 279, QL12, tạo thành nút tam giác Tp. Điện Biên Phủ - TT. Tuần Giáo - Tx Mường Lay. Tại các trục đô thị này đã xây dựng một số xí nghiệp, nhà máy, thuận lợi về hạ tầng kỹ thuật như cấp điện, mật độ dân cư cao, tuy nhiên quỹ đất xây dựng còn ít và khó khăn.

- Các vùng có tốc độ đô thị hoá kém, chậm phát triển là vùng phía Tây tỉnh, khu vực Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà,... Tại đây, mật độ dân cư thấp 23,7-36,2người/km<sup>2</sup>, hạ tầng kém, thiếu điện, đường giao thông, thuộc vùng sâu, vùng xa của tỉnh.

*b) Chất lượng đô thị:*

Không đồng đều và yếu kém, đặc biệt là các đô thị huyện lỵ.

Thành phố Điện Biên Phủ: Là đô thị tỉnh lỵ của tỉnh Điện Biên; là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa xã hội, khoa học kỹ thuật và là đô thị trung tâm vùng Tây Bắc; là trung tâm du lịch trọng điểm quốc gia; là trung tâm kinh tế du lịch, công nghiệp, nông lâm nghiệp và là trung tâm đầu mối giao thông của khu vực vùng Tây Bắc; có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng. Hiện nay, TP Điện Biên Phủ đang trong giai đoạn đô thị hóa mạnh. Với sự phát triển nhanh cả về quy mô dân số và hệ thống cơ sở vật chất hệ thống hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và du lịch. Tuy nhiên do Quy hoạch chung thành phố Điện Biên Phủ mới được lập và phê duyệt, các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết chưa được phủ kín cũng như chưa khả thi cần phải điều chỉnh nên việc xây dựng phát triển đô thị còn gặp nhiều khó khăn. Số lượng cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, dạy nghề còn ít, chưa có trường đại học, chưa có nhiều khu vui chơi giải trí phục vụ cho nhu cầu của người dân. Một số hạng mục hạ tầng theo tiêu chí đô thị loại III chưa được xây dựng hoàn thiện như Nhà máy xử lý rác thải, hệ thống thu gom xử lý nước thải, công viên ven sông Nậm Rốm. Các thành phố, thị xã và hầu hết các thị trấn, đã có khu nghĩa trang nhân dân với quy mô đủ phục vụ trong giai đoạn quy hoạch, tuy nhiên chưa đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh và cần phải đầu tư thêm về hạ tầng đường giao thông để đảm bảo đi lại thuận tiện và giữ vệ sinh môi trường. Hiện nay TP Điện Biên Phủ

đang trong quá trình thực hiện di chuyển toàn bộ trung tâm hành chính của tỉnh, của thành phố sang vị trí mới theo quy hoạch chung được phê duyệt, dành toàn bộ quỹ đất tại khu trung tâm hiện hữu để tôn tạo di tích lịch sử Điện Biên Phủ, phát triển dịch vụ du lịch, thương mại văn hóa.

Các đô thị còn lại: Hầu hết các đô thị còn lại có chất lượng đô thị kém, quy mô nhỏ từ 2.500 - 5.000 dân, sức phát triển kém, hệ thống giao thông còn thiếu, chất lượng xấu, việc cấp nước sạch còn khó khăn, bộ mặt kiến trúc còn nghèo nàn, một số bộ phận dân cư đô thị còn sinh hoạt theo kiểu làng, bản nông thôn. Đặc biệt tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong đô thị thấp, có nơi chỉ chiếm có 30%, đây là một khó khăn lớn trong việc nâng cao chất lượng đô thị và hạn chế khả năng phát triển đô thị.

Nhìn chung mạng lưới, tốc độ đô thị hóa tỉnh Điện Biên chậm hơn so với các tỉnh khác trong vùng, nguyên nhân chính là tỉnh Điện Biên mới được thành lập, nhiều huyện mới tách nhập chưa xây dựng được thị trấn huyện lỵ, Điện Biên lại xa các trung tâm đô thị lớn, giao thông đi lại khó khăn, quỹ đất xây dựng hiếm, kinh tế địa phương phát triển còn yếu kém, do vậy tốc độ đô thị hóa và khả năng phát triển gặp nhiều khó khăn.

## 5.2. Hiện trạng phát triển nông thôn

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 116 xã phân bố trên địa bàn trải rộng. Tiến độ triển khai công tác quy hoạch và xây dựng đề án Nông thôn mới còn chậm. Đến thời điểm năm 2017 toàn tỉnh có 8/116 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó có 4/116 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Thanh Chăn, Noong Hẹt – huyện Điện Biên; Ảng Nưa huyện Mường Ảng; Thanh Minh thành phố Điện Biên Phủ) chiếm 3,44%; 4/116 xã cơ bản đạt từ 15-18 tiêu chí (các xã: Thanh Hưng, Thanh Luông, Thanh Xương huyện Điện Biên; xã Lay Nưa thị xã Mường Lay) chiếm 3,44%. Các xã còn lại có 6/116 xã đạt từ 10-14 tiêu chí chiếm 5,17%; có 58/116 xã đạt từ 5-9 tiêu chí chiếm 50%; còn 44/116 xã đạt dưới 5 tiêu chí chiếm 37,9%; số tiêu chí bình quân đạt/xã 6,15 tiêu chí.

### Thực trạng tái định cư

Theo quy hoạch tổng thể tái định cư đã được phê duyệt điều chỉnh, trên địa bàn có 5 vùng, 11 khu, 11 điểm tái định cư có khả năng dung nạp toàn bộ 4.436 hộ tái định cư trên địa bàn tỉnh. Đến nay đã triển khai 278 dự án thành phần trong đó đã hoàn thành đưa vào sử dụng là 181 dự án. Các dự án được xây dựng cơ bản đảm bảo chất lượng phát huy hiệu quả đầu tư góp phần hoàn thiện hạ tầng kinh tế- xã hội, giúp nhân dân tái định cư nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Đến nay, đã hoàn thành di chuyển 4.359/4.436 hộ, tăng 23 hộ so với Quyết định số 801/QĐ-TTg, cụ thể: Thị xã Mường Lay thực hiện di chuyển 3.579 hộ với 12.466 nhân khẩu; thành phố Điện Biên Phủ 245 hộ với 980 nhân khẩu; huyện Tủa Chùa 388 hộ với 2.374 nhân khẩu; huyện Mường Chà 20 hộ với 111 nhân khẩu; huyện Mường Nhé 37 hộ với 336 nhân khẩu; và dự án đường tránh ngập quốc lộ 12 (trên địa bàn tỉnh Điện Biên) 190 hộ với 743 nhân khẩu.

Tổng số hộ được bố trí tại 11 khu gồm 14 điểm tái định cư trên địa bàn tỉnh là 4.329/4.423 hộ (giảm 2 khu, 3 điểm so với quy hoạch tổng thể được phê duyệt). Công tác di chuyển, tái định cư được đảm bảo tiến độ và an toàn tuyệt đối.

### Thực trạng quy hoạch phát triển vùng biên giới

- Về phân bố dân cư: Dọc theo đường biên giới Việt - Lào chủ yếu là các khu dân cư nông thôn của các huyện Mường Nhé, Nậm Pồ và Điện Biên. Dân cư trong khu vực phân bố không đồng đều, quy mô nhỏ, mật độ dân cư thấp, đặc biệt là huyện Mường Nhé (21 người/km<sup>2</sup>).

- Về cửa khẩu: Trên tuyến biên giới Việt - Lào có các cửa khẩu sau:

- + Cửa khẩu quốc tế Tây Trang - Pang Hốc;
- + Cửa khẩu chính Huổi Puốc - Na Son;
- + Cửa khẩu phụ Si Pa Phìn - Huổi Lả;
- + Lối mở Nà Bùng - Mốc 49.

+ Lối mở A Pa Chải - Giang Thành. Trên tuyến biên giới Việt - Trung có lối mở A Pa Chải (Mường Nhé) - Long Phú Giang Thành (tỉnh Vân Nam - Trung Quốc) hiện nay đang chuẩn bị các điều kiện để trình Chính phủ cho mở cửa khẩu chính.

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2011-2015 đạt 148,398 triệu USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 73,3%/năm.

+ Xuất khẩu: Giai đoạn 2011 - 2015 tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ đạt 93,354 triệu USD. Trong đó: xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ địa phương đạt 50,289 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu xi măng, vật liệu xây dựng, nông sản và hàng tiêu dùng sang thị trường Lào. Mặt hàng xuất khẩu sang Lào qua cửa khẩu Tây Trang khá ổn định, chủ yếu là xi măng. Mặt hàng xuất khẩu qua cửa khẩu Huổi Puốc chủ yếu là hàng nông sản.

+ Nhập khẩu: Tổng kim ngạch nhập khẩu 5 năm (2011 - 2015) đạt 55,044 triệu USD, trong đó nhập khẩu địa phương đạt 27 triệu USD. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu ngô, gỗ sẻ, thiết bị nhà máy thủy điện và hàng hóa tiêu dùng. Mặt hàng nhập khẩu từ Lào qua cửa khẩu Tây Trang và khẩu Huổi Puốc khá ổn định, chủ yếu là nông lâm sản và một số đồ điện gia dụng và đồ uống có xuất xứ từ Thái Lan. Mặt hàng nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là máy móc, thiết bị (quạt điện các loại), phương tiện giao thông (xe máy) và hàng công nghiệp gia dụng khác như các loại mỹ phẩm.

- Về kết nối hạ tầng giao thông với hai nước Lào và Trung Quốc: Các tuyến đường ra biên giới, đường vành đai biên giới đi trùng với các quốc lộ đóng vai trò quan trọng đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới và lưu thông thuận tiện với nước bạn nhằm phát triển KT-XH khu vực, bao gồm: tuyến QL279 là tuyến kết nối giao thông quốc tế giữa tỉnh Điện Biên với Lào, Thái Lan. Tuyến đường Pom Lót - cửa khẩu Huổi Puốc đóng vai trò đường giao thông liên kết Điện Biên với tỉnh LuôngPha Bông (Lào). Tuyến đường QL4H đoạn SiPa Phin - cửa khẩu Huổi Lả kết nối giao thông giữa tỉnh Điện Biên với một số bản thuộc huyện Mường Mây tỉnh Phong Sa Ly (Lào). Tuyến đường QL4H Na Pheo - Pắc Ma - cửa khẩu A Pa Chải đóng vai trò đường giao thông kết nối giữa tỉnh Điện Biên với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).

## 6. Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường

### 6.1. Hiện trạng giao thông

#### 6.1.1. Giao thông đối ngoại

##### *Hiện trạng hệ thống đường bộ:*

##### *a) Quốc lộ:*

Địa bàn tỉnh Điện Biên có 06 tuyến quốc lộ chạy qua là QL6, QL12, QL 12 kéo dài, QL279, QL279B, QL 279C, QL4H với tổng chiều dài 751km; về kết cấu mặt đường có 302,7 km mặt đường bê tông nhựa(BTN) chiếm 40% ; 380,14km mặt đường đá dăm nhựa chiếm 51%, có 68,2km đường BTXM chiếm 9%. Các tuyến quốc lộ kết nối với nhau tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn thông suốt, là động lực chính trong phát triển KTXH, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực biên giới của tỉnh.

##### *b) Đường bộ ASEAN AH13 (Hà Nội - Điện Biên - Tây Trang - Lào):*

Qua địa bàn tỉnh Điện Biên gồm QL6 đoạn từ đèo Pha Đin đến TT. Tuần Giáo, chiều dài 17km và QL279 đoạn từ Tuần Giáo đi cửa khẩu quốc tế Tây Trang, chiều dài 113,2km, cấp IVmn.

##### *c) Đường hành lang biên giới:*

Qua địa bàn tỉnh Điện Biên gồm QL279, QL279C, QL4H đang được xây dựng nâng cấp cải tạo, tuyến Pom Lót - Núa Ngam - Mường Nhà - Mường Lói - Bản Phúng Lét và đoạn ra cửa khẩu Huổi Puốc đã hoàn thành xây dựng mới.

**Hiện trạng Cảng hàng không Điện Biên:**

Sân bay Điện Biên được nâng cấp cải tạo thành cảng hàng không dân dụng của thành phố Điện Biên Phủ từ năm 2004 (Cấp 3C theo tiêu chuẩn ICAO).

Hiện tại có 1 đường cất hạ cánh 1.830mx30m, sân đỗ máy bay 12.000m<sup>2</sup> cho 4 máy bay, nhà khách rộng 2.500m<sup>2</sup> với trang thiết bị và công nghệ hiện đại, bãi đỗ ô tô diện tích 3.500m<sup>2</sup>. Cảng hàng không đang khai thác loại máy bay ATR-72 với 2 chuyến bay mỗi ngày từ Hà Nội đến Điện Biên và 2 chuyến bay theo chiều ngược lại Điện Biên - Hà Nội.

**Hiện trạng đường thủy nội địa:**

- Các tuyến giao thông thủy:

+ Sông Đà (Mường Lay - cầu Pa Uôn) chiều dài 100km, cấp sông III.

+ Sông Nậm Lay (phụ lưu chính của sông Đà) chiều dài 53km, cấp VI;

+ Sông Mã (phụ lưu chính là sông Nậm Khoan, Nậm Mất), chiều dài 89km, cấp VI.

- Các bến sông: Các bến tự phát chưa được xây dựng hoàn chỉnh gồm các bến sông ở Đồi Cao, Nậm Múc, Huổi Sớ, Pắc Ma... Lượng hàng hóa và hành khách được vận chuyển còn thấp. Phương tiện vận tải thủy bị hạn chế về kích thước, tải trọng, chủ yếu trọng tải 10-20 tấn.

**6.1.2. Giao thông đối nội:****a) Đường tỉnh:**

Hiện có 6 tuyến đường tỉnh với tổng chiều dài 140km gồm ĐT 139, ĐT 140, ĐT 141, ĐT 142, ĐT143, ĐT150. Hầu hết các tuyến đạt quy mô cấp VI<sub>mn</sub>, với kết cấu mặt đường ĐDN. Còn lại 17 tuyến do huyện quản lý với tổng chiều dài 467,8km hiện tại cấp kỹ thuật mới đạt GTNTA,B, có 139,1km đường ĐDLN chiếm 29,7%, 268,9km đường cấp phối chiếm 57,5%, và đường đất 59,8km chiếm 12,9%.

b) Đường huyện: Hiện có 102 đường huyện với tổng chiều dài 1.043,2 km, có 43,9km đường BTXM chiếm 4,2%, 321,7 km đường đá nhựa chiếm 30,8%, 432km đường cấp phối chiếm 23,5% và đường đất 245,5km chiếm 23,5%.

c) Đường xã: Hiện có 1.880,2km đường xã, trong đó 114,2km đường BTXM chiếm 6,07%, 98,9km đường đá nhựa chiếm 5,26%, 180,8km đường cấp phối chiếm 9,6%, 1486,4km đường đất chiếm 79,1%.

d) Đường đô thị: Tổng chiều dài đường đô thị của tỉnh Điện Biên là 204,7 km, trong đó: đường BTXM có 51,7 km chiếm 25,2%, đường BTN 54,6km chiếm 26,7%, đường đá dăm nhựa 75,6km chiếm 37,0%, đường cấp phối, đường đất 22,8km chiếm 11,1%. Các đường đô thị tập trung chủ yếu ở thành phố Điện Biên Phủ 124,9 km chiếm 61% đường đô thị của cả tỉnh, đường đô thị thị xã Mường Lay 32,6km chiếm 15,9% đường đô thị của cả tỉnh.

e) Đường tuần tra biên giới:



Gồm 5 tuyến với tổng chiều dài 74,2km, cấp đường GTNT A, mặt đường BTXM, gồm:

*Bảng 2.2: Hiện trạng đường tuần tra biên giới trên địa bàn tỉnh Điện Biên*

TT	Đường Tuần Tra Biên Giới	Số tuyến	Tổng chiều dài (km)
	<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>81.2</b>
1	Đồn 317 (Đoạn A Pa Chải) - Tả Long San	1	27.0
2	Đồn 405 - Tả Long San	1	20.0
3	Đồn 419 Mường Pồn	1	14.5
4	Đồn 415 Nà Khoa	1	12.7
5	Đồn Nà Búng đi mốc 49	1	7.0

*Nguồn: Hiện trạng giao thông tỉnh Điện Biên năm 2016, huyện Nậm Pồ*

*g) Bến xe khách:*

Hiện có 6/7 bến xe khách đã được công bố, xếp loại theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ GTVT.

#### *6.1.3. Hiện trạng vận tải tỉnh Điện Biên:*

Khối lượng vận chuyển hành khách đạt 1.120,0 nghìn lượt người, hành khách luân chuyển 220,88 triệu lượt HK. Khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 2.890 nghìn tấn; khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt 118,397 triệu T.Km.

#### *6.1.4. Đánh giá chung:*

- Hệ thống giao thông đường bộ: Hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh đã và đang được đầu tư cơ bản hoàn thành cấp IVmn, là các trục kết nối chính với các tỉnh lân cận tương đối thuận lợi, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển KT-XH, đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh nói riêng và của vùng Tây Bắc nói chung. Đường tỉnh chưa được đầu tư nhiều, đường huyện phân bố chưa hợp lý, tỉ lệ cứng hóa đạt 17% , 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm xã, trong đó hơn 70% được cứng hóa, do đó mùa mưa đi lại rất khó khăn. Mật độ đường của tỉnh rất thấp chỉ có 0,95km/km<sup>2</sup>. Bến xe khách chưa được đầu tư đúng mức, còn nhiều bến tạm chưa đáp ứng được với nhu cầu phát triển. Vận tải đã đáp ứng cơ bản nhu cầu đi lại, đặc biệt là vận tải liên tỉnh.

- Hệ thống giao thông đường thủy nội địa chưa phát triển, luồng lạch bến bãi còn nguyên hiện trạng tự nhiên, hoạt động giao thông đường thủy trên vùng lòng hồ thủy điện Sơn La đang diễn ra tự phát, phức tạp, nhất là trên địa bàn TX Mường Lay, Tủa Chùa.

## **6.2. Hiện trạng chuẩn bị kỹ thuật**

### *6.2.1. Hiện trạng thủy lợi:*

- Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 13 hồ chứa đã đưa vào khai thác sử dụng với tổng dung tích hữu ích 75,9 triệu m<sup>3</sup>, trong đó: Số hồ có dung tích thiết kế trên 10 triệu m<sup>3</sup> là: 01 hồ; Số hồ chứa có dung tích thiết kế 3÷•10 triệu m<sup>3</sup> là: 01hồ; Số hồ chứa có dung tích thiết kế 1÷•3 triệu m<sup>3</sup> là: 06 hồ; Số hồ chứa có dung tích thiết kế từ 0,2÷•1 triệu m<sup>3</sup> là: 05 hồ.

- Ngoài chức năng cung cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, hệ thống hồ, đập, kênh, mương thủy lợi còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nhẹ các hiện tượng thiên tai: lũ lụt, sạt, trượt lở đất ...

#### 6.2.2. Hiện trạng nền xây dựng:

##### a) Khu vực đô thị:

Đô thị tỉnh Điện Biên hầu hết các đô thị của tỉnh được lựa chọn ở địa thế đẹp, địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi giao thông và các điều kiện hạ tầng khác. Các đô thị trong tỉnh đều có luận chứng lựa chọn địa điểm, hạn chế chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai và tai biến môi trường.

Tuy nhiên Điện Biên lại nằm trong vùng động đất nên các đô thị ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng của hiện tượng địa chấn nguy hiểm này. Tỉnh có địa hình phức tạp, là đầu nguồn của các sông suối lớn nên cũng chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai (lũ lụt, lũ quét, lũ ống) nhất là độ che phủ của rừng hạn chế như hiện nay.

##### b) Khu vực nông thôn:

Nền xây dựng các khu dân cư nông thôn trong tỉnh hầu hết phụ thuộc vào việc lựa chọn địa điểm xây dựng thôn bản và tập quán sinh hoạt của mỗi dân tộc, hầu hết nền xây dựng ở các khu dân cư nông thôn đều dựa trên nền địa hình tự nhiên ít san lấp và chỉ san gạt cục bộ.

Tuy nhiên ở những khu vực thấp, ven các trục lộ cũng có các trường hợp phải san lấp lớn hoặc san nền theo cấp khi xây dựng công trình để nền công trình phù hợp với địa hình chung của khu vực.

#### 6.2.3. Hiện trạng thoát nước mưa:

a) Khu vực đô thị: Hệ thống thoát nước mưa đã cơ bản được hình thành ven các trục giao thông và ven các tiểu khu. Hầu hết sử dụng hệ thống thoát chung với nước thải. Chế độ thoát tự chảy. Kết cấu đa dạng kết hợp giữa mương nắp đan, cống tròn và cống hộp. Cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu về thoát nước mặt trong thời điểm hiện tại. Trong 10 đô thị thì chỉ còn đô thị Nậm Pồ hiện đang trong quá trình xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Khu vực nông thôn: Khu vực dân cư nông thôn hiện nay hầu như chưa có xây dựng hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra sông, suối, khe hoặc tự thấm.

#### 6.2.4. Tình hình thiên tai, tai biến thiên nhiên:

Trong những năm gần đây do điều kiện thời tiết khí hậu diễn biến khá phức tạp khó lường và các hoạt động kinh tế của con người thiên tai liên tiếp xảy ra vào những thời điểm thời tiết bất lợi.

Các loại hình TBTN chủ yếu gồm: ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất đá, mưa đá, lốc xoáy, giá rét, giông sét, sương muối, hạn hán và động đất... gây nhiều khó khăn cho sản xuất, đời sống nhân dân, phá hủy môi trường sinh thái.

## 6.2.5. Đánh giá đất xây dựng:

Bảng 2.3: Diện tích phân loại đất xây dựng

S T T	Tên	Loại đất							
		Loại I		Loại II		Loại III		Loại IV	
		S (ha)	Tỷ lệ (%)	S (ha)	Tỷ lệ (%)	S (ha)	Tỷ lệ (%)	S (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Thành phố Điện Biên	570	11,18	1462,1	28,69	2966,2	58,20	98,08	1,92
2	Thị xã Mường Lay	538,3	6,38	1551,3	18,38	6340,9	75,17	35,35	0,06
3	Huyện Điện Biên	4974,3	3,02	103384,0	62,69	56231,5	34,10	308,56	0,18
4	Huyện Điện Biên Đông	406,3	0,03	11672,0	9,67	108549,2	89,98	6,34	0,01
5	Huyện Tuần Giáo	1780,4	1,13	16787,3	10,60	139684,0	88,26	4,54	0,003
6	Huyện Tủa Chùa	393,5	0,58	10303,3	15,16	57241,0	84,25	3,03	0,004
7	Huyện Mường Chà	2395,0	0,74	78687,4	24,36	241873,0	74,88	72,02	0,02
8	Huyện Mường Nhé	601,02	0,38	41980,07	26,76	86422,46	55,08	564,03	0,36
9	Huyện Nậm Pồ	352,42	0,24	23982,82	16,04	52982,85	35,43	674,79	0,45
10	Huyện Mường Ảng	353,29	0,80	28360,75	63,96	11103,59	25,04	514,32	1,16

## 6.3. Hiện trạng cấp nước

## 6.3.1 Hiện trạng nguồn nước:

## a) Nước mưa:

Điện Biên là tỉnh có lượng mưa và số ngày mưa nhiều nhất khu vực Tây Bắc. Lượng mưa phân bố không đều giữa các tháng và chia làm 2 mùa rõ rệt.

Lượng mưa năm trung bình của Điện Biên khoảng 1600-1800 mm. Lượng mưa năm lớn nhất đạt 2.240 mm (năm 1994) lớn gấp 3.06 lần lượng mưa năm nhỏ nhất 731.8 mm (năm 1965). Lượng mưa tháng nhỏ nhất đo được ở huyện Tủa chùa là 20mm (tháng 12).

## b) Nước mặt:

Nhìn chung mạng lưới sông ngòi ở Điện Biên tương đối dày đặc và phân bố khá đều. Sông suối ngắn, lòng sông hẹp và dốc với độ dốc trung bình khoảng 20 - 30%, lắm thác nhiều ghềnh, nhất là các sông suối thuộc hệ thống sông Đà và sông nậm Rốm. Thuận lợi cho việc khai thác nguồn nước mặt với trữ lượng dồi dào.

## c) Nước ngầm:

Trong phạm vi địa bàn tỉnh Điện Biên, trữ lượng nước ngầm phân bố khá hạn chế. Nơi phân bố tập trung nhất là thung lũng Điện Biên. Nước ngầm ở vùng tỉnh Điện Biên có chất lượng tốt, là nước nhạt, có thể sử dụng làm nguồn cấp cho dân sinh, kinh tế. Hầu hết diện tích tỉnh có modul tháng kiệt là 5 l/s.km<sup>2</sup>.

Tiềm năng nước ngầm ở Điện Biên sơ bộ được xác định vào khoảng 4.373.376 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hầu hết diện tích tỉnh có modul thác kiệt là 5 l/s.km<sup>2</sup>.

### 6.3.2. Hiện trạng hệ thống cấp nước:

#### a. Cấp nước đô thị:

Toàn tỉnh có 07 đô thị và 02 trung tâm huyện đã có HTCN tập trung với tổng công suất 31.300m<sup>3</sup>/ngày.

Nguồn nước: Chủ yếu dùng nguồn nước mặt từ các Hồ, Suối và các Mỏ nước. Công suất các trạm xử lý từ 400- 16.000m<sup>3</sup>/ngày.

Tỷ lệ dân số được cấp nước của các đô thị đạt từ 55% đến 90%.

Tỷ lệ thất thoát, rò rỉ nước: Từ 25% đến 35%

#### b. Cấp nước khu dân cư nông thôn:

Tính đến hết năm 2015, khu vực nông thôn có 465.094 người. Dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 301.482 người, chiếm tỷ lệ 72,54%.

Toàn tỉnh có 941 công trình cấp nước nông thôn tập trung trong đó có 68 công trình cấp nước tập trung hoạt động tốt, 545 công trình hoạt động với chất lượng trung bình, 200 công trình hoạt động với chất lượng kém, 128 công trình không hoạt động được. Nước sạch đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt -QCVN 02:2009/BYT do Bộ Y tế ban hành tại Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17/06/2009 (Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Điện Biên lấy mẫu và phân tích).

## 6.4. Hiện trạng cấp điện

### a) Nguồn cấp điện và lưới điện 110kV:

Hiện tại tỉnh Điện Biên được cấp điện từ lưới điện Quốc gia thông qua 2 tuyến đường dây 110kV (Sơn La - Thuận Châu - Tuần Giáo, Lai Châu - Tuần Giáo), cung cấp điện cho 3 trạm 110kV (Tuần Giáo, Điện Biên, Xi măng Điện Biên). Nhìn chung các tuyến 110kV và trạm 110kV đang vận hành non tải do tốc độ phát triển nhu cầu phụ tải của tỉnh trong giai đoạn 2011÷2015 không cao. Ngoài ra trên địa bàn còn có các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ phát điện lên lưới 110kV và trung áp, các nguồn thủy điện nhỏ trên địa bàn giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp điện cho phụ tải của tỉnh và đóng góp đáng kể vào sản lượng điện hàng năm của tỉnh Điện Biên.

### b) Lưới điện trung áp:

Chủ yếu phát triển lưới 35kV. Do đặc điểm địa hình đồi núi bị chia cắt bởi các sông suối do đó công tác quản lý vận hành gặp nhiều khó khăn đặc biệt trong mùa mưa lũ. Mặt khác các tuyến đường dây này lại không có liên hệ mạch vòng do vậy khi gặp sự cố gây mất điện trên diện rộng, thời gian sự cố kéo dài.

### c) Lưới điện hạ áp và trạm biến áp phân phối:

Hiện tại đáp ứng nhu cầu phụ tải trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên các tuyến hạ áp đều đi nổi, trạm chủ yếu là trạm treo truyền thống vì vậy cần có kế hoạch hạ ngầm các tuyến hạ thế trong khu vực đô thị và cải tạo kết hợp xây dựng mới các trạm biến áp phân phối dạng trạm xây hoặc kiot, nhằm đảm bảo an toàn và tạo mỹ quan cho khu vực.

## **6.5. Hiện trạng thoát nước nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

Nhìn chung hiện nay môi trường vùng chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm trên diện rộng, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, các biện pháp xử lý kịp thời.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn vùng là chưa hình thành (trừ các thành phố bước đầu đã có dự án thoát nước), đây có thể là một nguy cơ đe dọa đến chất lượng nước mặt và vệ sinh môi trường đô thị. Vì vậy cần phải tiến hành và triển khai các dự án thu gom và xử lý nước bẩn sinh hoạt, nước bẩn công nghiệp.

- Chất thải rắn: Các thành phố, thị xã và hầu hết các thị trấn, đã được thu gom chất thải rắn, tuy nhiên lượng chất thải rắn đã thu gom chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra do lực lượng cán bộ công nhân viên còn thiếu, các phương tiện thiếu, cũ nát và lạc hậu... Chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn và tại khu xử lý, làm ảnh hưởng đến xử lý. Chất thải độc hại chưa được xử lý riêng.

- Nghĩa trang: Các thành phố, thị xã và hầu hết các thị trấn, đã có khu nghĩa trang nhân dân với quy mô đủ phục vụ trong giai đoạn quy hoạch, tuy nhiên chưa đảm bảo khoảng cách ly vệ sinh và cần đầu tư thêm về hạ tầng đường giao thông để đảm bảo đi lại thuận tiện và giữ vệ sinh môi trường.

## **6.6. Hiện trạng thông tin liên lạc**

- Điện Biên có địa hình tương đối phức tạp, nhiều vùng dân cư và địa bàn bị chia cắt, phân tán, giao thông vùng nông thôn khó khăn nên có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển cơ sở hạ tầng và mạng lưới Bưu chính, Viễn thông.

- Các chỉ tiêu về điện thoại và Internet của tỉnh đều thấp hơn mức bình quân chung của cả nước.

- Tuy mạng lưới đạt độ phủ tốt nhưng mức độ sử dụng dịch vụ rất thấp, khách hàng đa phần sử dụng dịch vụ cơ bản (thoại); các dịch vụ mới, dịch vụ giá trị gia tăng có doanh thu thấp. Phát triển viễn thông ở các địa phương không đồng đều.

- Mạng thông tin di động được phủ sóng 100% các huyện nhưng vẫn còn vùng sóng yếu, lờm sóng, các nhà cung cấp dịch vụ hầu hết chỉ phủ sóng đến trung tâm các huyện, khu tập trung đông dân cư.

## **6.7. Hiện trạng môi trường chiến lược**

### *6.7.1. Hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường nước:*

#### *a) Nước mặt:*

- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt: Các nguồn gây ô nhiễm nước mặt chủ yếu là các chất thải đổ vào nguồn nước mặt. Trong các loại chất thải đổ vào nguồn nước mặt trên địa bàn hiện nay chủ yếu là các nguồn nước thải, trong đó gồm nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ và nước thải tại các khu dân cư, thương mại, du lịch.

- Nguồn nước mặt tại các con sông suối tại thành phố Điện Biên Phủ và các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Mường Chà, Mường Nhé, Tủa Chùa, Tuần Giáo, thị xã Mường Lay có chất lượng suy giảm hơn so với các năm trước. Do đó cần có các biện pháp quản lý, hạn chế mức thấp nhất việc gây ô nhiễm nên các dòng sông, suối, ao hồ trên toàn tỉnh.

#### *b) Nước ngầm:*

- Các nguồn gây ô nhiễm nước ngầm: Tại các khu đô thị, thị trấn, TP của Điện Biên việc chọn vị trí đổ chất thải hoặc bẻ phốt làm không tốt nên chất độc cũng như các tác nhân gây bệnh có thể ngấm vào nguồn nước ngầm. Ngoài ra, các loại dầu máy thải, chất tẩy rửa từ các hộ gia đình hoặc thuốc bảo vệ thực vật, phân hoá học dùng trong nông nghiệp cũng gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Do sự di chuyển của nước ngầm rất chậm nên sự nhiễm chất độc có thời gian tích tụ lâu dài, thậm chí sau nhiều năm mới thâm nhập vào nguồn nước ăn. Xét một cách cụ thể thì nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm suy thoái nước dưới đất chính là do việc đổ thải bừa bãi nước thải sản xuất, sinh hoạt ra môi trường .

- Diễn biến ô nhiễm nước ngầm: Chất lượng nước dưới đất của Điện Biên được đánh giá thông qua các chỉ tiêu phân tích trong mẫu nước ngầm được lấy tại các giếng khoan, giếng đào trên địa bàn của tỉnh.

#### *6.7.2. Hiện trạng ô nhiễm đất:*

Do điều kiện kinh phí khó khăn nên trong những năm qua tỉnh Điện Biên chưa triển khai thực hiện các hoạt động lấy mẫu, phân tích đánh giá chất lượng đất. Bởi vậy, không có số liệu đánh giá diễn biến chất lượng môi trường đất qua các năm. Bởi vậy, trong những năm tới, việc đánh giá diễn biến chất lượng môi trường đất là hết sức cần thiết để có các biện pháp phòng ngừa và cải tạo, phục hồi các khu vực bị ô nhiễm.

#### *6.7.3. Hiện trạng đa dạng sinh học:*

- Suy giảm đa dạng sinh học trở nên nhanh chóng ở tỉnh Điện Biên trong những năm qua do chưa có cơ chế phù hợp để huy động người dân tham gia bảo vệ và chăm sóc rừng. Mặt khác do công tác quản lý các đối tượng di dân tự do từ các tỉnh khác lên Điện Biên sinh sống chưa tốt nên đã xảy ra việc chặt phá rừng làm nương rẫy tăng mạnh, dẫn đến tốc độ suy thoái rừng trên địa bàn trong những năm qua đã diễn ra nhanh ở một số khu vực.

- Sự suy giảm tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh đã dẫn tới nhiều tai biến thiên nhiên xảy ra như lũ quét, trượt lở đất xảy ra hàng năm vào mùa mưa, hạn hán gia tăng vào mùa khô. Các thảm họa thiên nhiên xảy ra đã làm thiệt hại nhiều về người và tài sản cho một số khu vực của tỉnh Điện Biên . Thảm họa thiên nhiên không những gây thiệt

hại nhiều cho nền kinh tế của tỉnh mà còn gây ra nhiều vấn đề xã hội bức xúc cho cộng đồng. Nhiều gia đình rơi vào cảnh không nhà cửa, không có lương thực để sinh sống. Từ sự khó khăn về kinh tế đã dẫn đến người dân phải tăng cường khai thác các sản phẩm rừng để sinh sống và cứ vòng luẩn quẩn như vậy là nguyên nhân dẫn đến suy thoái nhanh diện tích rừng, suy giảm nhanh các loài động thực vật rừng do phương thức khai thác không hợp lý của người dân.

#### 6.7.4. Tai biến thiên nhiên và môi trường:

##### a) Tai biến thiên nhiên:

Tỉnh Điện Biên là tỉnh có nguy cơ tai biến thiên nhiên cao. Các tai biến đã xảy ra gây thiệt hại về người và tài sản chủ yếu là trượt lở đất đá, lũ quét, lũ bùn đá, nứt sụt đất, động đất...

##### b) Sự cố môi trường:

Hiện tượng cháy rừng ở Điện Biên đang là vấn đề đáng lo ngại, có thể coi đây là các sự cố môi trường do các hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân.

Sự cố cháy rừng gây thiệt hại đến những cánh rừng bị huỷ hoại, tác động đến hệ sinh thái tại các khu vực cháy mà còn ảnh hưởng lâu dài đến môi trường khu vực, cháy rừng dẫn đến độ che phủ kém đi dẫn đến độ tích lũy nước cho hệ thống nước dưới đất hạn chế, dẫn đến các hiện tượng lũ cuốn, lũ quét gây thiệt hại đến người, tài sản và dẫn đến độ bào mòn đất, dẫn đến đất có độ phù sa giảm, dẫn đến sự bồi lắng dòng chảy trong các sông suối

## 7. Đánh giá việc thực hiện các quy hoạch

### 7.1 Công tác lập và quản lý quy hoạch

#### 7.1.1. Công tác lập quy hoạch

Qua công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn toàn tỉnh cho thấy, trước năm 2010 công tác quy hoạch chưa thực sự đáp ứng kịp so với nhu cầu phát triển kinh tế tại các đô thị, đặc biệt là các đô án quy hoạch đã được phê duyệt cách nay hơn 10 năm. Trong thời gian từ năm 2010 đến nay, tỉnh đã tập trung vào công tác rà soát, điều chỉnh lại các quy hoạch chung tại các đô thị như Thị trấn huyện lỵ huyện Điện Biên Đông, Mường Chà, Tuần Giáo, Tủa Chùa; lập quy hoạch chung của đô thị mới là Nậm Pồ, đồng thời xác định Thành phố Điện Biên Phủ là đô thị đặc biệt quan trọng của tỉnh Điện Biên nên đã được quan tâm, được phê duyệt quy hoạch chung vào năm 2011 và phê duyệt 05 quy hoạch thuộc khu đô thị phía Đông và khu Trung tâm hiện hữu làm cơ sở cho việc triển khai di chuyển trung tâm tỉnh lỵ vào khu vực phía Đông và thu hút các nguồn vốn đầu tư theo như đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt.

Đối với quy hoạch chi tiết tại các đô thị: Tỷ lệ phủ của quy hoạch chi tiết trên quy hoạch chung còn thấp (trung bình khoảng 30%) dẫn đến công tác triển khai quy hoạch, quản lý quy hoạch còn gặp rất nhiều khó khăn.

Các đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được nghiên cứu, khớp nối với các quy hoạch vùng như quy hoạch vùng biên giới Việt - Lào; Việt - Trung; quy hoạch xây dựng vùng Trung du miền núi Bắc bộ; quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006 – 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 230/2006/QĐ-TTg; quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của các huyện; quy hoạch sử dụng đất tại các đô thị và các quy hoạch chuyên ngành khác của tỉnh như: Giao thông, thông tin, nông nghiệp, đất đai, cụm công nghiệp, điện lực, cây xăng, chợ .v.v. nhằm đảm bảo tính đồng bộ khi triển khai quy hoạch; tuy nhiên vẫn còn có sự sai khác về các vấn đề kỹ thuật khi triển khai quy hoạch ra ngoài thực địa tại các đô thị như về tọa độ giữa hồ sơ quy hoạch và hồ sơ quản lý đất đai tuy rằng không lớn.

Đặc thù của các đô thị tại tỉnh Điện Biên là các đô thị miền núi, địa hình phức tạp, quỹ đất khai thác cho xây dựng bị hạn chế do có độ dốc địa hình lớn dẫn đến chất lượng của các đồ án quy hoạch còn thấp nhất là các hồ sơ bộ môn quy hoạch về hạ tầng kỹ thuật (san nền, giao thông, thoát nước), do đó khi triển khai các dự án theo quy hoạch phải điều chỉnh cục bộ nhiều lần cho phù hợp với địa hình miền núi và nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng.

Công tác phân loại đô thị, lập quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch theo phân cấp về quy hoạch là do UBND cấp huyện tổ chức lập, tuy nhiên do không được chú trọng nên trong thời gian gần đây mới triển khai như tại đô thị Mường Nhé, Tuần giáo, Mường Chà, Điện Biên Đông dẫn đến công tác cấp giấy phép xây dựng cho các khu vực nằm ngoài quy hoạch chi tiết gặp rất nhiều khó khăn do không có căn cứ để cấp phép xây dựng.

#### 7.1.2. Về quản lý quy hoạch.

Quy trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch: UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành công tác quy hoạch xây dựng ở địa phương sâu sát và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Các bước tiến hành lập nhiệm vụ, phê duyệt nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch, phê duyệt đồ án quy hoạch đảm bảo đúng theo quy định.

Về phân cấp: việc phân cấp cho cấp huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 còn chưa phù hợp với điều kiện thực tế tại cấp huyện (do chưa đủ nhân lực và năng lực chuyên môn) dẫn đến không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới.

Sự phối hợp trong lập các quy hoạch của các ngành địa phương: Tất cả các đồ án quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị đều có sự tham gia ý kiến của các ngành và cấp huyện bằng văn bản từ bước lập và phê duyệt nhiệm vụ đến bước lập và phê duyệt đồ án quy hoạch nên đồ án quy hoạch được phê duyệt đã đảm bảo tính thống nhất với các quy hoạch khác.

Về kết quả triển khai thực hiện các quy hoạch: Do là tỉnh nghèo, nguồn vốn đầu tư hạn chế, công tác xã hội hóa, thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, đấu giá đất mới tập trung triển khai trong 2 năm gần đây nên việc đầu tư các cơ sở hạ tầng xã



hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị để đáp ứng các tiêu chí của đô thị theo quy hoạch còn chậm không đáp ứng được mục tiêu đề ra.

Về công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch: Chủ yếu được thông qua các hình thức giới thiệu địa điểm, cấp giấy phép quy hoạch, thẩm định dự án đầu tư, cấp giấy phép xây dựng. Đối với Sở xây dựng do chưa thành lập được đội thanh tra, lực lượng thanh tra sở mỏng nên công tác thanh kiểm tra về quy hoạch chưa thực hiện được thường xuyên. Cán bộ chuyên môn ở cấp huyện chưa sâu sát nhất là trong việc quản lý hồ sơ quy hoạch và mốc giới quy hoạch ngoài thực địa, công tác kiểm tra các công trình xây dựng (đặc biệt là nhà ở dân cư) chưa thực hiện thường xuyên, nhiều công trình xây dựng không phép chưa xử lý kiên quyết dẫn đến hiệu quả công tác cấp phép xây dựng chưa cao.

### *7.1.3. Về công tác lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh*

Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 đã được lập và phê duyệt. Sau 5 năm triển khai kết quả đạt được so với mục tiêu Nghị quyết 05-NQ/TU, trong đó mục tiêu xây dựng thành phố Điện Biên Phủ chưa đạt tiêu chuẩn đô thị loại II, thị xã Mường Lay chưa đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Có 5/7 thị trấn các huyện đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (thị trấn Tuần Giáo, thị trấn Tủa Chùa, thị trấn Mường Ảng, thị trấn Mường Chà, thị trấn Điện Biên Đông). Riêng tỷ lệ đô thị hóa; mục tiêu lập kế hoạch chi tiết thành phố Điện Biên Phủ và triển khai đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, khu đô thị mới; ưu tiên quy hoạch và đầu tư Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại khu đô thị phía Đông thành phố đã đạt mục tiêu kế hoạch của Nghị quyết... Công tác phân loại, nâng loại đô thị trên địa bàn rất hạn chế, hiện tại trên địa bàn có 02 đô thị được phân loại (thành phố Điện Biên Phủ và thị trấn Điện Biên Đông), 03 đô thị đang trong quá trình triển khai công tác phân loại (thị xã Mường Lay, trung tâm huyện lỵ huyện Mường Nhé), 05 đô thị còn lại chưa được công nhận đô thị và chưa tiến hành triển khai công tác phân loại đô thị. Nguyên nhân một số mục tiêu chưa đạt so với Nghị quyết đề ra là do công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch xây dựng các đô thị chưa được quan tâm đúng mức; các cấp chính quyền địa phương, ngành còn xem nhẹ công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch; quy hoạch các đô thị còn thiếu tầm nhìn chiến lược; thiếu vốn; mạng lưới đô thị chủ yếu là quy mô đô thị thuộc loại vừa và nhỏ...

### *7.1.4. Về công tác lập Chương trình phát triển đô thị cho từng đô thị*

Chương trình phát triển từng đô thị chưa được triển khai do chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh chưa được lập. Sắp tới sẽ xây dựng kế hoạch triển khai, phấn đấu đến năm 2020 các đô thị trên toàn tỉnh được lập và phê duyệt Chương trình phát triển từng đô thị.

### *7.1.5. Về công tác triển khai các nội dung của Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020*

Theo kế hoạch tại Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì việc xây dựng chương trình, kế hoạch điều tra, đánh giá mức độ tác động

của biến đổi khí hậu tại tỉnh Điện Biên (thị xã Mường Lay) được triển khai trong giai đoạn 2016-2020. Do đó công tác triển khai các đề tài, dự án nhằm đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với ảnh hưởng tới đô thị trên địa bàn chưa được triển khai thực hiện.

## 7.2. Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020

Năm 2006, tỉnh Điện Biên đã cho lập đồ án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tuy nhiên đồ án này chưa được phê duyệt chính thức. Từ đó đến nay, để có cơ sở thực hiện phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh, Điện Biên vẫn căn cứ một phần vào đồ án này.

### 7.2.1. Số lượng đô thị

Số lượng đô thị theo định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020	Hiện trạng số lượng đô thị toàn tỉnh năm 2015
<p>Toàn tỉnh có 12 đô thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● 01 đô thị loại II trực thuộc tỉnh là thành phố Điện Biên Phủ</li> <li>● 02 đô thị loại IV: Mường Lay, Tuần Giáo</li> <li>● 09 đô thị loại V: là trung tâm huyện lỵ</li> </ul>	<p>Toàn tỉnh : 07 đô thị</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>● ĐT loại III : 01 TP Điện Biên Phủ</li> <li>● ĐT loại IV: 01 thị xã Mường Lay.</li> <li>● ĐT loại V: 04 thị trấn huyện lỵ (Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Điện Biên Đông)</li> </ul>

### 7.2.2. Về quy mô hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh

- Về tốc độ đô thị hóa: Nhìn chung, việc dự báo tốc độ đô thị hóa khá cao so với thực tế đạt được. Năm 2020: Dự báo tỉ lệ đô thị hóa đạt 42% (so với dự báo đô thị hóa cả nước đến năm 2020 là 45%) trong khi năm 2015 tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh mới đạt 15,1%.

- Về tốc độ tăng dân số toàn tỉnh và dân số đô thị: Dự báo đến năm 2020 đạt: dân số toàn tỉnh: 570.426 người. Dân số đô thị: 238.900 người; trong khi đến năm 2015 dân số đô thị toàn tỉnh mới đạt: 82.691 người.

- Về đất đai đô thị: Dự báo yêu cầu đất đai xây dựng đô thị đến năm 2020: 2.100 ha; trong khi hiện trạng năm 2015 diện tích đất đô thị là: 14.879 ha.

### 7.2.3. Về tổ chức lập mới và điều chỉnh quy hoạch các đô thị

- Đối với các đô thị hiện hữu: Tất cả các đô thị đã lập quy hoạch chung, các đô thị hiện nay đã và đang tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch

- Đối với thành phố Điện Biên Phủ: đã triển khai một số dự án đầu tư phát triển đô thị. Các dự án đã được lập quy hoạch và đang triển khai thi công .

### 7.2.4. Về sự liên kết giữa các đô thị

- Mạng lưới đô thị Điện Biên chủ yếu là quy mô đô thị thuộc loại vừa và nhỏ. Vì quỹ đất hạn hẹp nên các đô thị chủ yếu phát triển theo dạng chuỗi bám theo các trục đường giao thông liên vùng.

- Đô thị phân bố chủ yếu theo cơ cấu hành chính và hình thành theo quá trình tự phát; các đô thị phát triển độc lập, ít có sự tương hỗ lẫn nhau, nếu có thì tự phát theo nhu cầu giao lưu kinh tế, dẫn đến phát triển đô thị ở tỉnh còn đơn lẻ chưa đồng bộ và có định hướng tầm nhìn chiến lược, phần nào tác động đến sự phát triển về kinh tế, xã hội và môi trường.

## **8. Đánh giá tổng hợp**

### **8.1. Điểm mạnh**

- Có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng, chủ quyền biên giới quốc gia.  
- Có nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa lịch sử phong phú thuận lợi cho phát triển du lịch:

+ Quần thể chiến trường Điện Biên Phủ - di tích cấp quốc gia đặc biệt là lợi thế so sánh của Điện Biên so với các tỉnh trong vùng để phát triển du lịch văn hóa – lịch sử.

+ Các khu vực có thể phát triển mạnh về du lịch sinh thái như cánh đồng Mường Thanh, hồ Pá Khoang; hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học là tiền đề cho việc phát triển du lịch sinh thái, du lịch khám phá....

+ Khí hậu thuận lợi, mát mẻ phù hợp cho phát triển du lịch nghỉ dưỡng.

+ Với 19 dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn tạo ra sự đa dạng về văn hóa vật thể và phi vật thể, những sản phẩm địa phương đặc sắc ... cũng tạo cho Điện Biên lợi thế so sánh để phát triển mạnh về du lịch tìm hiểu văn hóa và du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng.

- Là tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du miền núi Bắc Bộ có đường biên giới chung với 2 nước, có hệ thống các cửa khẩu, đặc biệt là cửa khẩu quốc tế Tây Trang với Khu kinh tế cửa khẩu được đầu tư và một số cửa khẩu khác với Lào và với tỉnh Vân Nam Trung Quốc; có đường xuyên Á dự kiến đi qua địa bàn, tạo cơ hội phát triển kinh tế cửa khẩu, mở rộng giao thương quốc tế, phát triển kinh tế đối ngoại, du lịch và dịch vụ vận tải quốc tế.

- Sân bay Điện Biên Phủ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo an ninh quốc phòng cũng như phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của vùng Tây Bắc.

### **8.2. Điểm yếu**

- Hệ thống giao thông đường bộ kết nối với các tỉnh lân cận trong vùng, kết nối với các hành lang phát triển kinh tế Côn Minh – Hà Nội - Hải Phòng, cũng như với các tỉnh khu vực Bắc Lào còn khó khăn ảnh hưởng đến việc liên kết vùng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là việc thu hút khách du lịch.

- Giao thông hàng không là lợi thế so sánh, tuy nhiên với quy mô cảng hàng không hiện nay chỉ đáp ứng được các chặng bay ngắn, máy bay nhỏ, không đáp ứng được yêu cầu liên kết với các trung tâm kinh tế lớn trong nước và khu vực như Lào, Thái Lan, Vân Nam, Myama ... đã gây cản trở việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật nhất là giao thông còn yếu kém, liên kết giữa các khu vực khác nhau trong vùng chưa thuận lợi gây khó khăn trong xu thế liên kết khu vực để hỗ trợ phát triển; chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu kinh tế - văn hóa – xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Du lịch là thế mạnh nổi trội của tỉnh nhưng hệ thống hạ tầng phục vụ du lịch như khách sạn, nhà hàng ... còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng không đảm bảo phục vụ nhu cầu của khách du lịch trong và ngoài nước; các sản phẩm du lịch còn nghèo nàn chưa tương xứng với tiềm năng.

- Nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển du lịch nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển.

- Các phân vùng phát triển đã được xác lập, tuy nhiên chưa rõ nét. Các vùng kiểm soát, quản lý phát triển không gian cần theo hướng vừa nối kết với tổng thể phát triển chung của vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ, vừa sử dụng hiệu quả các tiềm năng của Tỉnh, phù hợp với phân vùng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Chưa có hệ thống các trung tâm công cộng cấp vùng để hỗ trợ thúc đẩy phát triển với vai trò là trung tâm kinh tế thương mại của vùng Tây Bắc.

- Địa hình ở một số địa phương trong tỉnh (nhất là các xã miền núi) phức tạp, suất đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cao sẽ hạn chế thu hút đầu tư. Dân cư phân tán thành các điểm nhỏ lẻ, tập quán sinh sống khác nhau khó khăn trong việc bố trí sắp xếp dân cư.

### 8.3. Cơ hội

- Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị đã xác định Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là định hướng chiến lược quan trọng để phát triển đất nước, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Đây là tiền đề để Điện Biên có quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển du lịch với những tiềm năng to lớn sẵn có của tỉnh.

- Những năm gần đây kinh tế của tỉnh phát triển khả quan, đạt tốc độ tăng trưởng khá và có xu hướng tăng dần vào những năm cuối kỳ, đặc biệt là về ngành dịch vụ thương mại đã tạo đà cho sự phát triển thuận lợi trong giai đoạn tiếp theo.

- Là trung tâm của vùng Tây Bắc, gần với các trung tâm du lịch quốc gia như Lào Cai, Sơn La... và quốc tế như Luông PraBăng, Viêng Chăn ... là những cơ hội để tỉnh có thể liên kết phát triển du lịch sâu và rộng.

- Sân bay Điện Biên Phủ đã được phê duyệt quy hoạch mở rộng thành sân bay có hoạt động bay quốc tế, có khả năng tiếp nhận máy bay A320 và tương đương sẽ tạo ra cơ hội rất lớn cho việc phát triển du lịch, thu hút khách du lịch không những trong nước mà còn khách quốc tế. Đồng thời cũng là tiền đề để phát triển ngành vận tải hàng hóa, tăng cường giao lưu thương mại.

- Việc triển khai xây dựng công trình thủy điện Sơn La, thực hiện Đề án 79 và đầu tư nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ trên địa bàn (QL 6; QL 279 và QL 12) là những cơ hội và nguồn lực to lớn trong việc tổ chức sắp xếp lại dân cư, lao động, tạo điều kiện khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển sản xuất hàng hoá, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

## 8.4. Thách thức

- Để phát triển những tiềm năng sẵn có, nổi trội và tận dụng những cơ hội để phát triển theo định hướng cần có một nguồn lực rất lớn, cần có những chính sách thu hút đầu tư phát triển phù hợp.

- Thách thức về cạnh tranh gay gắt trên thị trường xuất khẩu hàng hóa nông sản đặc biệt là các quốc gia chủ yếu dựa vào xuất khẩu nông lâm sản và khoáng sản.

- Thách thức về nguồn lực đầu tư trước những yêu cầu phát triển mới: Có điều kiện phát triển nhưng để phát triển đòi hỏi nguồn lực lớn về con người có kỹ năng lao động, nguồn lực đầu tư, ...

- Thách thức về sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các khu vực phát triển, các đô thị và vùng sâu, vùng xa..

- Tiềm ẩn nguy cơ về bất ổn định chính trị, an ninh trật tự, đặc biệt là quốc phòng an ninh trong điều kiện phát triển mới, tình hình chính trị thế giới và khu vực có những diễn biến phức tạp, khó lường.

- Các hoạt động khai thác tài nguyên rừng gia tăng mạnh trong thời gian qua đã làm suy giảm đáng kể chất lượng môi trường tự nhiên, các tài nguyên rừng, đất, nước... có nguy cơ bị khai thác vượt ngưỡng tái tạo, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu trong vùng.

## III. CÁC TIỀN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÙNG

### 1. Tiềm năng phát triển vùng

#### 1.1. Môi quan hệ vùng

*a)Mối quan hệ với các tỉnh thuộc các quốc gia lân cận:*

- Việt Nam là 1 trong 6 quốc gia thuộc tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng; Là điểm kết nối quan trọng giữa Trung Quốc và ASEAN; cùng với chiến lược “ 1 vành đai – 1 con đường” tạo ra khả năng tăng cường cơ sở hạ tầng kết nối thông qua các hành lang xuyên Á. Tỉnh Điện Biên tuy không nằm trực tiếp trong vành đai nhưng cũng có những ảnh hưởng nhất định, tạo ra các đòn bẩy về cơ sở hạ tầng và thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế.

- Với đặc điểm tiếp giáp trực tiếp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và tỉnh PhongXaLy (Lào), nhất là có mối liên hệ gián tiếp với các tỉnh Bắc Lào - khu vực có các đặc điểm:

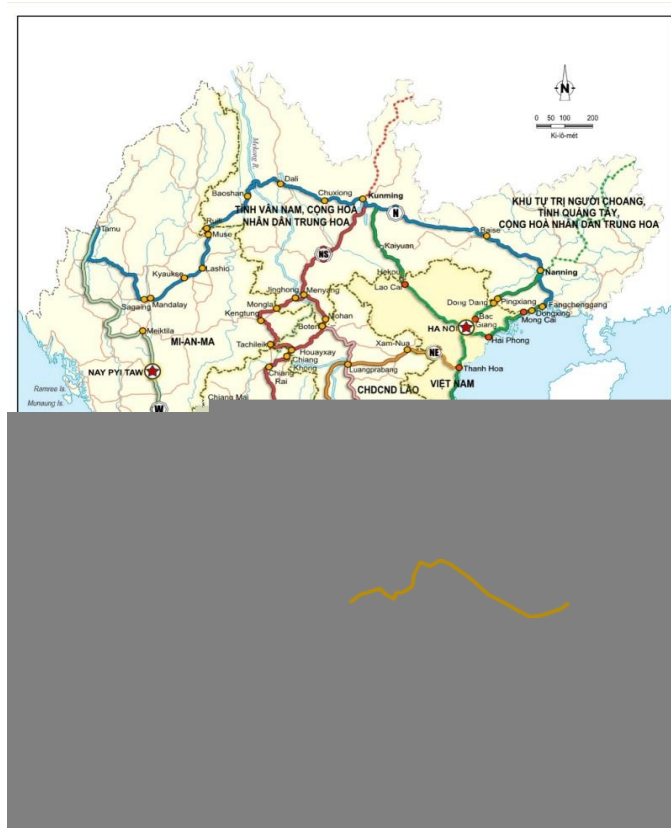
+ Là điểm kết nối quan trọng giữa Trung Quốc và Asean; là khu vực có điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại xuất nhập khẩu, chế biến nông sản và thương mại biên giới.

+ Hiện nay đã hoàn thành tuyến đường R3 nối Côn Minh - Băng Kok đi qua Luông Nậm Thà và Bò Kẹo (hội nhập giữa hệ thống đường của Asean với hệ thống đường của Bắc Lào).

+ Cùng với kế hoạch xây dựng tuyến đường sắt cao tốc kết nối Côn Minh với Singapo chạy qua các tỉnh Luông Nậm Thà, U Đôm Xay, Luông Prabang, Viêng Chăn thì các tỉnh Bắc Lào sẽ là điểm kết nối thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa giữa Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á trong đó có Điện Biên.

+ Sông Mê Kông là đường thủy hội nhập 6 nước trong tiểu vùng bao gồm: Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Miama, Việt Nam, Campuchia; hiện nay đã có 14 cảng quốc tế giữa Lào-Trung Quốc - Mianma-Thái Lan.

Khu vực Bắc Lào có những định hướng về phát triển kinh tế - xã hội rất thuận lợi cho việc kết nối, hợp tác hai bên như Đẩy mạnh phát triển liên kết du lịch, thương mại biên giới, xây dựng vùng hợp tác biên giới và kết nối 3 hành lang kinh tế đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối theo các hướng Bắc Nam, Đông Tây kết nối giữa các tỉnh Bắc Lào cũng như kết nối ra các khu vực cửa khẩu biên giới liên thông giữa Lào với Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc ... sẽ là những điều kiện rất thuận lợi cho giao lưu thương mại dịch vụ, đầu tư phát triển sản xuất, kết nối và hợp tác phát triển du lịch quốc tế giữa các nước trong khu vực nói chung, giữa các tỉnh phía Bắc của Việt Nam trong đó có Điện Biên nói riêng với Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar.



Hình 3.1: Các hành lang kinh tế trong tiểu vùng sông Mê Kông



Hình 3.2: Bản đồ các tuyến đường sắt cao tốc kết nối từ Côn Minh đi các nước Asean



Hình 3.3: Bản đồ tổng thể Đề án kết nối giao thông, bao gồm cả kết nối đường cao tốc và tăng cường vận tải hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Lào

Điện Biên liên kết với các tỉnh khác trong vùng và quốc tế thông qua hệ thống các đường bộ (QL6, QL279, QL12, QL4..) và sân bay Điện Biên, hệ thống giao thông đường thủy nội địa (Đề án kết nối giao thông, bao gồm cả kết nối đường cao tốc và tăng cường vận tải hàng hóa hai chiều giữa Việt Nam và Lào đã được Bộ giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 669/QĐ-BGTVT ngày 08/3/2016). Từ đó hình thành các hành lang tăng trưởng kinh tế, tạo nên các liên kết giao lưu thương mại, dịch vụ, du lịch ...không chỉ đối với các tỉnh trong vùng mà còn đối với quốc tế; trong đó quan trọng nhất là thông qua trục QL279 - trục vành đai phòng tuyến 1 và trục xương sống Đông Tây xuyên suốt vùng núi cao kết nối Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ với Điện Biên rồi thông qua cửa khẩu Tây Trang nối vùng kinh tế Bắc Lào.

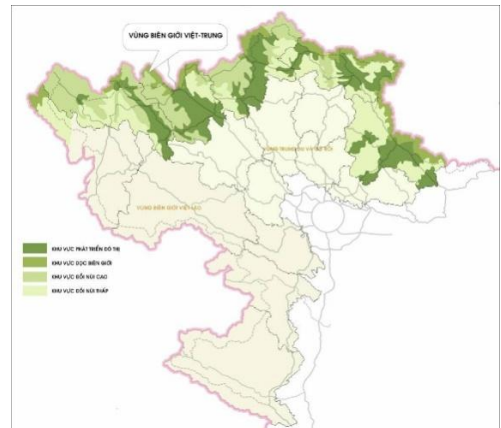
- Hành lang Hà Nội - Điện Biên Phủ - Viên Chăn (đọc quốc lộ 6 và 279).
- Hành lang Bắc Nam Điện Biên Phủ - Mường Lay - Vân Nam - Trung Quốc (quốc lộ 12) có dự kiến đường sắt đi Côn Minh, Lệ Giang Trung Quốc.
- Hành lang Đông Tây dọc đường 279: Điện Biên - Lào Cai - Yên Bái - Tuyên Quang - Bắc Cạn - Thái Nguyên - Bắc Giang - Quảng Ninh.
- Hành lang Tây Bắc Phong Sa Ly, U Đôm Say (Lào) - Điện Biên Phủ - Mường Chà - Mường Nhé - Vân Nam (Trung Quốc).

Với những điều kiện sẵn có, những định hướng phát triển của khu vực Bắc Lào, của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), khu vực tiểu vùng sông Mê Kông, thì việc nâng cao sự hợp tác và hiểu biết giữa các quốc gia sẽ tạo điều kiện cho phát triển giao thương kinh tế giữa các tỉnh trong vùng Tây Bắc nói chung, tỉnh Điện Biên nói riêng với các tỉnh Bắc Lào và Nam Trung Hoa một cách trực tiếp; và gián tiếp với các quốc gia Asean như Thái Lan, Mianma .... Đặc biệt khi dự án đường bộ cao tốc nối từ Côn Minh đi Singapore được hoàn thành; trục hành lang QL279 kết nối với hành lang kinh tế Hà Nội – Lào Cai – Côn Minh ở phía Đông và hành lang kinh tế Côn Minh – Viên Chăn ở phía Tây sẽ tạo động lực rất lớn cho tỉnh Điện Biên phát triển giao thương kinh tế, phát triển du lịch và dịch vụ.

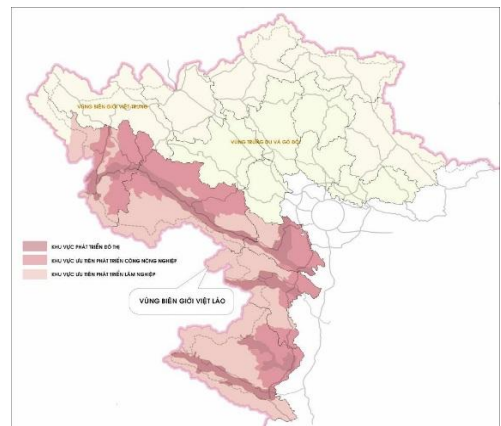
*b) Mối quan hệ với các tỉnh phía Bắc:*

Tỉnh Điện Biên là một trong 14 đơn vị hành chính thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, được chia làm 3 vùng chủ đạo bao gồm: Vùng miền núi biên giới Việt - Trung, Vùng miền núi biên giới Việt - Lào, và vùng trung du gò đồi.

+ Vùng biên giới Việt - Trung: Cùng với các tỉnh Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn .... Tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về Quốc phòng - An ninh. Có vai trò là cửa ngõ giao lưu phát triển kinh tế đối ngoại với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); góp phần phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa cho tỉnh cũng như các huyện vùng Bắc - Tây Bắc của tỉnh.



+ Vùng biên giới Việt - Lào: Điện Biên có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng đối với cả nước; Có vai trò là cửa ngõ giao lưu phát triển kinh tế đối ngoại với các tỉnh phía Bắc Lào; phát triển lâm nghiệp, bảo vệ rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học; công nghiệp khai khoáng, thủy điện, chế biến nông lâm, vật liệu xây dựng; du lịch văn hóa - lịch sử, sinh thái và nghỉ dưỡng.



Tỉnh Điện Biên có vai trò vị trí đặc biệt trong lịch sử dân tộc và quốc tế với địa danh mang tầm vóc toàn cầu “Điện Biên Phủ”; là tỉnh có vai trò, tiềm năng về du lịch sinh thái, văn hóa lịch sử trong tổng thể ngành du lịch - ngành công nghiệp không khói của Việt Nam khu vực Trung du miền núi Bắc bộ. Bởi vậy, Điện Biên được xác định là một trong các địa bàn trọng điểm phát triển du lịch của Vùng trung du miền núi Bắc Bộ (theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/1/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt



Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030): Điện Biên nằm trên tuyến du lịch quốc gia : Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu - Sa Pa - Lào Cai - Hà Nội. Có thể du lịch kết hợp các phương tiện đường không, đường bộ, đường sắt; đặc biệt là tuyến Cao tốc Hà Nội – Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư kết nối các Điện Biên với các tỉnh lân cận và thủ đô Hà Nội, giảm đáng kể 2 quãng đường và thời gian di chuyển sẽ là một điều kiện rất thuận lợi để Điện Biên có thể liên kết mạnh hơn với các tỉnh lân cận, phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là du lịch.

Tóm lại, Điện Biên có vị trí địa lý chiến lược, rất thuận lợi cho hoạt động giao thương, hợp tác phát triển Kinh tế - Xã hội. Là cửa ngõ giao lưu kinh tế đối ngoại và văn hóa - du lịch với các nước Lào, Thái Lan, Mianma và Trung Quốc.

## 1.2. Nguồn lực chủ yếu phát triển vùng

(1) Điện Biên có vị trí chiến lược rất quan trọng, qua nhiều thời kỳ lịch sử còn để lại những di tích có giá trị nhân văn, trong đó nổi bật nhất là quần thể di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ mang tầm cỡ quốc tế. Quần thể di tích này là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để phát triển du lịch không những của tỉnh Điện Biên, của Tây Bắc mà còn của cả nước.

(2) Bên cạnh các loại hình văn hóa vật thể, Điện Biên còn có tiềm năng phong phú về văn hóa phi vật thể, với 19 dân tộc anh em chung sống, mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng rất đa dạng. Đây là một trong những tiềm năng, sản phẩm du lịch đặc sắc để Điện Biên phát triển du lịch văn hóa trong bối cảnh du lịch tìm hiểu văn hóa dân tộc đang ngày càng phát triển mạnh.

(3) Hệ thống cửa khẩu là lợi thế so sánh của tỉnh Điện Biên so với các tỉnh khác trong khu vực trong việc phát triển kinh tế đối ngoại, giao thương quốc tế và du lịch quốc tế.

(4) Có nhiều công trình đầu mối hạ tầng quốc gia được xây dựng như các tuyến giao thông đường bộ, đường không, đường thủy trên địa bàn. Đặc biệt việc triển khai nâng cấp sân bay Điện Biên, xây dựng mới tuyến cao tốc Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên và nâng cấp mở rộng các tuyến quốc lộ trên địa bàn, ... là những cơ hội và nguồn lực to lớn giúp tăng cường sự liên kết giữa Điện Biên với các tỉnh khác cũng như ra quốc tế, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(5) Nguồn lao động dồi dào, trong tương lai với những cơ sở đào tạo về du lịch được xây dựng sẽ nâng cao được trình độ lao động để đáp ứng được yêu cầu phát triển du lịch của tỉnh.

(6) Nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của chính phủ và các bộ ngành Trung ương. Điều này đặc biệt có ý nghĩa quan trọng khi Điện Biên cần có những cơ chế, chính sách đặc thù, ưu đãi trong quá trình triển khai các chương trình, dự án trọng điểm của tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh cũng có chính sách phát triển và cơ chế quản lý năng động, có khả năng thu hút được nhiều nguồn đầu tư phát triển, trong đó chú trọng quy hoạch vùng và

các quy hoạch xây dựng đô thị - công nghiệp và quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Đây là một trong những điều kiện cũng như cơ hội thuận lợi để Điện Biên có thể triển khai mạnh mẽ các chiến lược, kế hoạch phát triển KT-XH, phát triển hệ thống đô thị bền vững trong thời gian tới.

## 2. Tính chất và nguyên tắc phát triển vùng

### 2.1. Tính chất

- Có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng. Cửa ngõ giao lưu về kinh tế đối ngoại và văn hóa - du lịch với các tỉnh Bắc Lào, Nam Trung hoa, Thái Lan, Myanma.

- Là trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử cách mạng cấp quốc gia; trung tâm dịch vụ, thương mại, du lịch nghỉ dưỡng của vùng núi Tây Bắc.

- Là vùng bảo vệ rừng đầu nguồn, vùng phát triển nông-lâm nghiệp gắn với khai thác chế biến nông-lâm sản, vật liệu xây dựng.

### 2.2. Quan điểm phát triển

#### a) Đảm bảo an ninh - quốc phòng:

Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Xây dựng các cực, các trục hành lang tăng trưởng kinh tế - đô thị, các khu dân cư nông thôn gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng.

#### b) Phát triển bền vững:

- Khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên rừng và bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế xanh gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỉ trọng ngành dịch vụ là mục tiêu là trọng tâm, phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Phân bố hợp lý các nguồn lực, các cơ sở động lực phát triển kinh tế..., đảm bảo mối liên kết giữa khu vực đô thị và nông thôn.

- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị đặc sắc về tài nguyên thiên nhiên, lịch sử và văn hóa đặc sắc gắn với phát triển kinh tế xã hội.

## 3. Tầm nhìn và chiến lược phát triển

### 3.1. Tầm nhìn

Tầm nhìn của vùng được xác lập trên cơ sở nghiên cứu nhận dạng vị thế phát triển của tỉnh và bối cảnh kinh tế - xã hội và phát triển hệ thống đô thị để đề xuất hình ảnh và vị thế phải hướng tới của tỉnh Điện Biên, đó là:

**Điện Biên là một vùng không gian phát triển bền vững về sinh thái tự nhiên; là vùng du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái quốc gia tiến tới đẳng cấp quốc tế; một vùng có môi trường dịch vụ, thương mại đô thị phát triển; một vùng biên giới ổn định và vững mạnh.**

- Tính chất, chức năng và những yêu cầu đối với sự phát triển của tỉnh Điện Biên thể hiện và nhấn mạnh qua tầm nhìn đó là:

+ Xây dựng Điện Biên trở thành một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa - xã hội và du lịch của vùng Tây Bắc.

+ Đảm bảo khả năng huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đảm bảo phát triển bền vững, bảo vệ môi trường tự nhiên, giữ cân bằng sinh thái.

+ Đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

### 3.1. Chiến lược phát triển

<u>Chiến lược 1</u>	- Kết hợp chặt chẽ giữa củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo thực hiện sắp xếp ổn định dân cư, hạn chế tối đa di dân tự do. Tạo điều kiện về quỹ đất cho các thành phần kinh tế ở vùng nông thôn để xây dựng các cơ sở sản xuất nông nghiệp - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
<u>Chiến lược 2</u>	- Xây dựng hệ thống giao thông liên kết vùng hoàn chỉnh để tăng cường kết nối trong khu vực, đáp ứng các yêu cầu trong quá trình hội nhập quốc tế. Phát triển hệ thống đô thị gắn với các cơ sở động lực phát triển kinh tế, phân bố hợp lý, phân cấp chức năng rõ ràng, hình thành các cực, các trục hành lang tăng trưởng Kinh tế - Đô thị, chú trọng tăng cường liên kết Đô thị - Nông thôn.
<u>Chiến lược 3</u>	- Bảo tồn, tôn tạo, phát huy các giá trị tài nguyên thiên nhiên, lịch sử, văn hóa đặc sắc, xây dựng cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu tạo sự chuyển biến vượt bậc trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thương mại.

## 4. Các dự báo phát triển vùng

### 4.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế

#### a) Tăng trưởng kinh tế

- Tốc độ tăng GRDP của tỉnh bình quân cả thời kỳ 2016- 2030 khoảng 7,2%/năm, trong đó:

+ Giai đoạn 2016 - 2020 tăng trung bình 6,8%/năm đạt mức 11.795 tỷ đồng vào năm 2020

+ Giai đoạn 2021 - 2030 tăng khoảng 7,5%/năm, đạt mức 29.232 tỷ đồng vào năm 2030

- Nâng mức GRDP bình quân đầu người của tỉnh so với trung bình cả nước từ 50,2% vào năm 2015 (21 trđ/ng) lên 60,3% năm 2020 khoảng 38 trđ, và bằng 72,8% mức trung bình cả nước vào năm 2030 khoảng 138 trđ, tốc độ tăng trưởng thu nhập

bình quân đầu người hàng năm giai đoạn 2015-2020 là 5,15%, và giai đoạn 2021-2030 là 5.9% - mức thu hẹp khoảng cách về chênh lệch GRDP/người của tỉnh so với cả nước (GDP/người của cả nước năm 2020 khoảng 47 - 52 triệu đồng - giá hiện hành, năm 2030 khoảng 133 - 173 triệu đồng) (cả nước: phấn đấu đến năm 2030, GDP gấp 2,5 lần năm 2015, tức là tăng GDP trung bình 7,2%/năm).

#### *b) Cơ cấu kinh tế*

Chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp, tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong tổng GRDP của tỉnh;

- Đến năm 2020: Tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng là 26,40%; ngành thương mại- dịch vụ tăng lên 55,08%; ngành nông, lâm nghiệp giảm còn 18,52%;

- Đến năm 2030: Tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng là 30,9%; ngành thương mại- dịch vụ tăng lên 55,30%; ngành nông, lâm nghiệp giảm còn 13,8%;

#### *c) Một số chỉ tiêu khác*

- Trong giai đoạn 2016-2020, phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 11,3%/năm, đến năm 2020 đạt khoảng 1.200 tỷ đồng; chi đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu chính phủ bình quân bằng 59% GRDP.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn ước đạt bình quân 55 nghìn tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2016-2020 và 178,7 nghìn tỷ đồng/năm trong giai đoạn 2021-2030. Như vậy, tổng nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh cả thời kỳ 2016 - 2030 dự kiến khoảng 233,8 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành).

- Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ trên địa bàn cả 5 năm 2016 - 2020 đạt 350 triệu USD, và tăng gấp 2,3-3,0 lần sau 10 năm tiếp theo, riêng năm 2020 đạt 100 triệu USD. Xuất nhập khẩu năm 2030 đạt 500-6.00 triệu USD.

## **4.2. Dự báo quy mô dân số, lao động và đô thị hoá**

### *4.2.1. Dự báo dân số*

#### **Dân số toàn tỉnh:**

+ Hiện trạng năm 2015: 547.785 người, Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2011-2015 là 1.76%/năm, trong đó tăng tự nhiên 1,70%, tăng cơ học 0,06%

+ Năm 2025: Khoảng 658.000 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2015-2025 là 1,49%/năm; trong đó tăng tự nhiên 1,45% và tăng cơ học 0,04%. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 28,57%.

+ Năm 2035: Khoảng 775.000 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2025-2035 là 1,65%/năm; trong đó tăng tự nhiên 1,40% và tăng cơ học 0,25%. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 39,74%.

#### **Dân số đô thị:**

+ Năm 2025: Khoảng 266.500 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2015-2025 khoảng 7,77%/năm; trong đó tăng tự nhiên 1,2%/năm và tăng cơ học và đô thị hóa khoảng 6,57%/năm.

+ Năm 2035: Khoảng 372.500 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2025-2035 là 5,07%/năm; trong đó tăng tự nhiên 1,15%/năm và tăng cơ học và đô thị hóa 3,92%/năm.

#### **Dân số nông thôn:**

+ Hiện trạng năm 2015: Dân số 465.094 người, Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2011-2015 là 1,74%/năm, trong đó tăng tự nhiên 1,76%/năm và tăng cơ học (-0,02%/năm).

+ Năm 2025: Khoảng 391.500 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2015-2025 là 0,11%/năm, trong đó tăng tự nhiên 1,50%/năm, giảm cơ học (-1,39%/năm)

+ Năm 2035: Khoảng 402.500 người. Tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2025-2035 là -0,06%/năm, trong đó tăng tự nhiên 1,45%, giảm cơ học (-1,51%/năm)

#### 4.2.2. Dự báo khách du lịch:

+ Hiện trạng năm 2015: 420.000 lượt khách. Trong đó 70000 lượt khách quốc tế.

+ Năm 2025: Đón 1.300.000 lượt khách. Trong đó 300.000 lượt khách quốc tế.

+ Năm 2035: Đón 1.900.000 lượt khách. Trong đó 400.000 lượt khách quốc tế.

#### 4.2.3. Dự báo lao động:

Trên cơ sở quy mô dân số, tỷ lệ đô thị hóa và dự báo mức tăng trưởng kinh tế, cơ cấu kinh tế toàn tỉnh, dự báo lao động toàn tỉnh như sau:

Bảng 3.1: Dự báo lao động toàn tỉnh

TT	Hạng mục	Năm		
		2015	2025	2035
<b>I</b>	<b>Tổng dân số(1000 người)</b>	<b>547.785</b>	<b>658.00</b>	<b>775.00</b>
<b>II</b>	<b>Dân số trong tuổi LĐ (1000 người)</b>	<b>302.2</b>	<b>359</b>	<b>419</b>
	- Tỷ lệ % so dân số	55.2	54.5	54.0
<b>III</b>	<b>Tổng LĐ làm việc trong các ngành kinh tế (1000 người)</b>	<b>300.3</b>	<b>345.0</b>	<b>394.0</b>
	- Tỷ lệ % so LĐ trong độ tuổi	99.4	96.0	94.0
	<b>Phân theo ngành:</b>			
<b>3.1</b>	<b><u>LĐ nông, lâm nghiệp, thủy sản (1000 người)</u></b>	<b><u>197.3</u></b>	<b><u>182.9</u></b>	<b><u>149.7</u></b>
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	65.7	53.0	38.0
<b>3.2</b>	<b><u>LĐ CN, TTCN, XD (1000 người)</u></b>	<b><u>36.6</u></b>	<b><u>62.1</u></b>	<b><u>102.4</u></b>
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	12.2	18.0	26.0
<b>3.3</b>	<b><u>LĐ dịch vụ, thương mại, HCSN (1000 ng)</u></b>	<b><u>66.4</u></b>	<b><u>100.1</u></b>	<b><u>141.8</u></b>
	- Tỷ lệ % so LĐ làm việc	22.1	29.0	36.0
<b>IV</b>	<b>Học sinh, tàn tật, mất sức, nội trợ + tình trạng khác (1000 người)</b>	<b>1.9</b>	<b>14.0</b>	<b>25.0</b>
	- Tỷ lệ % so LĐ trong độ tuổi	0.6	4.0	6.0

#### 4.3. Dự báo nhu cầu đất xây dựng đô thị và khu dân cư nông thôn

##### 4.3.1. Nhu cầu đất xây dựng đô thị:

- Năm 2025: Khoảng 3.400-3.600 ha, bao gồm cả các diện tích chưa lấp đầy, đang phát triển phục vụ cho các giai đoạn tiếp theo, bình quân 180-250 m<sup>2</sup>/người. Đất xây dựng khu dân dụng 80÷130 m<sup>2</sup>/người.

- Năm 2035: Khoảng 5.000 - 5.200 ha, bao gồm cả các diện tích chưa lấp đầy, đang phát triển phục vụ cho các giai đoạn tiếp theo và diện tích xây dựng các khu chức năng bình quân 160 -180 m<sup>2</sup>/người. Đất xây dựng khu dân dụng 80÷130 m<sup>2</sup>/người.

*4.3.2. Nhu cầu đất xây dựng các khu dân cư nông thôn:*

- Năm 2025: Khoảng 5.400-5.600 ha, bình quân 100-120 m<sup>2</sup>/người;

- Năm 2035: Khoảng 6.400-6.600 ha, bình quân 130-150 m<sup>2</sup>/người.

## IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN VÙNG

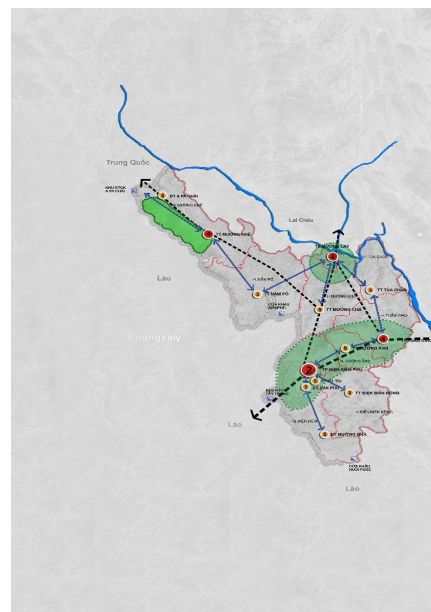
### 1. Mô hình phát triển vùng

#### PHÁT TRIỂN CÓ TRỌNG TÂM GẮN VỚI CÁC TRỤC HÀNH LANG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ - ĐÔ THỊ

##### - a) Kịch bản phát triển:

- Phát triển tập trung theo các trục hành lang tăng trưởng kinh tế - đô thị. Phát huy vai trò chủ đạo trên các trục hành lang Đông Tây quốc lộ 279 (liên kết vùng Tây Bắc), phát huy các thế mạnh về giao lưu kinh tế trên các trục hành lang Bắc Nam quốc lộ 12, quốc lộ 4, đặc biệt là các trục hành lang nối ra hệ thống các cửa khẩu.

- Có sự tập trung cần thiết cho các cực hội tụ các tiềm năng, thế mạnh để phát triển KTXH, đặc biệt chú trọng đến các khu vực tiềm năng phát triển về du lịch đồng thời quan tâm phát huy ưu điểm nổi trội tại các khu vực khác.



- Hình 4.1: Kịch bản phát triển

- Xây dựng các đô thị động lực trên cơ sở đô thị trung tâm tỉnh lỵ, các giao điểm đầu mối hành lang kinh tế quan trọng của Vùng.

- Phát huy thế mạnh nổi trội của tỉnh là du lịch trong chuỗi liên kết du lịch với vùng, cả nước và khu vực. Bảo tồn các đặc trưng nông thôn làng bản các dân tộc, giữ quy mô nhỏ và bản sắc.

##### - b) Phân vùng phát triển:

+ -Tiểu vùng số 1: Vùng kinh tế động lực Quốc lộ 279 bao gồm: Thành phố Điện Biên Phủ, các huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Ảng, Tuần Giáo. Thành phố Điện Biên Phủ là trung tâm tiểu vùng. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh; phát triển du lịch và sản xuất lương thực, thực phẩm hàng hóa; gắn với cửa khẩu Tây Trang, Huổi Puốc để hình thành hệ thống thương mại - dịch vụ và du lịch trọng điểm của tỉnh.

+ -Tiểu vùng số 2: Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái Sông Đà bao gồm: Thị xã Mường Lay và các huyện Tủa Chùa, Mường Chà. Thị xã Mường Lay là

trung tâm tiểu vùng. Phát huy lợi thế giao thông của đường thủy trên sông Đà, sông Nậm Mực và các trục QL6, 12 để phát triển dịch vụ vận tải hàng hoá, du lịch sinh thái và công nghiệp chế biến lâm sản ... gắn với trồng rừng và khai thác hợp lý lâm sản.

+ -Tiểu vùng số 3: Vùng kinh tế Nậm Pồ – Mường Nhé (kinh tế cửa khẩu) bao gồm huyện Nậm Pồ và huyện Mường Nhé. Đô thị Mường Nhé là trung tâm tiểu vùng. Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển du lịch sinh thái và thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

## 2. Phân vùng phát triển và tổ chức khung phát triển

### 2.1. Phân vùng chức năng phát triển

Kế thừa sự hình thành 3 vùng kinh tế từ các giai đoạn trước, trong những năm tới tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, từng bước củng cố các vùng kinh tế trọng điểm đã Quy hoạch như sau:

#### a) Tiểu vùng số 1: Vùng kinh tế động lực.

- Vùng kinh tế động lực bao gồm thành phố Điện Biên Phủ, các huyện Điện Biên Đông, Điện Biên, Mường Ảng và Tuần Giáo. Trong đó có Trục kinh tế động lực dọc theo Quốc lộ 279 từ cửa khẩu Tây Trang (huyện Điện Biên) - thành phố Điện Biên Phủ - Mường Ảng- Tuần Giáo; có địa hình chủ yếu là núi thấp, sườn thoải, xen kẽ là các thung lũng lớn như Mường Thanh, Mường Ảng, Mường Đăng, Chiềng Sinh, Ba Quài. Đây là khu vực có dân cư đông và phân bố khá tập trung; cơ sở hạ tầng và KT-XH tương đối phát triển; có các khu đô thị lớn, đặc biệt là thành phố Điện Biên Phủ; là cửa ngõ giao lưu của tỉnh với Trung ương và các tỉnh bạn qua QL6, QL279, đồng thời là đầu mối chính của các tỉnh vùng Tây Bắc trong quan hệ đối ngoại với các tỉnh Bắc Lào qua các cửa khẩu Tây Trang, Huổi Puốc; có sân bay quốc tế Điện Biên Phủ; Có tiềm năng lớn để phát triển nông - lâm nghiệp, thương mại, du lịch, xuất nhập khẩu, công nghiệp chế biến nông lâm sản, khai thác chế biến khoáng sản...

- Khu vực dọc Quốc lộ 279 là khu vực có tiềm năng phát triển nhất trong toàn tỉnh và hiện đang là địa bàn tập trung chủ yếu về sản xuất nông nghiệp hàng hoá, công nghiệp, du lịch và dịch vụ, đồng thời đóng góp chủ yếu trong nền kinh tế của tỉnh. Việc đẩy mạnh phát triển kinh tế khu vực này trong thời gian tới sẽ tạo động lực mạnh thúc đẩy sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong toàn tỉnh.

- Định hướng phát triển:

+ Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch, thương mại, lâm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với thế mạnh là đầu mối giao lưu phát triển kinh tế - xã hội của vùng Tây Bắc, khu vực tam giác phát triển kinh tế với quốc tế. Xây dựng và tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch và thương mại.

+ Xây dựng một khu vực động lực theo mô hình Một cực tăng trưởng gắn với các vệ tinh sẽ đảm nhiệm những vai trò, chức năng khác nhau, được liên kết chia sẻ bởi hệ thống hạ tầng liên kết vùng đồng bộ.

#### b) Tiểu vùng số 2: Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái Sông Đà.

- Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái Sông Đà (gọi tắt là Vùng kinh tế sinh thái Sông Đà) bao gồm huyện Tủa Chùa, Mường Chà và thị xã Mường Lay. Đây là khu vực phòng hộ đầu nguồn xung yếu của sông Đà, giữ vai trò hết sức quan trọng trong việc đảm bảo an toàn cho các công trình thủy điện lớn của quốc gia trên sông Đà và điều tiết dòng chảy, phòng tránh lũ cho vùng hạ lưu đồng bằng sông Hồng. Vùng có lợi thế về phát triển rừng gắn với công nghiệp chế biến, du lịch văn hóa sinh thái, nuôi trồng thủy sản.

- Định hướng phát triển:



+ Phát triển hệ sinh thái rừng, thủy điện, mặt hồ để từ đó phát triển công nghiệp chế biến lâm sản làm tiền đề phát triển các cụm công nghiệp đem lại giá trị sản xuất cao.

+ Phát huy lợi thế của thung lũng Nậm Lay, hồ thủy điện Sơn La, ngã ba đường thủy sông Đà - Nậm Na, ngã ba đường bộ: quốc lộ 6A - quốc lộ 12 - tỉnh lộ 127, phát triển hệ thống cảng đường sông trên hồ thủy điện Sơn La để phát triển dịch vụ vận tải thủy.

+ Phát triển du lịch theo hướng lấy du lịch sinh thái sông nước làm chủ đạo bên cạnh phát triển các loại hình du lịch văn hoá.

+ Hệ thống đô thị phát triển theo mô hình mạng lưới chủ động.

### c) Tiểu vùng số 3: Vùng kinh tế Nậm Pồ - Mường Nhé.

- Vùng kinh tế Nậm Pồ - Mường Nhé gồm huyện Mường Nhé, huyện Nậm Pồ; nằm dọc biên giới Việt - Lào gần với ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Trung Quốc; có địa hình núi thấp, sườn thoải, xen kẽ các thung lũng lớn như Si Pa Phìn, Na Hỳ, Chà Nưa, Mường Toong, Mường Nhé, Chung Chải.

- Định hướng phát triển:

+ Bảo tồn và phát huy trí tuệ rừng, đặc biệt là Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé

+ Phát triển du lịch sinh thái, văn hóa, nghiên cứu khoa học, khám phá ....

+ Khoanh vùng vành đai với các khu vực bảo tồn và phát huy giá trị cảnh quan thiên nhiên.

+ Sắp xếp ổn định dân cư, thực hiện kế hoạch đưa dân trở lại vùng biên giới, hoàn thành xây dựng các khu tái định cư.

+ Phát triển theo mô hình các điểm dân cư gắn với trục hành lang Quốc lộ 4H.

## 2.2. Khung cấu trúc phát triển không gian

Không gian tổng thể tỉnh Điện Biên được phát triển theo 02 chủ đạo: hướng Đông - Tây gắn với trục QL279, hướng Bắc - Nam gắn với trục QL 12 và QL4, nhằm nhấn mạnh phân vùng kinh tế, tạo ra sức lan tỏa đều ra các phía thúc đẩy phát triển KT-XH của toàn vùng. Hệ thống đô thị và các điểm dân cư nông thôn được bố trí linh hoạt dựa trên điều kiện tự nhiên và thế mạnh kinh tế của từng địa phương, có sự liên kết và phân công phù hợp. Hệ thống các sông, các vùng bảo tồn kết hợp vùng núi phía Tây là bộ khung thiên nhiên tạo sự cân bằng bền vững giữa đô thị và nông thôn toàn tỉnh.

### 2.2.1. Các trục hành lang tăng trưởng Kinh tế - Đô thị

- Trục Cao tốc Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên: là trục liên kết kết nối Điện Biên với vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Điện Biên, tạo điều kiện khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của tỉnh, đặc biệt là về du lịch khi kết nối 03 Khu du lịch quốc gia gồm: Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, Khu du lịch quốc gia Mộc Châu và Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang;

- Trục quốc lộ 279: gắn với sân bay Điện Biên Phủ là trục động lực chính, quan trọng của toàn vùng. Đây là tuyến giao thông tạo sự kết nối mạnh mẽ, thông suốt giữa tỉnh Điện Biên và các tỉnh Tây Bắc, các tỉnh trong vùng Trung du miền núi cũng như sang nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc. Quốc lộ 279 hỗ trợ phát triển kinh tế phía Bắc và phía Nam tỉnh mà trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp. Tuyến này tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn Tuần Giáo, Mường Ảng, thành phố Điện Biên Phủ và huyện Điện Biên.

- Trục quốc lộ 12: là trục động lực thứ cấp của tỉnh, là tuyến giao thông kết nối giữa khu vực phía Bắc với khu vực phía Nam tỉnh và kết nối sang Lào thông qua cửa khẩu Huổi Puốc, cửa khẩu Tây Trang. Tuyến này các tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn Mường Chà, Thị xã Mường Lay, thị trấn huyện Điện Biên và thành phố Điện Biên Phủ.

- Trục quốc lộ 4H: là trục động lực thứ cấp của tỉnh, là tuyến giao thông kết nối với vùng phía Tây của tỉnh. Là trục giao thông quan trọng góp phần phát triển du lịch và thương mại dịch vụ, kết nối với Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu Apachai sang Trung Quốc. Tuyến này có tác động trực tiếp đến không gian phát triển của thị trấn huyện Nậm Pồ, thị trấn Mường Nhé và thị trấn Mường Chà.

- Trục hành lang biên giới: Trục hành lang biên giới chạy liên tục theo biên giới có khoảng cách so với đường biên giới khoảng từ 5-15km để đảm bảo mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới. Tuyến hành lang biên giới trên địa bàn tỉnh chủ yếu chạy trùng với quốc lộ 12, QL4H và quốc lộ 279. Đây là các tuyến ảnh hưởng đến tổ chức không gian đô thị, các khu dân cư có hoạt động kinh tế cửa khẩu là chủ đạo (Về thương mại - dịch vụ, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu và tổ chức hoạt động du lịch). Kết hợp phát triển kinh tế sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Hệ thống trục QL6, các trục tỉnh lộ 139, TL146, TL149B, TL100 tạo thành trục vành đai phía Đông của tỉnh liên kết các huyện, tăng cường giao lưu giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh.

### 2.2.2. Các cơ sở hạ tầng đầu mối liên kết vùng

#### b) Cảng, bến thuyền:

Cảng Đồi Cao, bến Đồi Cao, bến Chi Luông, bến Cơ khí: là các cảng và bến phục vụ du lịch đường thủy. Cảng Huổi Sớ, cảng Pắc Ma, bến khách: là các cảng tổng hợp phục vụ giao lưu hàng hóa phát triển kinh tế vùng.

#### c) Sân bay:

Cảng hàng không Điện Biên có vị trí quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Điện Biên và khu vực Tây Bắc, đồng thời đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương và cả nước. Nhưng hiện cơ sở hạ tầng Cảng hàng không Điện Biên đạt cấp 3C, đáp ứng yêu cầu khai thác tàu bay ATR72 và tương đương trở xuống nên chỉ có thể khai thác các chặng bay ngắn như Hà Nội/Hải Phòng-Điện Biên, không thể mở các đường bay tầm trung trở lên như Đà Nẵng - Điện Biên, TPHCM - Điện Biên... Sân bay Điện Biên được nâng cấp, mở rộng để có thể tiếp nhận máy bay lớn A320, A321; trong tương lai nối tuyến bay với Luông Pha Băng - Viêng Chăn (Lào), Côn Minh (Trung Quốc), Chiềng Mai (Thái Lan)...đều có khả năng đón khách quốc tế. Đây thực sự là một thuận lợi lớn cho việc phát triển du lịch của tỉnh so với các tỉnh khác cùng khu vực nói riêng cũng như phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng nói chung.

### 2.2.3. Khung cấu trúc thiên nhiên của vùng:

Với địa hình tự nhiên rất phong phú, hệ thống sông hồ, núi, rừng... đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với tỉnh Điện Biên. Một mặt, khung tự nhiên là một trong những yếu tố quyết định sự phân bố hệ thống đô thị một cách phù hợp tạo nên sự phát triển cân bằng bền vững. Mặt khác, khung tự nhiên có ý nghĩa trong việc tổ chức cảnh quan, môi trường cho đô thị và tạo ra các không gian du lịch sinh thái phục vụ nghỉ ngơi, vui chơi cho cộng đồng vừa mang lại lợi ích phát triển kinh tế một cách bền vững.

Hệ thống sông, suối, hồ:

- Hệ thống sông Đà, sông Nậm Khoai, Nậm Mạ, Nậm Rôm, Nậm Núa ... và hệ thống suối đầu nguồn có ý nghĩa lớn đối với sản xuất nông nghiệp và phát triển thủy điện của tỉnh và đặc biệt là phát triển giao thông đường thủy phục vụ giao thương và du lịch.

- Với hơn 10 hồ nước tự nhiên, nổi bật nhất là hồ Pá Khoang, Noong U; các suối khoáng như Uva, Bàn Sáng; hệ thống các hang động như động Pa Thom, hang Thẩm Púa ...là những thắng cảnh nổi tiếng, có ý nghĩa trong việc phát triển du lịch sinh thái, du lịch lịch sử văn hóa, nghỉ dưỡng.

Đối với các khu vực này, khi phát triển đô thị, dự án công nghiệp gần các nguồn nước cần phải có vùng đệm cách li để kiểm soát nhằm tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

Hệ thống rừng:

Với diện tích rừng tự nhiên, trữ lượng và các chủng loại rừng, đặc biệt hệ thống các khu rừng đặc dụng như KBTTN Mường Nhé, Mường Phăng, Khu rừng cảnh quan môi trường thành phố Điện Biên Phủ, KBTTN Hừa Ngài – Sa Lông, KBTTN Mường Khoang – Mường Mươn, KBTTN Mường Nhà – Mường Lói đóng vai trò đáng kể trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đây là nguồn tiềm năng lớn để phát triển sản xuất lâm nghiệp, trồng rừng phòng hộ sinh thái, phòng hộ cảnh quan kết hợp với trồng rừng kinh tế, trồng cây công nghiệp theo phương thức nông lâm kết hợp để tạo nguồn sản phẩm hàng hóa cung cấp cho thị trường trong và ngoài tỉnh. Tăng cường vai trò của các đô thị chuyên ngành, các đô thị đã có để hỗ trợ phát triển nông lâm, du lịch sinh thái. Bên cạnh sự phát triển đô thị, điểm dân cư nông thôn tại các khu vực này cần xác định quy mô dân cư, du lịch, quỹ đất xây dựng một ngưỡng giới hạn hợp lý được đánh giá và có giải pháp cân trọng hạn chế tối đa tổn hại đến môi trường tự nhiên.

#### 2.2.4. Các khu vực đầu tư trọng điểm:

- Thành phố Điện Biên Phủ: Phát triển thành phố Điện Biên Phủ gắn với vùng phụ cận xứng tầm với vai trò, vị thế tạo ra sức ảnh hưởng lan tỏa đến toàn vùng:

+ Xây dựng Điện Biên Phủ trở thành một trong các đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc gắn với các dự án chiến lược tạo sự đột phá gồm: Xây dựng hình ảnh đô thị Văn hóa - lịch sử và du lịch; Khu vực trung tâm động lực; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viêng Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh.

+ Phát triển, thu hút đầu tư xây dựng khu công nghiệp Tây Bắc Điện Biên Phủ để thúc đẩy kinh tế của thành phố phát triển.

+ Xây dựng các cơ sở du lịch, dịch vụ, thương mại cấp vùng để phát triển thành phố thành trung tâm dịch vụ, du lịch và xuất nhập khẩu của cả tỉnh và cả vùng Tây Bắc, tạo tiềm lực kinh tế cho tỉnh đầu tư phát triển các khu vực khác.

- Thị xã Mường Lay: Phát triển Mường Lay thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh. Xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- Đô thị Tuần Giáo: Phát triển Tuần Giáo thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh. Phát triển, thu hút đầu tư xây dựng các CCN để thúc đẩy kinh tế của thị trấn cũng như vùng huyện Tuần Giáo phát triển.

- - Đô thị Mường Nhé: Phát triển đô thị Mường Nhé thành trung tâm vùng Tây Bắc của tỉnh gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ thương mại, đảm bảo an ninh quốc phòng khu vực phía Tây Bắc của tỉnh. Trung tâm phát triển du lịch gần cửa khẩu và Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé.

### 2.3. Cực tăng trưởng – Trung tâm đô thị hóa

#### 2.3.1. Trung tâm đô thị hóa Điện Biên Phủ

- - Hạt nhân - thành phố Điện Biên Phủ: trung tâm của vùng Tây Bắc gắn với các dự án chiến lược tạo sự đột phá gồm: Xây dựng hình ảnh đô thị Văn hóa - lịch sử và du lịch; Khu vực trung tâm động lực; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viêng Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh.

- - Các thế mạnh chủ yếu của đô thị:

+ Đầu mối của hệ thống giao thông liên kết vùng với QL279, QL12, sân bay Điện Biên giao thương với các tỉnh trong vùng Tây Bắc, vùng Trung du miền núi phía Bắc và quốc tế.

+ Trung tâm du lịch cấp Quốc gia

+ Trung tâm giáo dục đào tạo, y tế, tài chính, dịch vụ thương mại

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao

- - Mô hình phát triển: Phát triển đô thị hạt nhân là thành phố Điện Biên Phủ và các đô thị vệ tinh:

+ Về phía Nam: vùng huyện Điện Biên với thế mạnh của cửa khẩu Tây Trang và hạt nhân là thị trấn Bản Phủ. Khoảng cách giữa đô thị Bản Phủ với Tp Điện Biên Phủ khoảng 13km nên khu vực này sẽ phát triển độc lập, đảm nhiệm chức năng chính về thương mại dịch vụ và du lịch văn hóa trong vùng.

+ Về phía Đông: vùng huyện Điện Biên Đông với thế mạnh về vùng nguyên liệu nông lâm sản. Hạt nhân là thị trấn Mường Ảng và thị trấn Điện Biên Đông, đảm nhiệm chức năng chính về phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản.

- - Toàn bộ vùng Tp Điện Biên Phủ và các khu vực phụ cận được định hướng phát triển như một tổng thể thống nhất, hỗ trợ, chia sẻ trực tiếp các chức năng với nhau. Tuy nhiên, các đô thị vệ tinh phát triển độc lập nhằm tạo ra khả năng đáp ứng linh hoạt trong mọi phương án tổ chức lãnh thổ.

### 2.3.2. Trung tâm đô thị hóa Tuần Giáo

- - Hạt nhân – đô thị Tuần Giáo: Trung tâm tiểu vùng phía Đông tỉnh Điện Biên. Đô thị Tuần Giáo có thế mạnh nằm ở vị trí cửa ngõ phía Đông của tỉnh Điện Biên, giao điểm của các trục giao thông đối ngoại quan trọng QL6, QL279. Có tiềm năng về phát triển du lịch, sản xuất chế biến nông lâm sản, dịch vụ thương mại.

- - Các thế mạnh chủ yếu:

+ Đầu mối giao thông liên vùng với QL6, QL279 là trục hành lang kinh tế Đông Tây nối liền Điện Biên với các tỉnh trong vùng Tây Bắc và các tỉnh trong vùng Trung du miền núi phía Bắc ra khu vực Biển Đông và ra quốc tế.

+ Là khu vực thuận lợi nhất để xây dựng hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, ....) mang tính chất trung tâm vùng tỉnh, chia sẻ hỗ trợ cho trung tâm Điện Biên Phủ.

- - Mô hình phát triển: Đô thị Tuần Giáo, thị trấn Tủa Chùa, thị trấn Mường Ảng cùng nằm trên trục hành lang QL6, QL279, có khoảng cách địa lý gần nhau tạo thành một vùng đô thị hóa mới của tỉnh có không gian phát triển theo mô hình "chuỗi". Khoảng không gian giữa các đô thị là các vùng sinh thái nông lâm nghiệp, từ đó đan xen lan tỏa vào các vùng tập trung xây dựng.

### 2.3.3. Mô hình tổ chức hệ thống đô thị

- - Tổ chức các đô thị trên địa bàn tạo thành một tổng thể liên kết chặt chẽ, chia sẻ chức năng, nhiệm vụ, vai trò trong hệ thống chung theo mô hình: 2 vùng đô thị - 1 chuỗi. Cụ thể:

+ Vùng thành phố Điện Biên Phủ theo mô hình đô thị trung tâm và các đô thị vệ tinh.

+ Vùng đô thị Tuần Giáo theo mô hình dải đô thị.

+ Chuỗi đô thị liên kết: thị trấn Mường Chà – thị xã Mường Lay – Thị trấn Nậm Pồ - đô thị Mường Nhé – đô thị Apachải tạo thành hành lang các trung tâm du lịch và an ninh quốc phòng.

### **3. Định hướng phát triển không gian đô thị và khu dân cư nông thôn**

#### **3.1. Định hướng không gian phát triển hệ thống đô thị**

##### *3.1.1. Nguyên tắc phát triển:*

- Lựa chọn quỹ đất đủ rộng để phát triển và mở rộng đô thị trong tương lai, hạn chế tối đa lấy đất nông nghiệp.

- Khai thác lợi thế liên kết vùng thông qua các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật điện rộng, coi đó là 1 trong những động lực chính để phát triển hệ thống đô thị.

- Khuyến khích phát triển đô thị mới dọc trục quốc lộ 4H và khu vực phía Đông Bắc của tỉnh để thúc đẩy KT-XH.

- Mỗi đô thị đều có những đặc trưng riêng về điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội. Do đó để tạo sự liên kết trong phát triển, và lợi ích hài hòa trong mỗi vùng giữa các vùng, ở cấp quản lý cần lồng ghép tăng trưởng xanh trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, nhằm định hướng cho địa phương phát triển trong mối liên kết vùng một cách bền vững.

- Thực hiện đô thị tăng trưởng xanh tại các đô thị trong tỉnh Điện Biên đang được coi là nhiệm vụ đối với các đô thị, bởi đây là con đường ngắn nhất và hiệu quả nhất hướng đến phát triển đô thị bền vững.

- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đô thị có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và kỹ thuật đồng bộ, có môi trường đô thị trong sạch, được phân bố và phát triển hợp lý trên địa bàn, đảm bảo mỗi đô thị phát triển ổn định và bền vững. Lồng ghép các chính sách xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó biến đổi khí hậu ban hành chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, đô thị có khả năng chống chịu, ứng phó biến đổi khí hậu.

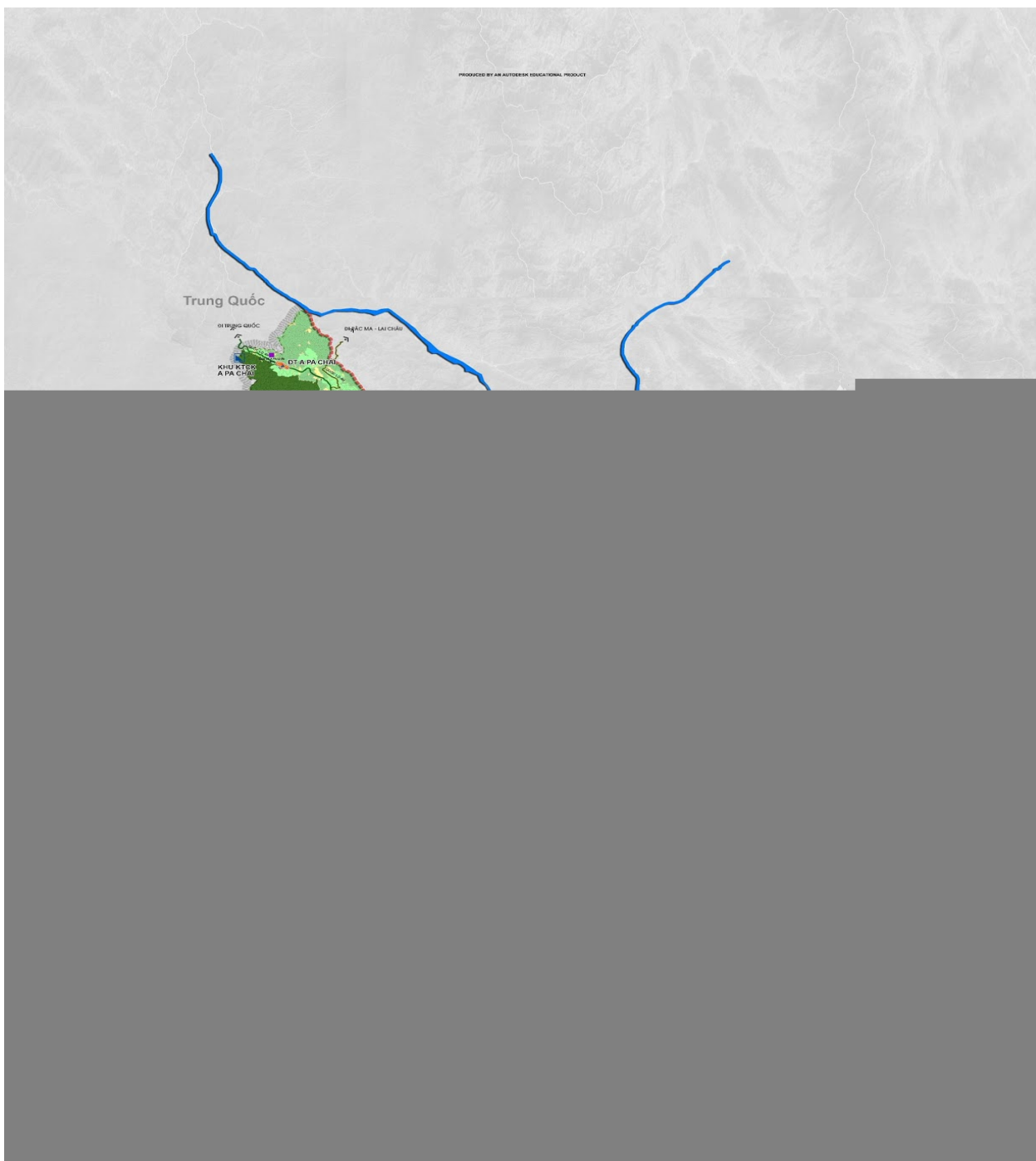
- Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch đô thị và chương trình phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Lập kế hoạch huy động nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư xây dựng phát triển đô thị tăng trưởng xanh hàng năm và theo giai đoạn. Quản lý phát triển đô thị tăng trưởng xanh.

##### *3.1.2. Hệ thống đô thị:*

- Hệ thống đô thị tỉnh Điện Biên giai đoạn 2035 có 13 đô thị bao gồm:

- + Các đô thị đóng vai trò vị thế quan trọng trong tỉnh, trong vùng cũng như có ý nghĩa trong hệ thống đô thị toàn quốc, bao gồm 04 đô thị: thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay, đô thị Tuần Giáo, đô thị Mường Nhé.
- + Các đô thị trung tâm huyện: gồm 08 đô thị trung tâm hành chính huyện (huyện lỵ) bao gồm: Mường Nhé, Nậm Pồ, Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng, Điện Biên Đông, Pú Tũn.
- + Các đô thị cửa khẩu: gồm đô thị A Pa Chải và đô thị Mường Nhà.

- + Các đô thị có chức năng hỗ trợ: Bản Phủ



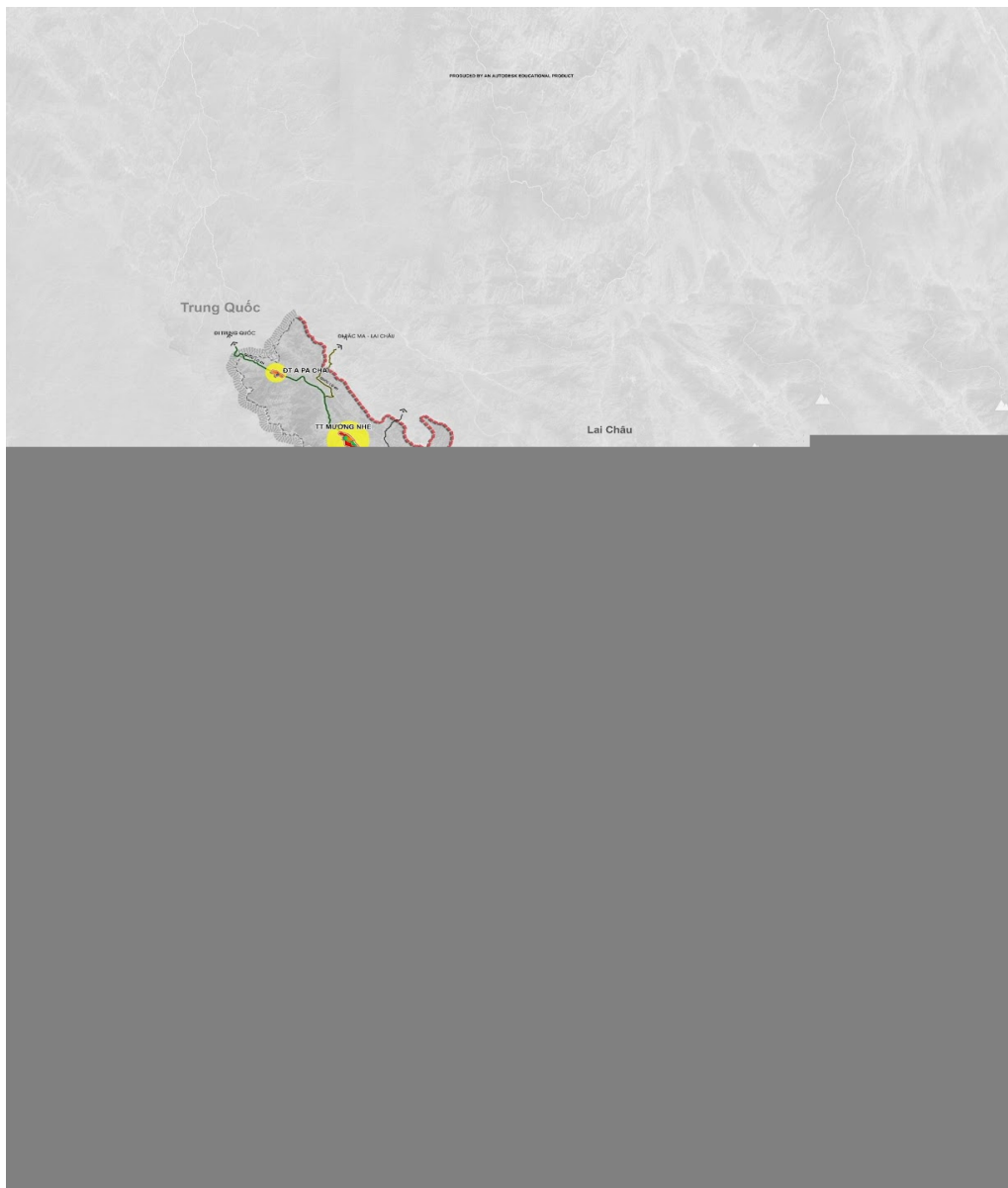
*Hình 4.2: Sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng*

• *Bảng 4.1: Tổng hợp hệ thống đô thị toàn tỉnh đến năm 2035*

TT	Tên đô thị	Trực thuộc	Tính chất đô thị	Loại đô thị	
				2025	2035
	<b>Cộng</b>				
1	Thành phố Điện Biên Phủ	Tỉnh	Thành phố tỉnh lỵ trung tâm KT-XH Tỉnh	II	II
2	Thị xã Mường Lay	Tỉnh	Trung tâm KT-XH vùng phía Đông Bắc tỉnh	IV	IV
3	Thị trấn Mường Chà	H. Mường Chà	Thị trấn huyện lỵ	V	V
4	Thị trấn Tủa Chùa	H. Tủa Chùa	Thị trấn huyện lỵ	V	V
5	Đô thị Tuần Giáo	Tỉnh	Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, du lịch, thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Đông tỉnh.	IV	IV
6	Thị trấn Điện Biên Đông	H. Điện Biên Đông	Thị trấn huyện lỵ	V	V
7	Thị trấn Mường Ảng	H. Mường Ảng	Thị trấn huyện lỵ	V	V
8	Đô thị huyện lỵ Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Thị trấn huyện lỵ	V	IV
9	Đô thị Apachải	Huyện Mường Nhé	Đô thị cửa khẩu		V
10	Đô thị Bản Phủ	Huyện Điện Biên	Đô thị du lịch	V	V
11	Đô thị Mường Nhà (mới)	Huyện Điện Biên	Đô thị cửa khẩu		V
12	Đô thị huyện lỵ huyện Nậm Pồ	Huyện Nậm Pồ	Thị trấn huyện lỵ	V	V
13	Đô thị huyện lỵ Điện Biên (Pú Tầu)	Huyện Điện Biên	Thị trấn huyện lỵ	V	V

*Nguồn số liệu và các cơ sở để dự báo hệ thống đô thị và đất đai đô thị:*

- + *Quy hoạch chung xây dựng thành phố Điện Biên Phủ và các thị xã, thị trấn đã được phê duyệt.*
- + *Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội năm 2017, Niên giám thống kê 2014, 2015, 2016*
- + *Các quy hoạch và các dự án đã được phê duyệt về các lĩnh vực: Du lịch, giao thông, thương mại, công nghiệp, giáo dục, y tế....*
- + *Các chủ trương chính sách của tỉnh Điện Biên về phát triển kinh tế xã hội.*



Hình 4.3. Sơ đồ hệ thống đô thị toàn tỉnh đến năm 2035

### (1) Thành phố Điện Biên Phủ:

- - Loại đô thị: năm 2015: đô thị loại III; năm 2025: đô thị loại II, năm 2035: đô thị loại II.
- - Dân số: năm 2025: 145.000 người, năm 2035: 205.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2015: 1.678ha, năm 2025: 2.100ha; năm 2035: 3.330ha.
- - Tính chất:

+ Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, thương mại, dịch vụ của tỉnh Điện Biên; là trung tâm kinh tế và trung tâm đầu mối giao thông của vùng Tây Bắc.

+ Là trung tâm du lịch trọng điểm cấp Quốc gia.

+ Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Tây Bắc và cả nước.

- - Các chiến lược phát triển không gian theo quy hoạch của đô thị Điện Biên (theo Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/8/2013 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch chung đô thị Điện Biên đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050) nhằm khẳng định rõ vai trò, vị thế trong vùng, quốc gia và quốc tế. Đó là:



+ Tăng cường bản sắc, hình ảnh riêng về thành phố bảo tàng bằng giải pháp thiết lập hệ thống không gian gồm “mặt nước”, “cây xanh”, và “văn hóa” gắn kết các khu di tích lịch sử, cảnh quan thắng cảnh được coi là nguồn tài nguyên nhân văn môi trường tiềm năng, tối thiểu 60% diện tích thành phố và vùng phụ cận được dành cho không gian mở.

+ Phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, trong đó phát triển giao thông công cộng gắn kết với phát triển đô thị và là phương tiện chủ yếu để kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới nhằm đảm bảo hoạt động kinh tế - xã hội thuận lợi, nâng cao tính cạnh tranh cũng như vào vệ môi trường.

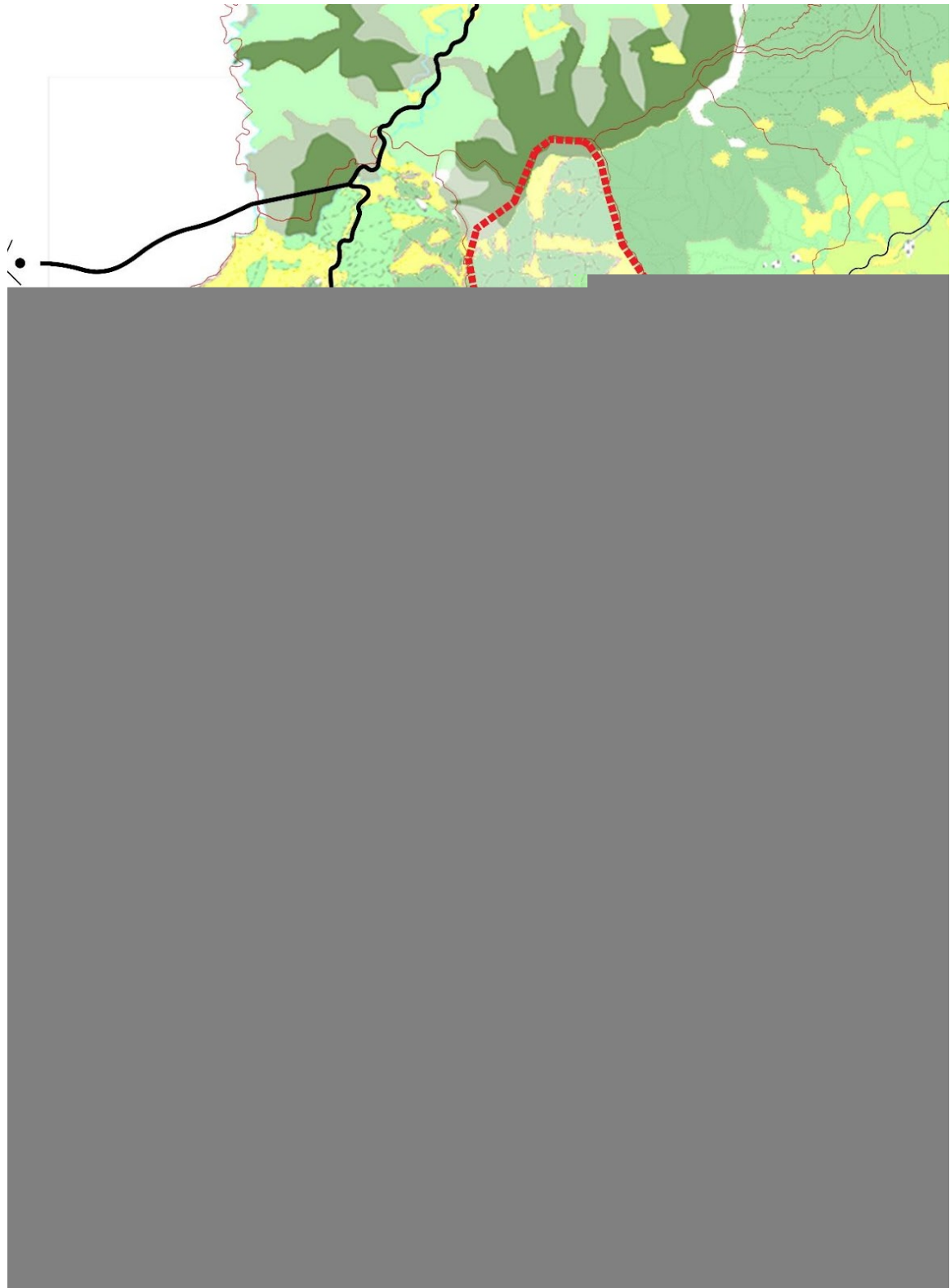
+ Phát triển hệ thống các trung tâm đô thị hiện đại theo xu hướng tăng chiều cao các công trình trọng điểm, có tính cạnh tranh để thu hút đầu tư đa dạng và chất lượng là động lực chính cho các khu đô thị mới, đồng thời đây cũng là nơi tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho thành phố và hạn chế các luồng di dân tới đô thị trung tâm.

+ Nâng cấp và chuyển dời chức năng khu vực trung tâm thành phố hiện tại nhằm tạo dựng không gian diện mạo mới cho khu vực đậm đặc di tích lịch sử vùng. Bảo tồn, cải thiện làng bản khu vực ngoại vi hướng tới thu hút dân cư đô thị trung tâm vào các vùng này. Kết hợp các mô hình phát triển nhà ở trong tổng thể đô thị từ nhà ở xã hội, nhà ở truyền thống, hệ thống biệt thự nhà vườn, trang trại, gia trại và chung cư hiện đại phù hợp với thu nhập của người dân thành phố theo từng giai đoạn và cung cấp đồng bộ hệ thống dịch vụ đô thị tới từng khu vực đô thị.

+ Ngăn ngừa các hiểm họa thiên tai và các thảm họa khác do thiên nhiên và con người gây ra. Chủ động đối phó việc biến đổi khí hậu đang diễn ra bằng những biện pháp thích hợp với nền kinh tế từng giai đoạn và môi trường.

+ Gìn giữ và phát huy giá trị các di sản văn hóa truyền thống Tây Bắc (đặc biệt là văn hóa Thái-Mông), nâng tầm giá trị của lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử như một hình ảnh biểu tượng kỷ nguyên mới của nhân loại, của thời đại Hồ Chí Minh của dân tộc Việt Nam nói chung và Điện Biên nói riêng.

-



Hình 4.4. Sơ đồ định hướng phát triển không gian thành phố Điện Biên Phủ

+ Trung tâm du lịch là đầu mối mọi hoạt động du lịch của tỉnh hoặc khu vực, vì vậy trung tâm du lịch phải bảo đảm tập trung đầy đủ các điều kiện cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Với quan điểm trên, quy hoạch phát triển không gian du lịch Điện Biên lấy Thành phố Điện Biên Phủ làm trọng tâm phát triển khu vực phía Nam và là Trung tâm Du lịch chính của tỉnh. Trung tâm Du lịch Điện Biên Phủ là điểm dừng quan trọng trong hành lang du lịch Tây Bắc và các vùng phụ cận trong và ngoài nước, là điểm đầu



- 
- 
- 
- mỗi của các hoạt động du lịch nội tỉnh, là nơi điều hành tất cả các hoạt động du lịch của toàn tỉnh. Đây là khu vực trọng tâm, nơi hội tụ các dòng khách từ các thị trường khác nhau bằng các hướng theo các trục quốc lộ 6A, 279; 4D, 32,12 và trục hàng không và là đầu mối điều hành và phân phối khách theo các tuyến đã xác định trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Không gian cụm du lịch này bao gồm Thành phố tỉnh lỵ Điện Biên Phủ và vùng phụ cận về phía Đông Bắc lên đến hồ Pá Khoang, Mường Phăng, phía Tây và Tây Nam bao gồm khu vực động Pa Thơm và cửa khẩu Tây Trang. Tài nguyên du lịch của cụm đa dạng và nổi trội, bao gồm tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch tự nhiên với vai trò chủ đạo là hệ thống di tích lịch sử cách mạng ở Điện Biên Phủ ... Vì vậy cụm du lịch này có thể phát triển thành cụm du lịch văn hóa, sinh thái, thương mại công vụ với nhiều loại hình và sản phẩm du lịch hấp dẫn bao gồm: Tham quan, nghiên cứu (bản văn hóa dân tộc, di tích, chiến trường xưa); Lễ hội; Nghỉ dưỡng, nghỉ cuối tuần; Vui chơi giải trí; Hội nghị, hội thảo, liên hoan du lịch và các sự kiện đặc biệt khác...

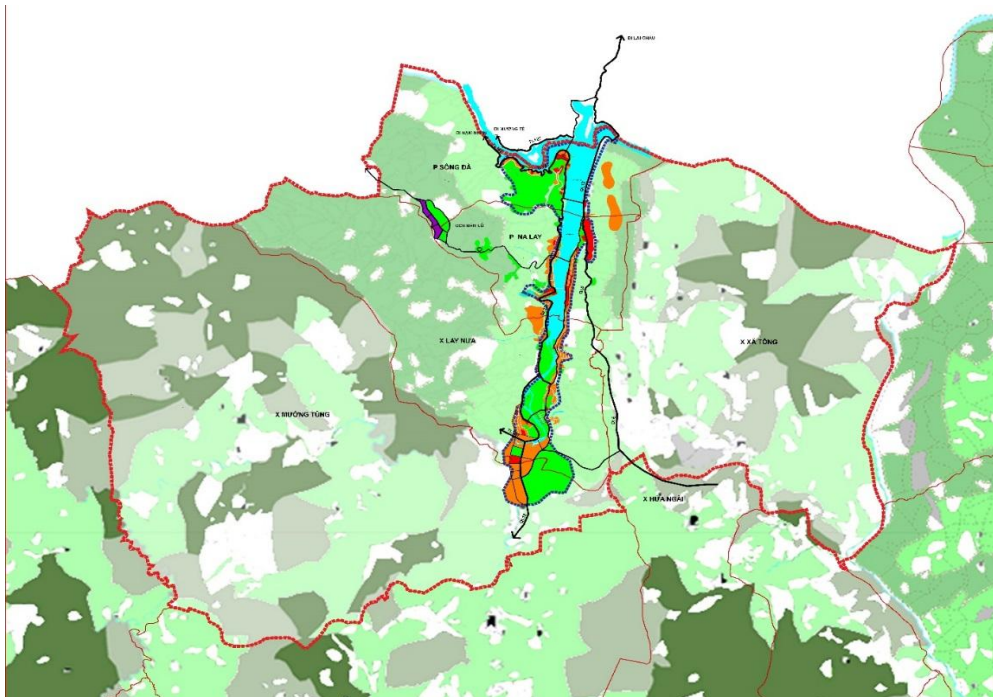
+ Tăng cường năng lực và thể chế để quản lý đô thị theo mô hình Chính quyền đô thị dựa trên Luật xây dựng, luật đất đai, luật quy hoạch đô thị nhằm thực hiện thành công việc xây dựng thành phố Điện Biên Phủ theo Tầm nhìn đã xác định.

- - Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo mô hình đô thị phân khu, phát triển hệ thống các trung tâm gồm đô thị trung tâm toàn thành phố và đô thị trung tâm từng khu, phát triển các khu đô thị mới xung quanh đô thị trung tâm, lấy trục quốc lộ 279 là trục xương sống của đô thị; Bao gồm các phân khu: Khu đô thị Đông Bắc, khu đô thị Tây Bắc, trung tâm hiện hữu và trung tâm mới phía Đông; các hành lang sinh thái văn hóa, các phân khu chức năng ven đô thị. Định hướng đô thị sẽ phát triển mở rộng lên phía Bắc và phía Đông để phát huy thế mạnh của trục động lực Quốc lộ 279.
- - Mở rộng địa giới hành chính: Đề xuất mở rộng địa giới hành chính của thành phố Điện Biên Phủ theo phương án sát nhập thêm 04 xã của huyện Điện Biên bao gồm: Mường Phăng, Pá Khoang, Nà Tấu và Nà Nhạn và một phần các xã Thanh Xương, Thanh Hưng, Thanh Nưa, Thanh Luông, Thanh Chăn và Hua Thanh.

## (2) Thị xã Mường Lay:

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại IV; năm 2035: đô thị loại IV.
- - Dân số: năm 2025: 20.000 người, năm 2035: 27.500 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 360ha; năm 2035: 413ha.
- - Tính chất:

- + Là trung tâm kinh tế, văn hoá, du lịch khu vực phía Bắc tỉnh Điện Biên.
- + Là trung tâm chuyên ngành với các loại hình kinh tế cảng, dịch vụ thương mại và du lịch.
- + Vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng vùng biên giới phía Bắc.
  - - Động lực phát triển:
    - + Đô thị trung tâm kinh tế văn hóa thương mại phía Bắc tỉnh, có kinh tế cảng dịch vụ cảng rất phát triển, là động lực chính cho phát triển kinh tế đô thị; Có khả năng phát triển công nghiệp cơ khí sản xuất nông cụ và chế biến nông lâm sản.
    - + Đô thị cung ứng dịch vụ cho thủy điện, du lịch và dịch vụ sinh thái ven hồ
    - + Đô thị có vị trí an ninh quốc phòng.
  - - Định hướng phát triển không gian:
    - + Hướng phát triển dọc theo hướng Bắc – Nam và bám dọc theo hai bên hồ Nậm Lay. Tập trung xây dựng vào bờ Tây khu vực có quỹ đất thoải không bị ảnh hưởng tai biến môi trường.
    - + Trong tương lai đô thị sẽ phát triển tập trung vào phía Nam, khu vực xã Lay Nưa và một phần ở phía Bắc khu vực Đồi Cao.
- - Mở rộng địa giới hành chính: Đề xuất sát nhập thêm các xã Mường Tùng và Xá Tổng thuộc huyện Mường Chà vào thị xã Mường Lay để đảm bảo có thể quỹ đất phát triển trong tương lai.



Hình 4.5. Sơ đồ định hướng phát triển không gian thị xã Mường Lay

### (3) Đô thị Tuần Giáo:

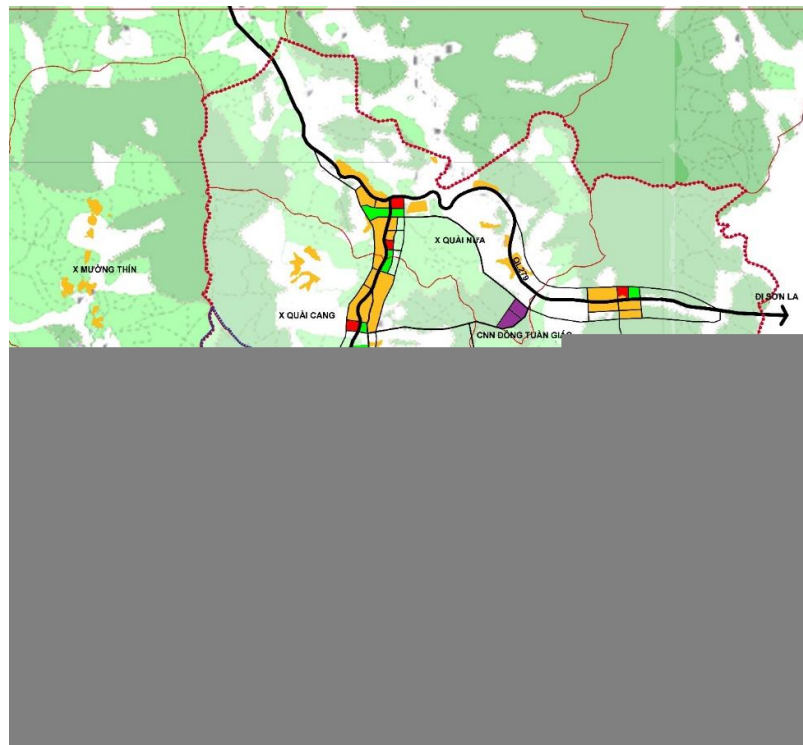
- Đô thị Tuần Giáo là đô thị hạt nhân, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội vùng huyện Tuần Giáo. Tương lai xa, thị trấn Tuần Giáo sẽ là cực phụ, cửa ngõ phía Đông của tỉnh Điện Biên.

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại IV; năm 2035: đô thị loại IV.
- - Dân số: năm 2025: 48.000 người; năm 2035: 62.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 286 ha; năm 2035: 342 ha.
- - Tính chất: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, du lịch, thương mại dịch vụ cửa ngõ phía Đông tỉnh.
- - Động lực phát triển:

+ Đô thị trung tâm kinh tế văn hóa thương mại cửa ngõ phía Đông tỉnh, nằm trên trục kinh tế động lực quốc lộ 279

+ Có khả năng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chế biến nông lâm sản, du lịch.

+ Nằm trong trục kinh tế động lực quốc lộ 279, quốc lộ 6.



Hình 4.6. Sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị Tuần Giáo

- - Định hướng phát triển không gian

+ Hướng phát triển chính dọc theo 2 bên các tuyến đường quốc lộ 6 và tỉnh lộ 279. Từ khu vực trung tâm thị trấn hiện nay đô thị sẽ phát triển về các hướng Bắc và Nam (1 phần Quài Tở + 1 phần Quài Cang) trên cơ sở các tuyến giao thông đối ngoại là QL 6 và QL 279. Các cụm chức năng của đô thị bao gồm:

+ Khu trung tâm: là khu Trung tâm thị trấn hiện tại với chức năng là khu vực hành chính - chính trị của huyện và thị trấn. Ngoài ra còn là trung tâm thương mại, dịch vụ và giáo dục.

+ Khu phía Bắc: là khu vực xã Quài Cang sáp nhập vào thị trấn, với chức năng là khu đô thị mới, cửa ngõ phía Bắc của thị trấn Tuần Giáo, phát triển về nông nghiệp và dịch vụ du lịch.

+ Khu phía Nam : là khu vực xã Quài Tở sáp nhập vào thị trấn, với chức năng là khu đô thị hiện trạng cải tạo kết hợp với dân cư mới, cửa ngõ phía Nam của thị trấn Tuần Giáo.

+ Khu phía Tây: là khu vực phía Tây của thị trấn hiện tại, với chức năng là khu đô thị phát triển hỗn hợp: nhà ở kết hợp thương mại-dịch vụ, cửa ngõ phía Tây của thị trấn.

- - Mở rộng địa giới hành chính: Sáp nhập thêm 1 phần của 05 xã Quài Cang, Quài Nưa, Tỏa Tình, Chiềng Sinh, Quài Tở.

#### **(4) Thị trấn Điện Biên Đông:**

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 5.000 người; năm 2035: 7.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 105 ha; năm 2035: 126 ha.
- - Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa xã hội, có vị trí địa lý thuận lợi để giao lưu với các vùng khác trong tỉnh và các tỉnh lân cận.
- - Định hướng phát triển không gian

+ Khai thác quy đất hiện có tại khu trung tâm thị trấn Điện Biên Đông, tăng hệ số sử dụng đất, tận dụng mặt bằng quỹ đất, cơ sở vật chất của các công trình công cộng hiện có đảm bảo tính kế thừa của quy hoạch cũ và phù hợp với khu chức năng. Cải tạo quỹ đất đô thị hiện có của thị trấn. Phát triển các khu vực xây dựng mới về phía Bắc của thị trấn nhằm đảm bảo đáp ứng đủ các khu chức năng của quy mô một thị trấn huyện lỵ. Quỹ đất phát triển đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính thị trấn.

+ Tổ chức cho các không gian chính đô thị bao gồm: Không gian các khu trung tâm, khu vực trọng tâm, các điểm nhấn đô thị; Không gian các trục phố chính; Không gian các đơn vị ở; Không gian cây xanh, thể dục thể thao.

#### **(5) Đô thị huyện lỵ Mường Nhé:**

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại IV.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 10.000 người; năm 2035: 15.000 người
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 150 ha; năm 2035: 255 ha.
- - Tính chất: Là trung tâm vùng Tây Bắc của tỉnh gắn với phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ thương mại, du lịch và an ninh quốc phòng. Là trung tâm hành chính, chính trị của huyện Mường Nhé, trung tâm phát triển văn hóa và xã hội của toàn huyện.
- - Định hướng phát triển không gian: Trung tâm đô thị nằm ở khu sườn đồi phía Tây Bắc UBND xã Mường Nhé. Hướng phát triển đô thị về phía Tây Bắc suối Nậm Nhé.

#### **(6) Thị trấn Mường Ảng:**

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 6.000 người; năm 2035: 8.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 123 ha; năm 2035: 136 ha.
- - Tính chất: Là trung tâm hành chính chính trị, tổng hợp các lĩnh vực kinh tế, công nghiệp, lâm sinh, du lịch, văn hóa, giáo dục đào tạo của huyện Mường Ảng.
- - Định hướng phát triển không gian: Hướng phát triển đô thị về phía Nam và Đông Nam. Phân thành 3 khu chức năng: Khu trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, tiểu thủ công nghiệp và các khu ở; Khu trung tâm hành chính chính trị, văn hóa, y tế và các khu ở; Khu dân cư.

### **(7) Thị trấn Mường Chà:**

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 6.000 người; năm 2035: 9.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 102ha; năm 2035: 144 ha.
- - Tính chất: Là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của huyện Mường Chà, là trung tâm tổng hợp các lĩnh vực kinh tế, công nghiệp, lâm sinh, văn hóa giáo dục đào tạo của huyện Mường Chà. Hỗ trợ và thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh Điện Biên. Có vị trí quốc phòng quan trọng của vùng biên giới Việt – Lào.
- - Định hướng phát triển không gian: Khai thác quỹ đất hiện có tại khu trung tâm thị trấn Mường Chà, tăng hệ số sử dụng đất, tận dụng mặt bằng quỹ đất, cơ sở vật chất của các công trình công cộng hiện có đảm bảo tính kế thừa của đồ án quy hoạch cũ và phù hợp với định hướng phát triển các khu chức năng trong tương lai. Phát triển các khu vực xây dựng mới về phía Nam và một phần phía Bắc của thị trấn

+ Đối với khu vực trung tâm: Hướng mở rộng sẽ sang phía Tây suối Nặm Mươn, chủ yếu là dải đất thuận lợi cho xây dựng dọc bờ suối.

+ Đối với khu mở rộng phía Nam :Hướng phát triển bám vào quốc lộ 12, phát triển mở rộng về phía Tây của QL 12, bám dọc 2 bên bờ suối Nặm Mươn. Đây là khu vực sẽ mở rộng đáp ứng nhu cầu phát triển lâu dài.

+ Đối với khu mở rộng phía Bắc : Hướng phát triển bám theo trục đường QL12 . Khu vực này chủ yếu khai thác ven đường QL bằng phương pháp san đồi .Do địa hình phức tạp, đây là khu vực hạn chế phát triển.

### **(8) Thị trấn Tủa Chùa:**

- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 6.000 người; năm 2035: 9.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 99ha; năm 2035: 150ha.
- - Tính chất: Là trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của huyện Tủa Chùa, nằm ở phía Bắc tỉnh Điện Biên. Là trung tâm tổng hợp các lĩnh vực kinh tế, công nghiệp, lâm sinh, văn hóa, giáo dục đào tạo của huyện Tủa Chùa. Có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.
- - Định hướng phát triển không gian: Phát triển các khu vực xây dựng mới về phía Tây Bắc và phía Đông Nam của thị trấn, khai thác quỹ đất hiện có tại khu trung tâm thị trấn Tủa Chùa, tăng hệ số sử dụng đất, tận dụng mặt bằng quỹ đất. Gồm 4 khu chức năng chính: Khu trung tâm, Khu dân cư, Khu công nghiệp, Khu công viên nghỉ ngơi, giải trí, thể thao.

### **(9) Đô thị huyện lỵ huyện Nậm Pồ:**



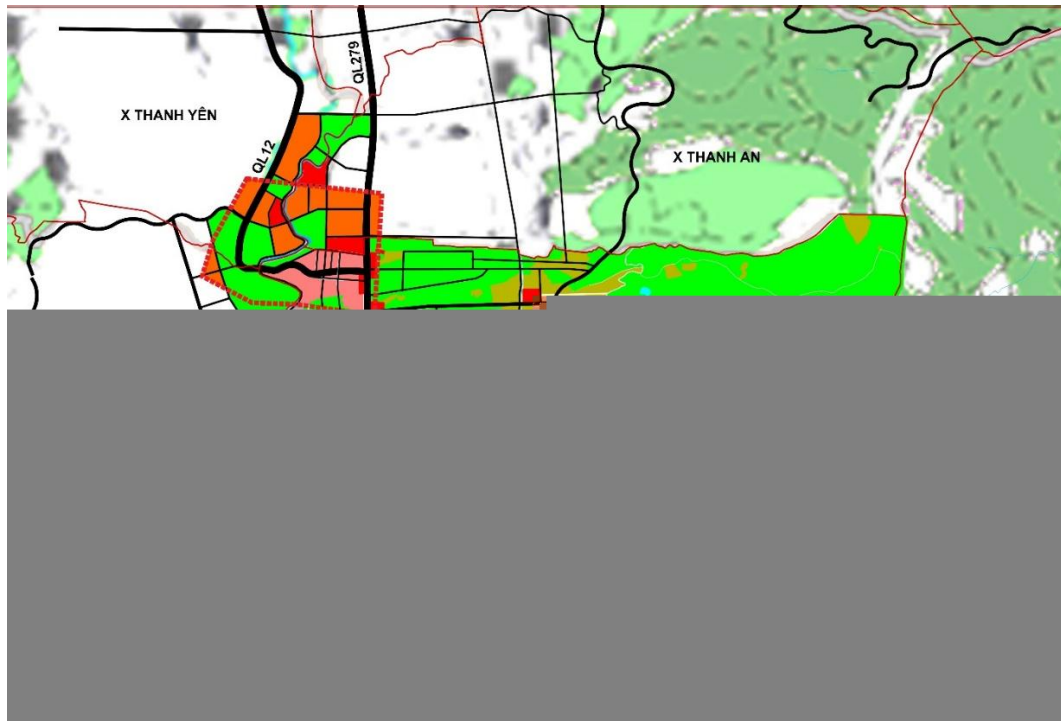
- Khu vực trung tâm huyện lỵ huyện Nậm Pồ hiện nay được xây dựng ở Na Hỳ, nằm trên tỉnh lộ 145B, đã được lập quy hoạch chung với diện tích quy hoạch khoảng 400ha và quy hoạch chi tiết.
- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 3.000 người; năm 2035: 5.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 42 ha; năm 2035: 82 ha.
- - Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa, thương mại dịch vụ của huyện Nậm Pồ.
- - Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo dạng dải, dọc theo trục tỉnh lộ 145.

#### **(10) Đô thị huyện lỵ huyện Điện Biên (Pú Tửu)**

- Khu vực trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên nằm trên đại bàn xã Pú Tửu, đã được lập quy hoạch chung với diện tích quy hoạch khoảng 276,68ha và quy hoạch chi tiết khu trung tâm thị trấn.
- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 3.000 người; năm 2035: 5.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 66 ha; năm 2035: 80ha.
- - Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế văn hóa, thương mại dịch vụ của huyện Điện Biên.
- - Định hướng phát triển không gian: Xây dựng khu trung tâm hành chính - văn hoá - thương mại ở phía Đông Nam gần hồ nước, đường trục chính Tây Bắc - Đông Nam nối từ thành phố Điện Biên đến Pú Tửu và đường trục chính Đông Nam – Tây Bắc, nối từ đường xuyên Á phát triển trong tương lai

#### **(11) Đô thị Bản Phủ:**

- Khu vực Bản Phủ hiện nay đã phát triển như 1 thị tứ với dân cư đông đúc và tập trung. Trong tương lai có đủ điều kiện để có thể phát triển thành 1 đô thị
- - Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 8.500 người; năm 2035: 10.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 128 ha; năm 2035: 170 ha.
- - Tính chất: Là đô thị vệ tinh phát triển hỗ trợ cho đô thị trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên cũng như thành phố Điện Biên Phủ.
- - Định hướng phát triển không gian: Phát triển theo hướng Tây sang phía Tây sông Nậm Rốm.
- - Quy mô khu vực xây dựng tập trung khoảng 250ha.



Hình 4.7. Sơ đồ định hướng phát triển không gian đô thị Bản Phủ

### (12) Đô thị Mường Nhà:

- - Loại đô thị: năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 4.000 người ; năm 2035: 6.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 56 ha ; năm 2035: 102 ha.
- - Tính chất: Là đô thị phía Nam của huyện Điện Biên, là trung tâm phát triển kinh tế cửa khẩu, thương mại mậu biên và du lịch gắn với khu vực cửa khẩu Huổi Puốc; Là đô thị biên giới, có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng.

### (13) Đô thị Apachải:

- Cửa khẩu A Pa Chải nằm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Điện Biên, nhằm đảm bảo mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế của tỉnh, khu vực và quốc gia, đồng thời giải quyết các vấn đề về việc làm, xóa đói, giảm nghèo và tăng cường an ninh quốc phòng
- - Loại đô thị: năm 2035 đô thị loại V.
- - Dân số đô thị: năm 2025: 2.000 người ; năm 2035: 4.000 người.
- - Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 30 ha ; năm 2035: 66 ha.
- - Tính chất: Là đô thị cửa khẩu thuộc huyện Mường Nhé, là khu kinh tế cửa khẩu phát triển thương mại mậu biên và du lịch gắn với khu vực cửa khẩu ApaChải; Là đô thị biên giới, có vị trí an ninh quốc phòng quan trọng.

## 3.2. Tổ chức không gian phát triển khu dân cư nông thôn

### a) Dân cư gắn với vùng sản xuất nông – lâm nghiệp:

- Dân cư phát triển chủ yếu gắn với phát triển kinh tế trồng rừng, khai thác tiềm năng rừng. Địa bàn đi lại khó khăn. Dân cư đa số bố cục phân tán.

- *Đặc điểm phân bố dân cư*

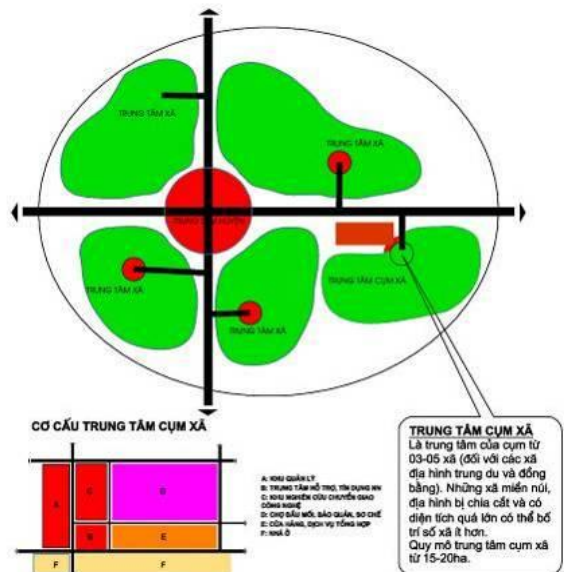
- + Phân bố theo khu vực sản xuất, nơi có địa hình canh tác thuận lợi.
- + Dân cư tập trung thành các bản làng và bám rải rác trên các sườn đồi.
- + Nhà ở bám theo các trục giao thông và sát các chân đồi
- + Công trình hạ tầng xã hội như Trường học, trạm y tế có bán kính phục vụ lớn.

● **Giải pháp**

- + Định hướng phát triển: Đặc biệt quan tâm phát triển hệ thống giao thông, tạo điều kiện phát triển sản xuất và giao lưu hàng hóa.
- + Phát triển dân cư tại trung tâm xã, hạn chế tối đa các điểm dân cư nhỏ lẻ và di dời về khu vực dân cư tập trung tại trung tâm xã.
- + Hình thành các Trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất (trung tâm cụm xã) (02-03 xã/1 trung tâm cụm - do địa bàn rộng lớn). Phân tán thành từng cụm, điểm tùy theo địa hình, phong tục tập quán sinh hoạt, đảm bảo sự kết nối về giao thông và hạ tầng cơ sở cho từng điểm đến các khu vực có vị trí thuận lợi để giao lưu, trao đổi hàng hóa. Quy mô từ 5-15 ha và dân số từ 100 hộ trở lên. Các khu TTCN nông thôn tập trung trên địa bàn xã có quy mô từ 3-10 ha

- Mục tiêu xây dựng dịch vụ hỗ trợ sản xuất nhằm tạo ra các cụm kinh tế, văn hóa xã hội, giảm dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị. Đặc biệt với khu vực biên giới thì việc xây dựng hệ thống các trung tâm cụm xã còn là biện pháp hữu hiệu cũng có tuyến phòng thủ biên giới.

- Hình thành các điểm dân cư tập trung và các công trình công cộng có bán kính phục vụ đảm bảo tiêu chuẩn (Khu trung tâm hỗ trợ SX, tín dụng nông nghiệp, nghiên cứu chuyển giao công nghệ, chợ đầu mối, bảo quản, sơ chế nông lâm sản, cửa hàng, dịch vụ tổng hợp...).



● Hình 4.8: Sơ đồ cơ cấu Cụm đổi mới (trung tâm cụm xã)

- + + Tập trung dân cư và củng cố xây dựng cho điểm dân cư trung tâm xã thực sự trở thành hạt nhân trên địa bàn xã. Quy mô nên tập trung từ 100-200 hộ. Đây sẽ là các điểm thị tứ trong tương lai. Hình thành các trung tâm phụ trên địa bàn xã nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho dân cư ở các xã có địa bàn quá lớn. Phát triển các điểm dân cư trên địa bàn xã theo dạng tập trung với quy mô từ 100 hộ trở lên. Trong các khu vực có mật độ dân số thấp có thể từ 50 hộ trở lên. Các bản làng dân tộc nên tổ theo dạng cụm điểm dân cư trong khu vực có bán kính 500-800m. Quy mô cụm điểm không nên nhỏ hơn 50 hộ.

+ + Hình thái phát triển theo dạng điểm hoặc kết hợp giữa tuyến và điểm. Chiều dài điểm dân cư không nên quá 1,5km. Phát triển các khu dân cư kinh tế mới tập trung, kết hợp với việc ổn định công tác định canh định cư. Các điểm dân cư dọc theo các quốc lộ chính nên phát triển về một phía của đường quốc lộ và chiều dài điểm dân cư không nên quá 1,5km.

*b) Dân cư vùng biên giới:*

- Đối với hệ thống dân cư dọc biên giới: Phát triển hành lang dân cư dọc biên giới nhằm đảm bảo yêu cầu về ninh quốc phòng. Hệ thống này được phát triển trên cơ sở dân cư kết hợp với các lực lượng quân đội tại địa phương tạo thành các thị tứ, điểm dân cư tập trung có quy mô 500- 1500 người/điểm. Các điểm dân cư này đóng vai trò khai thác tiềm năng sẵn có tại địa phương cho phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng dọc biên giới.

• *Đặc điểm phân bố dân cư:*

+ Dân cư phân bố sau tuyến hành lang kiểm soát biên giới

+ Phân bố theo tuyến đường hành lang biên giới và các tuyến nối từ đường tuần tra biên giới, đường liên xã

+ Phân bố theo vùng sản xuất, nơi có điều kiện tự nhiên thuận lợi

+ Nhà ở thường bám theo đường giao thông. Nhà ở thường có vườn

+ Công trình hạ tầng xã hội như Trường học, trạm y tế có bán kính phục vụ lớn.

• *Giải pháp*

+ Trung tâm xã hình thành hệ thống gồm: Trung tâm xã, trung tâm thôn, trung tâm phụ xã bám các trục giao thông chính, đảm bảo bán kính phục vụ thuận lợi.

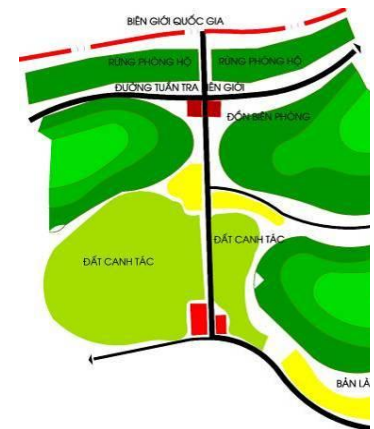
+ Mạng lưới điểm dân cư: Bố trí dân cư tại các điểm trọng yếu về an ninh quốc phòng, điểm thuận lợi về môi trường sinh sống của dân cư, điểm thuận lợi về sản xuất. Bố trí dân cư tại điểm trung tâm xã thành điểm dân cư tập trung.

- Các cơ sở kinh tế kỹ thuật của thị tứ, trung tâm cụm xã chủ yếu là các cơ sở cho hoạt động dịch vụ thương mại cho 1 cụm xã, dịch vụ du lịch, hoạt động sản xuất TTCN hoặc sản xuất công nghiệp lẻ, phân tán trên địa bàn huyện.

- Trong quy hoạch các khu dân cư nông thôn, cần chú ý đề cập các khu chức năng chính:



• Hình 4.9: Mô hình phân bố điểm dân cư dọc biên giới



+ + Trung tâm công cộng, dịch vụ tổng hợp như: chợ trung tâm, bưu điện, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, nhà văn hóa, sân thể thao, trạm y tế xã, và các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm...

+ + Khu dân cư tập trung (áp dụng theo các tiêu chí nông thôn mới)

+ + Các cụm công nghiệp, TTCN (nếu có)

*c) Tổng hợp hệ thống các điểm dân cư nông thôn:*

- Tổng số các điểm dân cư nông thôn gồm: 111 xã, được phân bố như sau:

+ + Thành phố Điện Biên Phủ :06 xã

+ + Thị xã Mường Lay :03 xã

+ + Huyện Mường Nhé :09 xã

+ + Huyện Nậm Pồ :14 xã

+ + Huyện Mường Chà :09 xã

+ + Huyện Tủa Chùa :11 xã

+ + Huyện Tuần Giáo :18 xã

+ + Huyện Điện Biên Đông :13 xã

+ + Huyện Mường Ảng :09 xã

+ + Huyện Điện Biên :19 xã

- Việc xây dựng và phát triển các điểm dân cư của các xã theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới và các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới phù hợp với thực tiễn của mỗi địa phương.

*Bảng 4.2: Các Trung tâm dịch vụ hỗ trợ dự kiến*

T T	Tên Trung tâm dịch vụ hỗ trợ	Thuộc đơn vị hành chính	Năm 2035		
			DT XD (ha)	Dân số (người)	Tính chất (đến 2035)
1	Mường Mùn	H. Tuần Giáo	10	1000	TT Cụm xã
2	Búng Lao	H. Mường Ảng	20	1000	TT Cụm xã
3	Tả Sìn Thàng	H. Tủa Chùa	4.5	450	TT Cụm xã
4	Nà Hỳ	H. Nậm Pồ	3	300	TT Cụm xã
5	Mường Luân	H. Điện Biên Đông	8	800	TT Cụm xã
6	Chà Cang	H. Nậm Pồ	8.5	850	TT Cụm xã
7	Phình Sáng	H. Tuần Giáo	3	300	TT Cụm xã
8	Mường Toong	H. Mường Nhé	7	700	TT Cụm xã

9	Chung Chải	H. Mường Nhé	4	400	TT Cụm xã
10	Tây Trang	H. Điện Biên	6	600	cửa khẩu
11	Huổi Puốc	H. Điện Biên	5	400	cửa khẩu
	<b>Tổng</b>		<b>79</b>	<b>6800</b>	

- Các cơ sở kinh tế kỹ thuật của trung tâm cụm xã chủ yếu là các cơ sở cho hoạt động dịch vụ thương mại cho 1 cụm xã, dịch vụ du lịch, hoạt động sản xuất TTCN hoặc sản xuất công nghiệp lẻ, phân tán trên địa bàn huyện.

- Trong quy hoạch các khu dân cư nông thôn, cần chú ý đề cập các khu chức năng chính:

+ + Trung tâm công cộng, dịch vụ tổng hợp như: chợ trung tâm, bưu điện, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, nhà văn hóa, sân thể thao, trạm y tế xã, và các trung tâm khuyến nông, khuyến lâm...

+ + Khu dân cư tập trung (áp dụng theo các tiêu chí nông thôn mới).

+ + Các cụm công nghiệp, TTCN (nếu có).

#### 4. Phân bố các không gian phát triển kinh tế

##### 4.1. Phân bố không gian phát triển du lịch

Phát triển du lịch trở thành động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế theo hướng Lịch sử - Văn hóa – Sinh thái.

##### 4.1.1. Các khu, điểm du lịch quan trọng:

- Các cụm du lịch:

+ + Điện Biên Phủ và phụ cận: DL văn hóa, sinh thái, thương mại.

+ + Tuần Giáo và phụ cận: DL sinh thái, tham quan nghiên cứu.

+ + Mường Lay và phụ cận: DL sinh thái văn hóa.

- Trung tâm phát triển du lịch: Thành phố Điện Biên Phủ làm trọng tâm phát triển khu vực phía Nam và là Trung tâm Du lịch chính của tỉnh. Đô thị Tuần Giáo, Thị xã Mường Lay, đô thị Mường Nhé là trọng tâm phát triển du lịch ở khu vực phía Đông, phía Bắc tỉnh với vai trò phụ trợ cho trung tâm du lịch chính là thành phố Điện Biên Phủ.

- Không gian ưu tiên phát triển du lịch: Tập trung ở thành phố Điện Biên Phủ và phụ cận, thị trấn Tuần Giáo và đèo Pha Đin, thị xã Mường Lay và phụ cận, khu vực Mường Nhé.

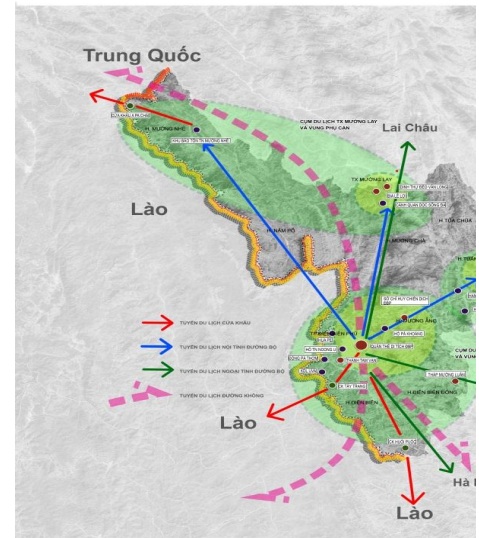
- Khu du lịch quốc gia: Điện Biên Phủ - Pá Khoang - Mường Phăng là khu du lịch chuyên đề văn hóa lịch sử và sinh thái quốc gia.

- Khu, điểm du lịch địa phương, khu vực: Hồ Pá Khoang và Sở Chỉ huy Chiến dịch tại Mường Phăng; nước nóng Hua Pe, U Va; khu du lịch sinh thái Him Lam; thành Bản Phủ và đền Hoàng Công Chất, động Pa Thơm; khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé, thị xã Mường Lay và phụ cận, nước nóng bản Sáng, đèo Pha Đin, khu du lịch sinh thái Tủa Chùa, hang động Xá Nhè, cao nguyên đá Tả Phìn, cây chè di sản xã Sín Chải, du lịch lòng hồ thủy điện Sơn La.

##### 4.1.2 Tổ chức tuyến du lịch (gắn với các tuyến du lịch liên vùng quốc gia, quốc tế):

- a) Tuyến du lịch nội tỉnh:

- Đường bộ:
  - + + Tuyến du lịch thành phố Điện Biên Phủ - Thị xã Mường Lay.
  - + + Tuyến du lịch thành phố Điện Biên Phủ - Tuần Giáo - vùng phụ cận.
  - + + Tuyến du lịch thành phố Điện Biên Phủ - Pá Khoang - Mường Phăng.
  - + + Tuyến du lịch thành phố Điện Biên Phủ - Mường Chà - Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé - cửa khẩu A Pa Chải.



• Hình 4.10: Sơ đồ phát triển không gian du lịch

- Đường sông: Tuyến du lịch dọc theo sông Đà.
  - b) Tuyến du lịch liên tỉnh:
    - Đường bộ: Tuyến Hà Nội - Vĩnh Phúc - Phú Thọ - Yên Bái - Lào Cai - Lai Châu - Điện Biên - Sơn La - Hòa Bình - Hà Nội và ngược lại.
    - Đường hàng không: Hình thành các tuyến du lịch qua đường hàng không kết nối Điện Biên với các tỉnh trên toàn quốc thông qua các tỉnh có sân bay như Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình, Huế, Đà Nẵng, tp Hồ Chí Minh ....
  - c) Tuyến du lịch quốc tế:
    - Đường bộ:
      - + + Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Tây Trang -thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác.
      - + + Tuyến từ Lào qua cửa khẩu Huổi Puốc -thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác.
      - + + Tuyến từ Trung Quốc qua cửa khẩu A Pa Chải - Mường Nhé - Mường Chà -thành phố Điện Biên Phủ sau đó đi các điểm du lịch khác.
    - Đường hàng không: Đây là tuyến du lịch tiềm năng đến các nước trong khu vực như Trung Quốc, ASEAN.

#### 4.1.3. Định hướng phát triển cơ sở vật chất phục vụ du lịch:

- Về cơ sở lưu trú: Tập trung xây dựng mạng lưới khách sạn từ 2 - 4 sao tại thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay, Tuần Giáo, Mường Nhé. Xây dựng cơ sở lưu trú dạng homestay tại các các bản làng truyền thống...

- Về cơ sở vui chơi giải trí: tập trung xây dựng tại thành phố Điện Biên Phủ

#### 4.1.4. Định hướng sản phẩm du lịch:

Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đầu tư xây dựng sản phẩm đặc thù gắn với cụm, khu, điểm du lịch:

- Cụm thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên: Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch lịch sử; nghiên cứu lịch sử, văn hóa của các dân tộc; vui chơi giải trí; nghỉ dưỡng, mua sắm, hội nghị, hội thảo, tổ chức sự kiện. Triển khai xây dựng và thực hiện Đề án bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ gắn với phát triển du lịch tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến 2030. Nghiên cứu, đầu tư và triển khai các dự án: Khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (tại đồi E2); Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ trên đồi A1 và cứ điểm Khu đèo kháng Him Lam; Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Mường Phăng; phát triển sản phẩm du lịch văn hóa, lịch sử, sinh thái tại Đền thờ Hoàng Công Chất - Thành Bản Phủ, Thành Sam Mứn, nước khoáng Uva, Pe Luông, động Pa Thơm, hang động Chua Ta. Gắn kết du lịch lịch sử, văn hóa, du lịch sinh thái với du lịch tâm linh.

- Cụm thị xã Mường Lay, các huyện Mường Chà, Tủa Chùa, Tuần Giáo: Xây dựng khu nghỉ mát Pú Vạt thành khu tham quan, nghỉ dưỡng, kết hợp với tìm hiểu di tích lịch sử (nhà tù Lai Châu, Đền Lê Lợi, Dinh thự Đèo Văn Long), thăm cảnh quan sông Đà, kết hợp giao thông thủy nội địa, nuôi trồng và khai thác thủy sản, dịch vụ văn hóa, văn nghệ, Lễ hội đua thuyền Đuôi Én gắn với văn nghệ dân gian, lễ hội truyền thống, thể thao dưới nước; phát triển sản phẩm du lịch tham quan nghiên cứu công trình kiến trúc nghệ thuật thành Vàng Lồng, hang động Khó Chua La, hang động Xá Nhè; xây dựng Khu du lịch hang Thẩm Púa (di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh) tại xã Chiềng Đông; xây dựng cụm Tượng đài Thanh niên xung phong trong chiến dịch Điện Biên Phủ tại Đèo Pha Đin; phát triển Khu tưởng niệm Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Vừ A Dính; phát triển Khu du lịch sinh thái Đèo Pha Đin.

- Cụm tại địa bàn các huyện khác: Phát triển sản phẩm du lịch tham quan nghiên cứu các công trình kiến trúc nghệ thuật (tháp Mường Luân, tháp Chiềng Sơ); hoạt động giao lưu văn hóa, đời sống dân cư khu vực biên giới.

Xây dựng và phát triển Lễ hội đua thuyền Đuôi Én, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Thành Bản Phủ, đầu tư xây dựng địa điểm tổ chức Xên Mường Thanh tại thành phố Điện Biên Phủ; Giải việt dã chinh phục Ngã ba biên giới A Pa Chải trở thành hoạt động thường niên, là sản phẩm du lịch đặc trưng của tỉnh để thu hút khách du lịch.

Đầu tư xây dựng các Bản văn hóa du lịch có chất lượng cao phục vụ nhu cầu của khách du lịch trong việc tìm hiểu các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc, thưởng thức văn hóa, văn nghệ, ẩm thực, mua sắm và trải nghiệm dịch vụ lưu trú tại nhà dân (home stay).

Lựa chọn địa điểm quy hoạch và hình thức tổ chức một số tuyến phố thương mại, phố đêm, chợ đêm, phố ẩm thực trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ và một số phường, thị trấn của thị xã Mường Lay và các huyện.

#### 4.2. Phân bố các khu, cụm công nghiệp

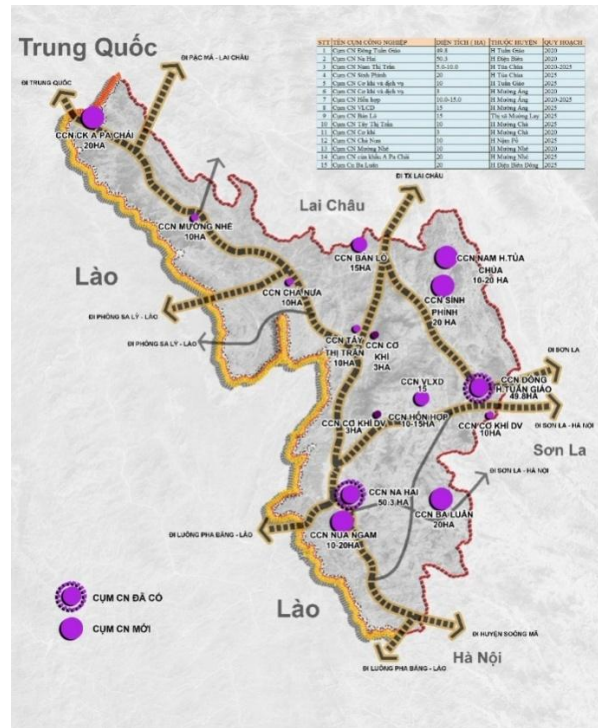
- Tập trung xây dựng một số khu, cụm công nghiệp tập trung quy mô từ vài ha đến vài chục ha làm nền tảng cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH. Các khu, cụm công nghiệp cần xây dựng gần vùng nguyên liệu, gần trục giao thông, có điều kiện cung cấp điện, nước và xử lý chất thải thuận lợi, đồng thời phải phù hợp với quy hoạch phát triển các KCX, KCN của cả nước.



- Đối với tỉnh Điện Biên xây dựng KCN, CCN với quan điểm chủ yếu là để khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, lao động và hạ tầng tại địa phương. Quy hoạch phát triển KCN và CCN giữ nguyên theo Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 10/12/2013.

- Khu công nghiệp Tây Bắc thuộc xã Thanh Nưa (55ha), không có trong QĐ số 1003/QĐ - UBND, ngày 10/12/2013, đã được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh bổ sung vào quy hoạch (VB số 438/TTg - KTN ngày 07 tháng 4 năm 2014), hiện đang triển khai bước quy hoạch chi tiết.

- Hai Cụm công nghiệp phía Đông huyện Tuần Giáo và Cụm công nghiệp Na Hai (theo Quyết định số 2110/QĐ - UBND, 26/12/2008) đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết. Song đến quý IV năm 2014 cả 02 cụm công nghiệp chưa xây dựng cơ sở hạ tầng, do chưa có nhà đầu tư hạ tầng.



Hình 4.11: Sơ đồ phân bố các cụm khu công nghiệp toàn tỉnh

### 4.3. Định hướng quy hoạch hệ thống trung tâm và cơ sở hạ tầng xã hội

#### 4.3.1 Trung tâm cấp vùng và khu vực:

##### a) Trung tâm cấp vùng, khu vực chủ đạo:

Tập trung tại Thành phố Điện Biên Phủ. Các cơ sở phục vụ cấp vùng Tỉnh hiện hữu đang phân bố tại Thành phố Điện Biên Phủ kết hợp với các cơ sở phục vụ đô thị tạo thành hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội đáp ứng yêu cầu đô thị loại II.

Chức năng phục vụ tổng hợp cho vùng Tây Bắc bao gồm:

- + - Giáo dục đào tạo:
  - + Cấp vùng: Đại học Điện Biên, trung tâm hội thảo Tây Bắc, các cơ sở nghiên cứu khoa học kỹ thuật mang tính đặc thù vùng Tây Bắc.
- + + Cấp đô thị: các công trình hiện hữu Trường phổ thông trung học chuyên, trường trung học Dân tộc nội trú, trường cao đẳng sư phạm, trường cao đẳng y tế, cao đẳng kinh tế- kỹ thuật, cao đẳng nghệ.

- + - Y tế: 01 bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 500 giường; 01 bệnh viện đa khoa khu vực Mường Lay quy mô 120 giường; 01 bệnh viện y học cổ truyền quy mô 120 giường; 05 bệnh viện chuyên khoa.
- + - Thương mại: Trung tâm hội chợ phục vụ cấp vùng và Tỉnh, trung tâm thương mại Tỉnh và trung tâm thông tin xúc tiến việc làm, chợ đầu mối.
- + - Văn hoá, thể dục thể thao: Các bảo tàng, triển lãm, trung tâm văn hoá, TDTT phục vụ cấp vùng và cấp Tỉnh.
  - Hình thành tại các cửa khẩu các hạng mục đáp ứng yêu cầu là trung tâm, đầu mối trung chuyên về dịch vụ thương mại, du lịch, văn hóa và công nghiệp phục vụ xuất nhập khẩu

*b) Trung tâm vùng thứ cấp:*

Tập trung tại Thị trấn Tuần Giáo.

Phân bố hỗ trợ tại Thị xã Mường Lay, Mường Nhé.

*4.3.2. Trung tâm cấp huyện:*

Phân bố tại các trung tâm huyện lỵ, thành phố trong Tỉnh.

Chức năng phục vụ tổng hợp cho toàn huyện về dịch vụ thương mại, văn hoá, TDTT, giáo dục đào tạo, y tế và KHKT.

*4.3.3. Trung tâm phục vụ cụm xã :*

- - Phân bố tại : các trung tâm cụm xã trong Tỉnh.
  - - Chức năng phục vụ tổng hợp cho cụm xã (3 - 4 xã) về các mặt. Hệ thống công trình phục vụ trong trung tâm được đầu tư xây dựng theo Thông tư số 173/UB-TH ngày 28/3/1997 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi hướng dẫn thực hiện quyết định 35/TTg ngày 13/1/1997 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt chương trình xây dựng Trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao.

## **5. Định hướng bảo tồn và bảo vệ di sản**

### **5.1. Đối với di tích, di sản văn hóa vật thể**

#### *5.1.1 Định hướng chung*

- Thực hiện đúng và nghiêm túc những điều qui định của Luật Di sản văn hóa và các văn bản hướng dẫn thi hành. nhằm giải toả triệt để những trường hợp lấn chiếm, xâm hại di tích.
- Để có thể khai thác tiềm năng và phát huy giá trị của di tích lịch sử - văn hóa, cần phải có sự đầu tư đúng mức và đồng bộ của các ngành có liên quan trong định hướng phát triển về kinh tế, văn hóa - du lịch. Phải thành lập những dự án quy hoạch tổng thể các di tích (xếp hạng, quy hoạch, đầu tư) làm căn cứ định hướng cho sự đầu tư hợp lý của các ngành, cần ưu tiên tối đa đầu tư kinh phí để cơ quan chuyên môn thực hiện công tác lập hồ sơ khoa học di tích, nhất là đối với những di tích lịch sử cách mạng.
- Lập đề án bảo tồn và phát huy giá trị di tích, đặc biệt là quần thể di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, trong đó gắn việc bảo tồn, tôn tạo với khai thác phát huy giá trị về du lịch.

- Tiếp tục công tác nghiên cứu, điều tra khảo sát khoa học toàn diện sâu sắc đối với hệ thống các di tích để trên cơ sở đó tạo điều kiện cho công tác quản lý và phát huy giá trị của di tích trong thời gian sau này.

- Có kế hoạch ngắn hạn và dài hạn bảo tồn, tôn tạo di tích. Tuyệt đối không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích. Trong quá trình tiến hành bảo tồn, tôn tạo, nhất thiết phải có hồ sơ lưu trữ, đòi hỏi cán bộ chuyên môn phải có sổ sách ghi chép về mọi biện pháp can thiệp vào di tích và áp dụng các phương tiện trang bị kỹ thuật cho di tích...

- Khoanh vùng bảo vệ chống lấn chiếm và xâm hại di tích. Xác định các khu vực cần bảo vệ nghiêm ngặt, các khu vực thuộc vùng đệm.

- Xác định cụ thể các tuyến du lịch sinh thái và áp dụng nghiêm các quy định đối với hoạt động du lịch sinh thái trong không gian bảo vệ thuộc phạm vi quy định về quản lý di tích và rừng đặc dụng.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; khuyến khích các sản phẩm du lịch thân thiện môi trường; Tăng cường đầu tư cho công tác bảo vệ và phát triển rừng; Bảo vệ và phát triển nguồn gen bản địa tại vườn thực vật

- Lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết cho các quần thể di tích, các khu vực di tích khai thác du lịch như Khu du lịch Điện Biên Phủ - Mường Phăng.

- Tiếp tục bảo tồn, tôn tạo các di tích thành phần, trước mắt, ưu tiên làm trước các di tích thành phần nằm ngay trong thành phố Điện Biên Phủ, di tích thành phần trận địa bao vây tiến công, Sở chỉ huy thứ nhất, thứ hai chiến dịch, một số sở chỉ huy các đại đoàn, trung đoàn.

- Tuyên truyền, phổ biến cho mọi người hiểu đúng, nhận thức sâu sắc về vai trò và tầm quan trọng của di tích lịch sử - văn hóa. Từ đó, có sự đồng tình hưởng ứng của đông đảo công chúng trong toàn xã hội để cùng với cơ quan chức năng chung tay gìn giữ và phát huy các giá trị của di tích.

### *5.1.2 Các vùng không gian di tích lịch sử, văn hóa cần bảo tồn*

- Các vùng không gian di tích lịch sử, văn hóa có giá trị bao gồm: Quần thể di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, Sở chỉ huy chiến dịch tại Mường Phăng và các điểm di tích lịch sử - văn hóa phụ cận như Đền thờ Hoàng Công Chất, thành Bản Phủ, thành Tam Vạn .... nằm trong không gian của Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang.

- Định hướng:

- + Khoanh vùng bảo vệ các di tích, đặc biệt là quần thể di tích Chiến trường Điện Biên Phủ. Từng bước di chuyển Trung tâm hành chính của tỉnh, thành phố Điện Biên Phủ ra khu vực khác theo quy hoạch để trả lại nguyên trạng không gian vùng di tích.
- + Xác định các vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng đệm của di tích.
- + Lập quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết cho các quần thể di tích, các khu vực di tích khai thác du lịch như Khu du lịch Điện Biên Phủ - Mường Phăng.
- + Tiếp tục bảo tồn, tôn tạo các di tích thành phần, trước mắt, ưu tiên làm trước các di tích thành phần nằm ngay trong thành phố Điện Biên Phủ, di tích thành phần trận địa bao vây tiến công, Sở chỉ huy thứ nhất, thứ hai chiến dịch, một số sở chỉ huy các đại đoàn, trung đoàn.

### *5.1.3 Các vùng không gian văn hóa truyền thống của các dân tộc bản địa*

- Các bản văn hoá điển hình là những bản có hình thái văn hoá đặc trưng, vị trí địa lý thuận lợi và gắn với một khu du lịch sinh thái tự nhiên hoặc khu di tích lịch sử như Bản Noong Bua, Thanh Minh, Him Lam ....

- Định hướng:

- + Bảo tồn văn hóa vật thể tiêu biểu như: Bảo tồn các công trình kiến trúc như nhà truyền thống đặc trưng của đồng dân tộc, bảo tồn trang phục, bảo tồn các công cụ lao động, vật dụng sinh hoạt, khôi phục một số nghề truyền thống phục vụ Du lịch...
- + Bảo tồn văn hóa phi vật thể như nghệ thuật trình diễn dân gian, phong tục tập quán chu kỳ đời người, các lễ hội, tri thức dân gian về ẩm thực, y học...
- + Chính trang và xây dựng các công trình phúc lợi thiết yếu như: công trình vệ sinh, giao thông nội bộ, thiết bị nhà văn hóa, nâng cao chất lượng nước sinh hoạt...
- + Ứng dụng và xây dựng mô hình Du lịch cộng đồng, đưa đón và giúp khách du lịch thực hành du lịch trải nghiệm tại địa bàn.

## 5.2. Đối với di sản văn hóa phi vật thể

- Thực hiện công tác kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương một cách khoa học và có hệ thống thông qua việc tư liệu hóa, vật thể hóa hệ thống di sản văn hóa nhằm nhận diện và xác định mức độ tồn tại, giá trị và sức sống của từng loại di sản văn hóa trong cộng đồng trên cơ sở đó đề xuất phương án bảo tồn, phát huy một cách hiệu quả.

- Nâng cao vai trò quản lý, định hướng của nhà nước, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ di sản văn hóa, gắn hoạt động văn hóa dân tộc trong công tác, xây dựng đời sống văn hóa. Trong đó cần chú trọng đến nguyên tắc “bảo tồn sống” tức là bảo tồn các loại hình văn hóa phi vật thể ngay chính trong đời sống cộng đồng. Có chính sách, chế độ thích đáng cho các nghệ nhân tài giỏi, những cá nhân và gia đình có công sức giữ gìn tài sản văn hóa dân tộc.

- Tổ chức nghiên cứu, sưu tầm, phục hồi nâng cao các làn điệu dân ca, dân vũ của đồng bào các dân tộc để đáp ứng nhu cầu thực tế; xây dựng các tổ, đội văn nghệ truyền thống, nhân rộng các mô hình điểm và tiến tới hướng dẫn con em người dân tộc biết sử dụng các nhạc cụ cổ truyền dân tộc. Phát động việc sáng tác các bài hát, điệu múa cho đồng bào sử dụng trong các buổi lễ, ngày hội, mừng được mùa nhằm từng bước thay thế những phong tục tập quán lạc hậu.

- Tổ chức các hoạt động lớn như ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc, liên hoan ca múa nhạc dân gian, triển lãm văn hóa dân tộc, hội thi giọng hát của người dân tộc thiểu số. Cần có biện pháp giúp đồng bào bảo tồn các di sản văn hóa, bảo tồn phát huy nghề và làng nghề truyền thống, các loại hình nghệ văn dân gian và văn học nghệ thuật truyền thống giữ gìn sắc phục của dân tộc, khuyến khích mặc trang phục dân tộc mình vào các ngày lễ, tết...

- Có định hướng trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các lễ hội truyền thống, lễ hội dân gian, hạn chế, bài trừ các hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Nghiên cứu phát huy các giá trị tiến bộ của luật tục trong công tác xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Phục hồi và nâng cao một số lễ hội tiêu biểu để có thể tổ chức định kỳ hàng năm.

- Tăng cường, đẩy mạnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở địa phương, có kế hoạch sử dụng các học sinh, sinh viên dân tộc được đào tạo cơ bản ở các trường chuyên nghiệp đã tốt nghiệp ra trường để họ được về phục địa phương và dân tộc mình.

- Tăng cường, đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật, giao lưu, hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước trong hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc.

## 6. Định hướng bảo vệ rừng đầu nguồn

- Hoàn chỉnh công tác quy hoạch, phân định rõ ranh giới của 3 loại rừng phù hợp với điều kiện tự nhiên và thực tế. Tiến hành cắm mốc ranh giới 3 loại rừng ngoài thực địa làm cơ sở để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tăng cường các biện pháp phòng chống cháy rừng, đặc biệt là các khu rừng đầu nguồn xung yếu.

- Tiếp tục thực hiện việc giao đất giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Hoàn thiện giao đất, giao rừng cho các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Thực hiện việc giao đất lâm nghiệp

cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng theo đúng quy định; chỉ giao đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư thực sự có nhu cầu sử dụng để phát triển rừng.

- Phải xây dựng tập trung, liền vùng, liền khoảnh và có cấu trúc nhiều tầng tán; những nơi có điều kiện kết hợp phòng hộ với sản xuất nông nghiệp, kinh doanh cảnh quan môi trường, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, khai thác lâm sản phụ và các lợi ích khác của rừng phòng hộ.

- Tiến hành bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và trồng rừng với loài cây đa dạng, đa tác dụng để vừa đảm bảo yêu cầu phòng hộ, vừa cho hiệu quả kinh tế. Tăng cường trồng mới rừng kinh tế, rừng phòng hộ, phủ xanh đất trống đồi trọc, ngăn chặn có hiệu quả nạn phá rừng, cháy rừng; duy trì và từng bước nâng diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên. Ưu tiên thực hiện khoanh nuôi tái sinh tự nhiên đối với những diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ có cây gỗ tái sinh rải rác.

- Thực hiện bảo vệ rừng phòng hộ theo chính sách của Nghị định số 75/2015/NĐ-CP và chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- củng cố, rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý nhà nước về lâm nghiệp từ tỉnh, huyện, xã và từng bước phân cấp đến thôn, bản; phát huy vai trò trách nhiệm của chính quyền cơ sở trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng ở địa phương:

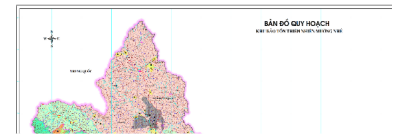
+ ***Đối với rừng đặc dụng:***

+ + Khu bảo tồn thiên nhiên: Lập quy hoạch bảo tồn và phát triển cho mỗi thời kỳ 10 năm. Lập đề án sử dụng bền vững tài nguyên. Giao cho Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên sử dụng đất lâm nghiệp để xây dựng phát triển rừng và bảo vệ những loài động vật quý hiếm và đặc hữu. Ban quản lý rừng đặc dụng giao khoán đất cho các hộ đang sinh sống trong phân khu theo nghị định 01/NĐ - CP ngày 04/1/1995 của Chính phủ. Đối với khu phục hồi sinh thái, ban quản lý giao khoán cho các hộ gia đình bảo vệ rừng theo các hợp đồng giao khoán. Thực hiện theo quy chế quản lý rừng hiện hành theo quyết định 186/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/8/2006. Các hoạt động du lịch sinh thái trong khu bảo tồn thiên nhiên phải được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về Bảo vệ và phát triển rừng. Thực hiện nghiêm theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Điện Biên đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 20/6/2013.

+ + Với các khu rừng di tích văn hóa lịch sử giao cho ban quản lý di tích văn hóa lịch sử để quản lý, bảo vệ và tôn tạo đảm bảo đúng mục đích sử dụng.

+ ***Đối với rừng phòng hộ:*** Phải xây dựng tập trung, liền vùng, liền khoảnh và có cấu trúc nhiều tầng tán; những nơi có điều kiện kết hợp phòng hộ với sản xuất nông nghiệp, kinh doanh cảnh quan môi trường, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, khai thác lâm sản phụ và các lợi ích khác của rừng phòng hộ. Tiến hành bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và trồng rừng với loài cây đa dạng, đa tác dụng để vừa đảm bảo yêu cầu phòng hộ, vừa cho hiệu quả kinh tế.

***Khu bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé***



- 
- Hình 4.12: Bản đồ ranh giới khu BTTN Mường Nhé

- 
- Hình 4.13: Bản đồ quy hoạch bảo tồn KBTN Mường Nhé

- Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Mường Nhé được thành lập năm 1986, với diện tích 182.000 ha, trong đó:

- + + Vùng lõi: 45.581ha (gồm các xã Sín Thầu, Leng Su Sin, Chung Chải, Mường Nhé, Nậm Kè)
- + + Vùng đệm: 136.419ha

- Chức năng của vùng:

+ + Bảo vệ nguyên vẹn hệ sinh thái rừng, các giá trị về khoa học, đa dạng sinh học, nguồn gen động thực vật quý hiếm, các giá trị về cảnh quan thiên nhiên, bản sắc văn hoá dân tộc.

+ + Phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo tồn chuyển vị hệ động thực vật.

+ + Du lịch sinh thái, thám hiểm, nghiên cứu;

- Định hướng phát triển.

Được phân thành hai vùng: Vùng lõi và vùng đệm

\* *Vùng lõi*: Gồm các phân khu: Khu bảo vệ nghiêm ngặt toàn bộ tài nguyên rừng, các giá trị về đa dạng sinh học; Phân khu phục hồi sinh thái; Phân khu hành chính phục vụ.

Định hướng:

+ + Phục hồi và phát triển rừng thông qua việc khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng, kết hợp trồng bổ xung.

+ + Bảo vệ nguyên vẹn 45.581 ha rừng hiện có

+ + Củng cố và duy trì vườn thực vật hiện có, xây dựng khu nuôi động vật bán hoang dã

+ + Sắp xếp ổn định dân cư và di dời một số hộ dân ra khỏi vùng lõi. Hỗ trợ phát triển ngành nghề tăng thu nhập cho các hộ gia đình được xác định ở lại trong vùng lõi. Nâng cao chất lượng môi trường ở và cơ sở hạ tầng cho các thôn bản sống ổn định trong vùng lõi.

+ + Xây dựng trang thiết bị cơ sở vật chất, đào tạo nâng cao năng lực của cán bộ nhân viên.

+ + Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

+ + Cải tạo môi trường cảnh quan khu vực dân cư trên cơ sở có sự hỗ trợ của nhà nước và sự tham gia của cộng đồng như xây dựng đường giao thông, thoát nước, kiến trúc các công trình nhà văn hoá thôn bản, nhà ở, cổng, hàng rào... quy hoạch khu vực chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ + Đầu tư phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững trên cơ sở thu hút sự tham gia cộng đồng.

\* *Vùng đệm*: Là vành đai bảo vệ vùng lõi, hoạt động phát triển kinh tế theo hướng nông lâm nghiệp, dịch vụ du lịch.

Thực hiện các dự án, các chương trình:

+ + Phát triển rừng, xúc tiến tái sinh rừng, kết hợp trồng bổ xung.

+ + Sắp xếp ổn định dân cư, tái định cư cho các hộ dân phải di dời ra khỏi vùng lõi. Nâng cao chất lượng môi trường ở và cơ sở hạ tầng cho các thôn bản.

+ + Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

+ + Đầu tư phát triển du lịch sinh thái một cách bền vững trên cơ sở thu hút sự tham gia cộng đồng.

## V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Định hướng phát triển giao thông

#### 1.1. Giao thông đối ngoại

##### 1.1.1. Giao thông đường bộ:

Thế mạnh là đầu mối giao thông vùng Tây Bắc quốc gia, có các tuyến đường liên hệ chính từ Điện Biên đi các tỉnh Sơn La, Lai Châu, cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia liên hệ với Lào, Campu Chia và Trung Quốc.

##### a) Đường cao tốc Sơn La – Điện Biên:

Quy hoạch tuyến đường cao tốc Hòa Bình - Sơn La – Điện Biên theo ”Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 1 tháng 3 năm 2016 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030” quy định quy hoạch đến năm 2030 trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu thực tế về nguồn lực nhu cầu vận tải sẽ nghiên cứu thực hiện đầu tư một số tuyến cao tốc, trong đó ưu tiên các tuyến Hà Giang – Tuyên Quang, Lai Châu – Bảo Hà Lào Cai, Hòa Bình – Sơn La – Điện Biên, ...

Tuyến tạo nên tuyến trục cao tốc kết nối vùng Tây Bắc, với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, kết nối đến cửa khẩu biên giới Đông Bắc và cảng biển Quốc tế Lạch Huyện; kết nối các tuyến điểm du lịch trọng điểm; giảm thời gian hành trình một cách đáng kể, giảm tải cho tuyến QL độc đạo. Rút ngắn khoảng cách từ Điện Biên về Hà Nội từ 500km xuống 350km, rút ngắn thời gian từ Điện Biên về Hà Nội từ 8 tiếng xuống 3,5 tiếng. Đề xuất hướng tuyến đi lên Điện Biên, theo hướng song song QL12 đi qua huyện Thuận Châu Sơn La, huyện Điện Biên và huyện Điện Biên Đông, có điểm đầu nối tiếp vào đường cao tốc Hòa Bình – Sơn La, điểm cuối kết thúc khu vực huyện Điện Biên, sau đó kết nối vào đường vành đai tp Điện Biên Phủ đi sân bay Điện Biên, chiều dài khoảng 100 km, quy mô đường cao tốc 4 làn xe bề rộng nền 22m.

##### b) Quốc lộ:

\* **Giai đoạn đến 2025:** Cải tạo các QL 6, QL12, QL12 kéo dài, QL279, QL279B, QL279C, QL4H. Nâng cấp đạt cấp IV miền núi.

\* **Giai đoạn 2025-2035:** Nâng cấp các tuyến QL6, QL12, QL12 kéo dài, QL279, QL279B, QL279C, QL4H đạt tiêu chuẩn cấp III miền núi.

\* **Giai đoạn sau năm 2035:** Nâng cấp các tuyến QL6, QL279, QL4H đạt tiêu chuẩn cấp II miền núi.

##### 1.1.2. Đường hàng không:

- Giai đoạn đến năm 2020: Cảng hàng không Điện Biên là cảng hàng không nội địa có hoạt động bay quốc tế, cấp sân bay 3C theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay quân sự cấp II, công suất 300 nghìn hành khách/năm, 500 tấn hàng hóa/năm, xây mới đường cất hạ



cánh có kích thước 2400x45m, 3 vị trí đỗ tàu bay, đảm bảo khai thác tàu bay ATR 72, A320, A321 và tương đương.

- Giai đoạn đến năm 2030: là cảng hàng không nội địa có hoạt động bay quốc tế, cấp sân bay 3C theo tiêu chuẩn ICAO và sân bay quân sự cấp II, công suất 2 triệu hành khách/năm, 10.000-20.000 tấn hàng hóa/năm, 06 vị trí đỗ tàu bay, khai thác các loại tàu bay ATR72, A320, 321, và tương đương. Tổng diện tích quy hoạch 201,39ha.

- Giai đoạn sau năm 2035: Đề xuất nâng cấp lên sân bay quốc tế.

### 1.1.3. Đường thủy nội địa:

- Luồng tuyến: Gồm tuyến chính Sông Đà theo trục Tây Bắc-Đông Nam từ phường Sông Đà-Mường Lai đi Phi Giàng – Tủa Chùa, chiều dài 73km; tuyến trên sông Nậm Lay từ cầu Nậm Cản đến ngã 3 nối với sông Đà chiều dài 7km, có tiềm năng rất lớn khai thác vận chuyển phục vụ nhu cầu dân sinh khu vực và tham quan du lịch; Tuyến trên sông Nậm Mực từ đập thủy điện Nậm Mực đến ngã ba nối với sông Đà chiều dài 32km.

+ Giai đoạn đến 2025: Khai thác 112 km đường thủy nội địa, đạt tiêu chuẩn cấp III là 91km, đạt cấp IV là 21km.

+ Giai đoạn 2025-2035: Khai thác 112km đường thủy nội địa, đạt tiêu chuẩn cấp III là 112km.

- Cảng, bến thủy nội địa:

+ Giai đoạn đến 2025: Xây dựng các bến cảng Đồi Cao, Huổi Sớ; Xây dựng các bến thuyền Đồi Cao, bến thủy Cơ Khí, Chi Luông, Huổi Lóng, Pắc Na; Xây dựng cơ sở sửa chữa phương tiện thủy Đồi Cao, Huổi Lóng; Đoạn, trạm quản lý đường thủy nội địa Mường Lay, Trạm quản lý đường thủy nội địa Huổi Sớ.

+ Giai đoạn 2025-2035: Mở rộng cảng Huổi Sớ, Xây dựng bến thủy Há Mò Lừ, Cang Chua, Pê Răng Ky, Trung Thu, Nậm Mực.

## 1.2. Giao thông đối nội

### a) Đường tỉnh:

- Giai đoạn đến năm 2025, các tuyến đường tỉnh chủ yếu đạt tiêu chuẩn cấp VI<sub>mn</sub>, V<sub>mn</sub>, một số đoạn tuyến đạt cấp IV<sub>mn</sub>.

- Giai đoạn 2025-2035: các tuyến đường cơ bản đạt cấp IV<sub>nm</sub>, V<sub>nm</sub>:

- Xây mới một số tuyến gồm:

(1) Tuyến đường Phi Nhừ - Phình Giàng - Pú Hồng - Mường Nhà dài 59km, đến năm 2025 đạt cấp V<sub>mn</sub>, nền 6,5m, mặt 3,5m; G Đ 2025-2035 chuyển thành tỉnh lộ.

(2) Tuyến đường từ thị trấn Mường Ảng, qua Pú Cai sang Mường Phăng, Pú Nhi huyện Điện Biên, chiều dài 15km, đến năm 2025 xây dựng đường cấp VI<sub>mn</sub>, nền 6,0m,

mặt 3,5m. Giai đoạn 2025-2035 nâng cấp Vmn, nền 6,5m, mặt 3,5m, và chuyển thành tỉnh lộ.

(3) Xây mới đoạn Quảng Lâm – Na Cô Sa – Nà Khoa, và nâng cấp ĐT145,ĐT145B đoạn Nà Khoa – Nậm Pồ - Km 45QL4H, chiều dài 70km. Đến năm 2025 nâng cấp Vmn, nền 6,5m, mặt 3,5m. Giai đoạn 2025-2035 nâng cấp IVmn và chuyển thành QL4H.

*b) Hệ thống giao thông nông thôn:*

+ Đường huyện: Giai đoạn đến năm 2025: Cải tạo, nâng cấp, kéo dài, xây dựng mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp VI miền núi – GTNT A, mặt đường cứng hóa 100%. Đối với các dự án đầu tư được duyệt xây dựng theo cấp VImn, đối với các tuyến mở mới do địa hình phức tạp mức đầu tư lớn nguồn vốn khó khăn thì đầu tư theo GTNTA. Giai đoạn sau 2025 - 2035: nâng cấp đường cấp Vmn. Giai đoạn sau năm 2035 nâng cấp IVmn.

+ Giai đoạn đến năm 2025: Đường ô tô đến trung tâm xã: 100% tuyến đường được trải nhựa hoặc BTXM. Ưu tiên đầu tư đường đến trung tâm 04 xã: Pú Nhi – Điện Biên Đông, Mường Khong - Tuần Giáo, Pá Mỳ - Mường Nhé, Pú Xi – Tuần Giáo (*theo danh mục các xã đề nghị đầu tư bê tông hóa hoặc nhựa hóa đường ô tô đến trung tâm xã năm 2017*). Giai đoạn 2025 - 2035: Cứng hóa 100% đường xã, 80% đường trục thôn xóm, gắn với việc xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng giao thông hiện đại.

*c) Giao thông đô thị:*

Phát triển phù hợp với QHXD đô thị, đảm bảo quỹ đất giao thông 18-23% đất xây dựng đô thị. Đường trục chính đô thị đạt 4-6 làn xe, đường khu vực 2-3 làn xe. Dành quỹ đất hợp lý cho xây dựng bãi đỗ xe trong đô thị.

*d) Bến xe khách:*

Mỗi huyện có ít nhất 1 bến xe đạt cấp 5, ưu tiên xây dựng các bến xe khách tại thành phố Điện Biên Phủ: Bến xe khách Thanh Trường đạt cấp 1; Bến xe Thanh Minh đạt cấp 1; Bến xe khách thị xã Mường Lay đạt cấp 3.

*e) Các tuyến đường ra biên giới:*

- Các tuyến đường ra biên giới: gồm 14 tuyến trên địa bàn 3 huyện Mường Nhé, Mường Chà, Điện Biên.

- Các tuyến đường tuần tra biên giới: gồm các tuyến đường dọc đường biên giới của các xã biên giới và nối từ đường vành đai biên giới ra đồn biên phòng. Nâng cấp tuyến đường A Pa Chải - Tả Long San, quy mô đạt GTNTA, B nền 5,5m, B mặt 3,5m, mặt đường BTXM. Xây dựng mới 14 đoạn tổng chiều dài 232,4km, quy mô đạt GTNT A, B, nền 5,5m, B mặt 3,5m, mặt đường BTXM.

## 2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

### 2.1. Khu vực đô thị

#### a. Định hướng nền xây dựng:

- Giải pháp quy hoạch cao độ nền có thể là tôn nền vượt cao độ mực nước tính toán; có thể là dùng hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt và khống chế cao độ nền xây dựng cho các khu chức năng trong đô thị theo mực nước tính toán nội đồng.

- Cao độ khống chế nền xây dựng cho các đô thị cần phù hợp với hệ thống thoát nước mưa, hệ thống tiêu thủy lợi và hệ thống công trình bảo vệ đô thị khỏi ngập lụt. Tập dụng đến mức cao nhất địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng san lấp và hạn chế chiều cao đất đắp. Không làm xấu hơn các điều kiện địa chất công trình, địa chất thủy văn.

- Đối với những khu đô thị hiện có, những khu vực đã xây dựng có mật độ xây dựng cao, có cốt nền tương đối ổn định, công tác quy hoạch chiều cao phải phù hợp với hiện trạng xây dựng.

- Đối với các khu dân cư sống ven các dòng suối với độ dốc lớn, suối hẹp thường hay bị lũ quét cần phải di dời đến các khu tái định cư.

- Giải pháp quy hoạch cao độ nền cần bảo vệ khu vực xây dựng đô thị không ngập lụt bởi mực nước tính toán được quy định cụ thể tại bảng Phụ lục 34: Định hướng giải pháp san nền thoát nước mưa trong hệ thống các đô thị

#### b) Định hướng thoát nước mưa:

\* Lưu vực thoát nước mưa chính toàn vùng:

- Lưu vực sông Đà (bao gồm: TX. Mường Lay, H. Mường Nhé, H. Mường Chà, H. Tủa Chùa): Diện tích lưu vực 7.200 km<sup>2</sup>.

- Lưu vực Nậm Rốm (bao gồm: TP. Điện Biên Phủ, một phần H. Điện Biên): Diện tích lưu vực 850 km<sup>2</sup>.

- Lưu vực sông Mã (bao gồm: H. Tuần Giáo, H. Mường Ảng, H. Điện Biên Đông, một phần H. Điện Biên): Diện tích lưu vực 2.850 km<sup>2</sup>.

\* Hệ thống thoát nước mưa:

Trong các khu phố cũ của các đô thị đang dùng hệ thống cống thoát nước chung, trong tương lai cần cải tạo thành hệ thống riêng hoặc nửa riêng. Tại các cửa xả ra sông, hồ có hệ thống cống bao dẫn nước bản về trạm xử lý tập trung. Các khu vực xây dựng mới cần tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước bản.

\* Mạng lưới thoát nước mưa:

- Chủ yếu thoát theo độ dốc địa hình tự nhiên, mạng lưới phân tán để giảm độ sâu chôn cống và giảm kích thước cống, phân bố đồng đều trên toàn bộ diện tích xây dựng

đô thị, đảm bảo thoát nước nhanh cho các đô thị, không bị ngập úng cục bộ, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

- Tận dụng hệ thống hồ, kênh mương trong các đô thị để điều hòa nước mưa và giảm chiều sâu chôn cống trước khi thoát ra các sông thoát nước chính cho đô thị.

## 2.2. Khu vực nông thôn

### a. Định hướng san nền:

- Xác định được cao độ khống chế nền cho từng khu vực. Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư.  $H_{x\text{dmin}} > H_{\text{mực nước max}} + 0,3\text{m}$ .

- Không san lấp khu vực có độ dốc địa hình  $0\% < i < 8\%$ .

- Chọn giải pháp san lấp cục bộ cho khu vực có độ dốc địa hình tự nhiên  $8\% < i < 15\%$ .

- Chọn giải pháp san lấp theo cấp (cân bằng đào đắp tại chỗ) cho khu vực có địa hình dốc  $i > 15\%$ .

- Không nên xây dựng ở khu vực có độ dốc địa hình tự nhiên  $i > 30\%$ .

- Các cấp nền khi san giạt cấp chênh nhau  $4 \div 6\text{m}$  mỗi cấp và liên hệ với nhau bằng mái taluy hoặc tường chắn.

- Đối với khu vực khai thác tài nguyên khoáng sản cần phải hoàn thổ, áp dụng các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo nền đất, môi trường ổn định thì mới tổ chức xây dựng.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn ở khu vực hạ lưu các dòng sông, nằm trong vùng thường xuyên bị ngập lụt khuyến cáo xây nhà kiên cố nhà từ 2 tầng trở lên để tránh lũ, khi nước lên có thể chấp nhận ngập tầng trệt còn từ tầng 1 trở lên phải xây dựng ở cao độ ngập với tần suất  $P \leq 1\%$ . Đặc biệt các công trình công cộng như trạm xá, nhà trẻ, trường học, cơ quan, ủy ban phường, xã cần phải xây dựng nhà 2 tầng trở lên để nhân dân trú tạm khi lũ về mà chưa có điều kiện xây nhà kiên cố.

- Đối với các khu dân cư sống ven các dòng suối với độ dốc lớn, suối hẹp thường hay bị lũ quét cần phải di dời đến các khu tái định cư.

### b. Định hướng thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa chỉ nên được xây dựng trong các điểm dân cư có quy mô từ 50 hộ trở lên. Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương tiêu thủy lợi.

- Áp dụng hệ thống thoát nước mặt hoạt động theo chế độ tự chảy dựa theo độ dốc nền tự nhiên. Đối với các khu cải tạo, giai đoạn đầu sử dụng hệ thống cống chung cho nước mưa và nước thải sinh hoạt. Giai đoạn sau tùy thuộc vào tính chất và sự phát triển

có thể tách riêng hoặc vẫn dùng chung. Các khu xây dựng mới sẽ xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn ngay từ đầu.

- Hướng thoát xả: về phía các khe tụ thủy trong khu vực.

- Kết cấu: chọn hệ thống cống xây kín và cống hộp, cống tròn, kết hợp với rãnh mương xây có nắp đậy và các mương hở đón nước ở chân các sườn đồi.

- Tiêu chuẩn: 60 đến 80m cống cho 1ha đất xây dựng hoặc 70% tổng chiều dài các tuyến đường giao thông. Các chi tiết phụ trợ lấy theo tiêu chuẩn qui phạm ngành.

## **2.3. Các giải pháp Chuẩn bị kỹ thuật phòng chống thiên tai:**

### **2.3.1. Giải pháp công trình:**

- Cải tạo, nâng cấp các công trình thủy lợi hiện có đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng công trình, an toàn hồ chứa.

- Xây dựng mới các công trình thủy lợi tại các khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng mới các công trình phòng lũ và các hồ chứa thượng nguồn nhằm tích nước, cắt lũ, cung cấp điện và bảo vệ môi trường sinh thái, phục vụ sản xuất sinh hoạt của nhân dân.

- Bạt thoải mái dốc địa hình, hạ thấp độ cao mái dốc bằng cách giạt cấp, tạo các đường cơ, đặc biệt là trong xây dựng hệ thống đường giao thông trên các đới vỏ phong hóa. Các cấp đào, đắp nền nếu chiều cao đào đắp  $h > 3m$  cần phải có mái ta luy hoặc tường chắn.

- Xây kè bảo vệ bờ sông tại các vị trí xung yếu, nạo vét lòng sông, suối, cầu, cống đảm bảo thông thoáng dòng chảy phân lũ: Sông Nậm Rốm đoạn qua thành phố Điện Biên Phủ, sông Đà đoạn qua thị xã Mường Lay, các phụ lưu chính của sông Mã đoạn chảy qua trung tâm huyện Tuần Giáo, Điện Biên...

- Đầu tư cải tạo các hồ đa năng: hồ Pa Khoang, hồ Nậm Ngám - Phú Nhi, hồ Huổi Phạ, hồ Hồng Sặt, hồ Hồng Khénh, hồ Pe Luông, hồ Bản Ban, hồ Lọng Luông 1,... phát triển kinh tế, du lịch và môi trường sinh thái.

- Rà soát, nâng cấp, xử lý độ ổn định công trình xây dựng hiện có. Thiết kế kết cấu các công trình xây dựng đảm bảo tiêu chí an toàn (mưa đá, lở xoáy, động đất, sạt lở, lũ quét, lũ ống...).

### **2.3.2. Giải pháp phi công trình:**

- Sử dụng đất hợp lý (theo bản đồ thích nghi): Tận dụng tối đa quỹ đất chưa sử dụng, những loại đất kém hiệu quả về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, vùng gò đồi có độ dốc  $I < 25\%$ , vùng đất hoang hóa để phát triển đô thị. Vùng có tiềm năng phát triển xây dựng tập trung chủ yếu ở ven thành phố Điện Biên Phủ, thị trấn Tuần Giáo...

- Hạn chế xây dựng trong các khu vực bị ảnh hưởng tại các vùng: tai biến thiên nhiên, trồng lúa cao sản, lân cận khu vực khai thác khoáng sản, rừng phòng hộ đầu nguồn, vùng bảo tồn.

- Bảo vệ rừng nguyên sinh, trồng mới rừng phòng hộ tiến đến đảm bảo độ che phủ trung bình của vùng đạt từ 60÷70% nhằm điều tiết tốt nước mặt, giảm thiểu các nguy cơ ngập lũ, lũ quét, lũ bùn đá, tránh xói lở nền xây dựng, hạn chế quá trình bào mòn hữu cơ của đất.

- Lập kế hoạch di dời dân cư ra khỏi các khu vực tai biến thiên nhiên và sự cố môi trường đến các khu vực tái định cư an toàn.

- Đề xuất các mô hình nhà ở tái định cư phù hợp với đặc thù vùng tỉnh Điện Biên.

- Thiết lập mạng lưới quan trắc, quản lý - nghiên cứu các dạng trượt lở đất đá có nguy cơ cao ở địa phương, đồng thời xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo kịp thời cho cộng đồng dân cư.

- Lập bản đồ xác định các vùng đã xảy ra và vùng có nguy cơ tai biến thiên nhiên theo các yếu tố: Sạt lở, lũ quét ngập lũ, hành lang xả lũ, động đất...trên toàn tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm tai biến thiên nhiên với công nghệ tiên tiến trên toàn vùng.

- Quy hoạch bãi thải và áp dụng công nghệ khai thác - chế biến khoáng sản tiên tiến, thân thiện với môi trường. Đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt nội dung báo cáo tác động môi trường (ĐTM) trong hoạt động khai thác - chế biến khoáng sản, vật liệu xây dựng.

- Khi thiết kế, xây dựng các công trình cần tuân thủ TCVN 9386: 2012 Thiết kế công trình chịu động đất và các yêu cầu khác có liên quan. Nhằm đảm bảo tính an toàn, bền vững của các công trình khi đưa vào sử dụng.

### **3. Định hướng cấp nước**

- Nguồn nước: Khai thác nguồn nước mặt phục vụ nhu cầu dùng nước tại các sông Nậm Rốm, các hồ thủy lợi và các suối. Đến năm 2025 hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và đến năm 2035 ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt hoàn toàn.

- Dự báo nhu cầu dùng nước:

+ Giai đoạn 2025: Tổng nhu cầu là 91.900m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó đô thị, du lịch: 37.900m<sup>3</sup>/ngày đêm; công nghiệp: 5.100m<sup>3</sup>/ngày đêm; nông thôn: 48.900m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Giai đoạn 2035: Tổng nhu cầu là 157.900m<sup>3</sup>/ngày đêm, trong đó đô thị, du lịch: 76.000m<sup>3</sup>/ngày đêm; công nghiệp: 14.200m<sup>3</sup>/ngày đêm; nông thôn: 67.700m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Giải pháp cấp nước:

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 13 nhà máy nước cấp nước cho các đô thị. Xây dựng 98 công trình cấp nước tập trung và 164 công trình máng lần cấp nước cho khu vực nông thôn.

#### 4. Định hướng cấp điện

- Nhu cầu cấp điện: Giai đoạn năm 2025: 161, MW và Giai đoạn năm 2035: 351,8 MW.

- Nguồn điện: Trên địa bàn có 07 nhà máy thủy điện đang vận hành phát điện gồm: Nậm Múc (44MW), Trung Thu (29,6MW), Nậm He (16MW), Pa Khoang (2x1,2)MW, Thác Bay (2x0,8)MW, Thác Trắng (2x3)MW, Nà Loi (3x3,1)MW. Ngoài ra còn có nhà máy thủy điện Nậm Hóa 1+2 (8 + 18)MW phát vào lưới điện 110kV. Giai đoạn 2016÷2035 tiến hành xây mới 31 thủy điện vừa và nhỏ, đấu nối vào lưới điện 110kV, 35kV.

- Lưới điện 500kV: Xây dựng mới trạm 500kV Lai Châu ngoài nhà máy thủy điện Lai Châu công suất (2x450)MVA. Tại trạm 500kV Lai Châu lắp máy biến áp nối cấp 220/110kV với công suất (2x250)MVA để truyền tải công suất các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ của 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu.

- Lưới điện 220kV: Xây dựng mới trạm 220kV Điện Biên quy mô công suất (2x125)MVA.

- Lưới điện 110kV: Nâng công suất trạm 110/35 kV Điện Biên lên (2x63) MVA. Xây dựng mới trạm 110/35 kV Điện Biên 2, công suất (2x63)MVA. Nâng công suất trạm 110/35 kV Tuần Giáo lên (2x25)MVA. Xây mới trạm 110/35 kV Mường Nhé, công suất (1x25)MVA. Nâng công suất trạm 110/35 kV Điện Biên Đông lên (2x16)MVA. Nâng công suất trạm 110/35 kV Mùn Chung, công suất (2x25)MVA. Nâng công suất trạm 110/35/22 kV Mường Chà, công suất (2x25)MVA. Giữ nguyên công suất các trạm 110kV Mường Ảng, Nậm Pồ. Xây mới 197km đường dây 110KV và 71km đường dây 110KV đấu nối các nhà máy thủy điện.

#### 5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

##### a) Thoát nước thải:

+ Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị, du lịch giai đoạn 2025 là 19.500m<sup>3</sup>/ngày, giai đoạn 2035 là 43.500m<sup>3</sup>/ngày. Tỷ lệ thu gom xử lý tối thiểu 90%. Lượng nước thải công nghiệp là 9.041m<sup>3</sup>/ngày; Tỷ lệ thu gom xử lý đạt 100%.

+ Đối với các đô thị hiện có: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

+ Đối với các đô thị phát triển mới: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng.

+ Nước thải công nghiệp được xử lý riêng theo từng khu, cụm công nghiệp.

+ Nước thải y tế được xử lý riêng riêng theo từng bệnh viện, trung tâm y tế.

##### b) Quản lý chất thải rắn:

+ Dự báo lượng CTR sinh hoạt phát sinh giai đoạn 2025 khoảng 141,62 tấn/ngày, giai đoạn 2035 khoảng 300 tấn/ngày. CTR công nghiệp giai đoạn 2025 khoảng 63,33 tấn/ngày, giai đoạn 2035 khoảng 75,15 tấn/ngày.

+ Tỷ lệ thu gom CTR sinh hoạt, y tế và công nghiệp đạt 95-100%.

+ Xây dựng 01 khu liên hợp xử lý CTR cấp vùng tại Púng Mìn huyện Điện Biên quy mô 10,5ha, công suất 270 tấn/ngày.

+ Xây dựng 09 khu xử lý cấp vùng huyện, xử lý cho các đô thị trung tâm huyện, thị xã và khu dân cư nông thôn.

+ Chất thải rắn công nghiệp, y tế được đưa về xử lý tại các khu xử lý chung của huyện, tỉnh.

#### *c) Nghĩa trang:*

+ Xây dựng 01 công viên nghĩa trang tập trung bao gồm nhà tang lễ cấp vùng tại xã Thanh Luông với quy mô 100ha.

+ Xây dựng 12 nghĩa trang tập trung quy mô từ 2-6ha phục vụ nhu cầu cho các đô thị.

+ Khu vực nông thôn: Đóng cửa các nghĩa trang gây ô nhiễm, không đủ khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường. Khoanh ranh giới, cải tạo các nghĩa trang hiện hữu đảm bảo tiêu chuẩn.

## **6. Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc**

### *a) Viễn Thông*

Xu hướng phát triển Viễn thông của các đô thị thuộc tỉnh Điện Biên phải đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác. Hệ thống công nghệ, hạ tầng, mật độ thuê bao... phù hợp với sự phát triển chung của cả nước.

- Về công nghệ: Nhìn chung công nghệ viễn thông đang phát triển theo tiến bộ mới, cho phép các nhà cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Mạng điện thoại dịch vụ công cộng và mạng số liệu sẽ phát triển hội tụ về mạng thế hệ sau.

### *b) Hệ thống bưu chính*

- Đến năm 2025, dự kiến xây dựng 2 điểm bưu cục cấp II tại thành phố Điện Biên Phủ; Thị xã Mường Lay, các bưu cục cấp II tại khu cửa khẩu A Pa Chải, Si Pa Phìn, Tây Trang, Huổi Puốc. Duy trì các điểm bưu cục hiện có, mở rộng cải tạo chất lượng phục vụ các điểm bưu cục. Mở rộng xây dựng thêm các đại lý ki ốt, điểm bưu điện văn hóa ở trung tâm các thị xã, thị trấn và các xã dọc các tuyến quốc, tỉnh lộ. Bán kính phục vụ của 1 điểm bưu chính 1 km, số dân phục vụ của một điểm là 2000 người/điểm.



- Giai đoạn 2025-2035, xây dựng thêm các điểm buro cục cấp II, buro cục cấp III ở các thị trấn, thị xã. Bán kính phục vụ của 1 điểm buro chính 0,5 km, số dân phục vụ của một điểm là 1000 người/điểm.

## **7. Đánh giá môi trường chiến lược**

### *a) Giải pháp bảo vệ môi trường đô thị:*

- Thu gom và xử lý rác thải: Đảm bảo xử lý rác thải sinh hoạt theo tính toán của đồ án quy hoạch. Triển khai việc áp dụng công nghệ cao trong xử lý chất thải. Rác thải bệnh viện được phân loại và xử lý cục bộ các chất độc hại và vi trùng, sau đó đưa về khu xử lý rác thải.

- Công viên, cây xanh: Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống công viên cây xanh trên toàn thành phố, chú trọng phân bố công viên tại các khu vực trung tâm, các khu dân cư lớn và các khu công nghiệp.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Quy hoạch đất cho việc quy tụ các mồ mả phân tán. Quy hoạch lại và xây dựng mới các công trình phục vụ và mương thoát nước, vành đai cây xanh bảo vệ môi trường.

### *b) Giải pháp bảo vệ môi trường nông thôn:*

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững: Ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây trồng vật nuôi có năng suất chất lượng cao, không thoái hóa, không làm tổn hại đến đa dạng sinh học.

- Quản lý và xử lý chất thải rắn: Phân đầu thực hiện mục tiêu thu gom và xử lý chất thải rắn trên đại bàn nông thôn. Tăng cường công tác xử lý rác thải tại các đô thị và khu dân cư tập trung; tìm nơi chôn lấp xa khu dân cư hoặc phải sử dụng công nghệ tái sử dụng hoặc chế biến phân bón.

### *c) Các giải pháp về quản lý, giám sát môi trường:*

- Kiểm soát chất thải từ hoạt động công nghiệp: Thu gom và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Xây dựng quy hoạch quản lý chất thải rắn và kế hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Điện Biên.

- Bảo vệ chất lượng nước mặt: Kiểm soát các nguồn ô nhiễm nước mặt. Đảm bảo chất lượng nước mặt đạt QCVN 08/2008/BTNMT phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo vệ tài nguyên nước ngọt của các sông, hồ, nước ngầm và không khí: Đánh giá chất lượng nước các sông, hồ trong vùng và đề xuất các giải pháp quản lý thích hợp, đặc biệt đối với sông hồ dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; xác định các nguồn gây rủi ro và xây dựng chương trình kiểm soát, quản lý rủi ro.

- Bảo vệ các nguồn nước ngầm: Tổ chức điều tra cơ bản và lồng ghép quan trắc tài nguyên nước ngầm vào chương trình quan trắc tổng hợp môi trường. Xây dựng chương

trình kiểm soát khí thải từ cơ sở công nghiệp. Triển khai các biện pháp hiệu quả giảm thiểu và ngăn ngừa bụi do giao thông tại các nút giao thông chính.

- Phòng ngừa và giảm thiểu tác hại do thiên tai và sự cố môi trường: Tuyên truyền và hướng dẫn nhân dân về các biện pháp phòng tránh thiệt hại do lũ, lụt và xói lở. Liên kết các chương trình của địa phương về phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và xoá đói giảm nghèo với các Chương trình của Chính phủ, của các tổ chức nước ngoài trên địa bàn.

## VI. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

### 1. Các dự án ưu tiên đầu tư

#### 1.1. Các chương trình phát triển đô thị

- Xây dựng chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh
- Xây dựng chương trình phát triển cho từng đô thị.
- Chương trình đô thị miền núi phía Bắc
- Quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các đô thị động lực như: Điện Biên Phủ, Tuần Giáo, Mường Lay, Mường Nhé, KKT cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puộc và lối mở A Pa Chải.
- Lập quy hoạch chung đô thị Bản Phủ.
- Chương trình phát triển quỹ nhà ở.
- Thực hiện Đề án phát triển hệ thống đô thị tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1414/QĐ-UBND ngày 7/11/2016 của UBND tỉnh Điện Biên.

#### 1.2 Các chương trình phát triển cơ sở hạ tầng

- Các dự án giao thông:
  - + Nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ 6, quốc lộ 279, quốc lộ 12, quốc lộ 4H, tuyến đường ASEAN
  - + Nâng cấp, xây dựng mới các tuyến giao thông liên huyện, liên xã.
  - + Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống đường ra các cửa khẩu, đường tuần tra biên giới.
  - + Nâng cấp sân bay Điện Biên theo Điều chỉnh quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.
  - + Xây dựng các bến xe khách Thanh Minh, Thanh Trường và các bến xe khách liên huyện, trung tâm huyện.
- Các dự án chuẩn bị kỹ thuật: Củng cố các hồ thủy lợi, nâng cấp để đưa vào sử dụng ổn định như Hồ Nậm Khẩu Hu, hồ Ảng Cang, hồ Nậm Sà, hồ Nậm Thảm Phủng, hồ Huổi Bê, hồ Nậm Pố, hồ Hồng Khếch... Hoàn thiện hệ thống thoát nước các đô thị.
- Các dự án cấp điện: Hoàn thiện xây dựng đường dây trung thế tuyến Chà Cang-Nà Hỳ-Nà Búng, Chà Cang-Mường Nhé-A Pa Chải, Mường Nhé – Pắc Ma để khép kín mạng lưới điện quốc gia; đường dây km 45-Nà Búng.

#### 1.3 Các chương trình phát triển kinh tế

- Các dự án phát triển du lịch.
  - + Trùng tu, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, các di tích được xếp hạng cấp Quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên (hiện nay có 11 di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia nằm trên địa bàn các huyện: Tủa Chùa, Điện Biên Đông, Điện Biên và Thành phố Điện Biên Phủ)

+ Xây dựng quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các khu chức năng của Khu du lịch Điện Biên Phủ - Mường Phăng.

- Các dự án phát triển lâm nghiệp:

+ Bảo vệ rừng hiện có, trồng rừng mới 18.300ha và khoanh nuôi tái sinh 166.707 lượt ha rừng, phấn đấu tăng tỷ lệ che phủ của rừng lên 48%.

+ Phát triển thêm 6 khu rừng đặc dụng với tổng diện tích là 118.516,4ha: Khu rừng cảnh quan-Môi trường, thành phố Điện Biên Phủ (145,8ha), khu Bảo Tồn thiên nhiên Hừa Ngải-Sa Lông (8.121ha), khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Khoang-Mường Mươn (26.655,5ha), Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Nhà – Mường Lói (7.423,6ha)

+ Đầu tư phát triển 2 vùng nguyên liệu rừng sản xuất tập trung lớn (gắn với các cơ sở chế biến)

- Các dự án về công nghiệp: Xây dựng các nhà máy chế biến cà phê, mủ cao su, thức ăn gia súc.

#### **1.4 Các chương trình phát triển hạ tầng xã hội**

- Giáo dục đào tạo: Xây dựng trường năng khiếu TDTT tỉnh, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các trường phổ thông DTNT, trường thực hành sư phạm, các trung tâm đào tạo nghề.

- Y tế:

+ Cải tạo nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh giai đoạn II lên 500 giường.

+ Xây dựng các bệnh viện đa khoa huyện Mường Ảng, Nậm Pồ.

+ Đầu tư xây dựng mới 03 bệnh viện chuyên khoa: Bệnh viện tâm thần, bệnh viện sản nhi và bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng

#### **1.5 Các chương trình phát triển nông thôn**

- Xây dựng phát triển hệ thống đường giao thông liên huyện, xã và các điểm dân cư tập trung.

- Xây dựng các trung tâm cụm xã.

- Đào tạo nghề, xây dựng làng nghề truyền thống.

- Thực hiện chương trình sắp xếp ổn định dân cư, đặc biệt khu vực dọc biên giới.

### **2. Nhu cầu vốn đầu tư**

Căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Điện Biên giai đoạn 2011-2015 và thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006 – 2020, dự tính: Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế của tỉnh Điện Biên (giai đoạn 2016 - 2020 là 6,8%/năm và thời kỳ 2021 - 2030 là 7,5%), đồng thời để đảm bảo nguồn vốn đầu tư cho xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH trên địa bàn, nhu cầu vốn đầu tư phát triển cho thời kỳ 2016 - 2020 là khá lớn.

*Bảng 6.1: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2030*

Đơn vị: Tỷ đồng.

Chỉ tiêu	2020	2030	2016-2030
1. Tổng GRDP (giá 2010)	11795	29232	
2. GRDP/ng(ng.đ GHH)	38019	138281	
	<b>2016 - 2020</b>	<b>2021 - 2030</b>	<b>2016-2030</b>
3.Vốn ĐTXX (tỷ.đ, GHH)	55.017	178.787	233.804

Như vậy, tổng nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh cả thời kỳ 2016 - 2030 dự kiến khoảng 233,8 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành).

### 2.1. Nhu cầu vốn đầu tư và khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ vào: Kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Điện Biên đoạn 2011 - 2015; Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm trên địa bàn; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, mục tiêu ưu tiên đầu tư trong kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh; Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2020. Căn cứ vào tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020;

Tổng nhu cầu vốn giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 55 nghìn tỷ đồng, trong đó:

- Vốn nhà nước<sup>1</sup>: 28.884 tỷ đồng, chiếm 52,5% tổng số;
- Vốn ngoài nhà nước (vốn từ các thành phần kinh tế và dân cư): 25.291 tỷ đồng, chiếm 46,7% tổng số;
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: 440 tỷ đồng, chiếm gần 0,8% tổng số.

### 2.2. Nhu cầu vốn đầu tư và khả năng thu hút các nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030

Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2030 là 178,8 nghìn tỷ đồng.

Dự kiến khả năng thu hút các nguồn vốn như sau:

- Vốn nhà nước: 90.300 tỷ đồng, chiếm 50,5% tổng số;
- Vốn ngoài nhà nước (vốn từ các thành phần kinh tế và dân cư): 84.000 tỷ đồng, chiếm 47% tổng số;
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: 4.500 tỷ đồng, chiếm gần 2,5% tổng số.

<sup>1</sup> Vốn nhà nước được quy định tại Khoản 4 Điều 4 Luật Đấu thầu năm 2013, bao gồm: Vốn nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.

### 3. Các giải pháp để huy động vốn.

Để đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư như trên, Tỉnh cần phải có các biện pháp để huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, sử dụng quỹ đất hợp lý để tạo vốn đầu tư, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao; đồng thời, đề xuất phương án huy động vốn cho từng giai đoạn, sắp xếp lựa chọn các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư, phân kỳ đầu tư hợp lý và có những giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm thu hút vốn đầu tư, bảo đảm thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

Vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi nhằm huy động tối đa mọi nguồn vốn trong tỉnh; vận động nhân dân và các doanh nghiệp tư nhân tự đầu tư vốn vào sản xuất kinh doanh. Đồng thời có chính sách thu hút các nguồn vốn bên ngoài đầu tư phát triển sản xuất - kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống các biện pháp huy động vốn một cách tích cực và đồng bộ, tập trung vào các nguồn vốn chủ yếu sau đây:

#### 3.1. Các giải pháp chung

- Xác định các công trình, các địa bàn và quy mô ưu tiên để gọi vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh vào phát triển sản xuất. Tổ chức điều tra các nguồn vốn có khả năng huy động trong tỉnh để có kế hoạch huy động kịp thời.

- Sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích theo dự án thông qua đấu thầu, giảm thiểu tình trạng lãng phí, nhất là trong khâu thi công xây dựng. Lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án đang triển khai trong tỉnh để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

- Xây dựng và thực hiện quỹ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là đối với các vùng nông thôn. Sử dụng quỹ đất hợp lý để tạo vốn xây dựng các công trình hạ tầng đô thị.

- Nâng cao chất lượng và đổi mới các hoạt động của ngành tài chính ngân hàng của tỉnh. Khuyến khích các ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước mở chi nhánh và văn phòng đại diện trên địa bàn tỉnh. Từng bước hình thành thị trường vốn trên địa bàn, đơn giản hoá các thủ tục cấp phát nhằm cải thiện môi trường vốn đầu tư. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát vốn đối với các doanh nghiệp; phát triển các loại hình dịch vụ hỗ trợ đầu tư.

- Tăng cường việc huy động các hình thức lao động nghĩa vụ (theo luật định) để xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn, nhất là các công trình giao thông, thuỷ lợi, y tế, giáo dục...

- Tiến hành tuyên truyền, quảng bá các thế mạnh của địa phương, quảng bá vị trí, vai trò và khả năng thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch trọng điểm...

### 3.2. Giải pháp huy động vốn ngân sách

Điện Biên là một tỉnh chưa có tích lũy từ nội bộ đủ lớn, nên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước được coi là nguồn chủ yếu, có thể đáp ứng tới 75% nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh. Để đảm bảo nguồn vốn này, một mặt Nhà nước cần quan tâm giành nguồn vốn ngân sách và tín dụng ưu đãi để hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng KT-XH trong tỉnh, mặt khác tỉnh cần tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển để tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.

Phối hợp chặt chẽ với các Bộ ngành TW trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 37 - NQ/TW của Bộ Chính trị, đồng thời triển khai các công trình, dự án của Bộ ngành đang thực hiện trên địa bàn tỉnh đúng kế hoạch.

Tăng cường phối hợp với các Bộ ngành ngay từ khâu xây dựng quy hoạch và kế hoạch, đảm bảo các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, nhất là các dự án lớn về giao thông, thủy lợi, quốc phòng an ninh... được tập hợp đầy đủ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của Bộ ngành chủ quản nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Đề nghị các Bộ ngành ưu tiên trong kế hoạch đầu tư đối với các địa bàn khó khăn của tỉnh.

### 3.3. Giải pháp huy động vốn từ các doanh nghiệp và từ nhân dân

Hiện nay do nền kinh tế của Điện Biên chưa phát triển nên nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh còn ít, nhưng thời gian tới, nguồn vốn này sẽ tăng nhanh trong cơ cấu vốn đầu tư của tỉnh và giữ vai trò ngày càng quan trọng trong sự phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Để huy động nguồn vốn này cần thực hiện cải cách hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư; tăng cường liên doanh, liên kết với các địa phương ngoài tỉnh, đồng thời có các biện pháp khuyến khích nhân dân và các doanh nghiệp bỏ vốn vào xây dựng, mở rộng sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Áp dụng các chính sách ưu đãi như: giảm tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu... đối với mọi tổ chức cá nhân trong tỉnh, trong nước và ngoài nước đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh cải cách hành chính; mở rộng các hình thức đầu tư như BOT, BT và các hình thức khác để thu hút vốn của các doanh nghiệp.

Khuyến khích đầu tư từ khu vực dân cư và tư nhân, đặc biệt vào các dự án phát triển các vùng nguyên liệu sản xuất nông lâm nghiệp, phát triển kinh tế trang trại, phát triển dịch vụ du lịch và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn...

Tiếp tục thực hiện mạnh mẽ hơn chính sách xã hội hóa trong một số lĩnh vực theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước để huy động tốt nguồn vốn từ mọi thành phần kinh tế.

### 3.4. Giải pháp huy động vốn nước ngoài

Vốn nước ngoài bao gồm 2 nguồn chính là vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Mặc dù khả năng thu hút nguồn vốn FDI không lớn (do vị trí xa xôi cách trở), nhưng khả năng thu hút nguồn vốn ODA để phát

triển kết cấu hạ tầng, xoá đói giảm nghèo và phát triển các lĩnh vực xã hội là phù hợp với hướng ưu tiên của các nhà tài trợ nên có nhiều triển vọng. Vì vậy, đề nghị Nhà nước quan tâm giành nguồn vốn ODA để hỗ trợ cho tỉnh. Mặt khác tỉnh cũng cần tăng cường và chủ động tiếp xúc với các nhà tài trợ để vận động tăng cường nguồn vốn ODA, xúc tiến xây dựng các dự án cụ thể để thu hút nguồn vốn này nhằm bổ sung cho nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn.

Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình thu hút vốn đầu tư không hoàn lại của các nước, các Tổ chức quốc tế và các Tổ chức phi chính phủ vào phát triển kết cấu hạ tầng và hỗ trợ sản xuất cho các xã nghèo, các xã đặc biệt khó khăn.

Đối với nguồn vốn FDI cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt các đầu mối tiếp xúc, xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng... tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng để thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn, nhất là các ngành dịch vụ nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh. Xây dựng chương trình và chính sách khuyến khích như chính sách KKT cửa khẩu, chính sách thương mại đường biên... để đẩy mạnh hợp tác và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và 3 tỉnh Bắc Lào. Tăng cường việc giao lưu, tiếp xúc với các tỉnh láng giềng, nhất là với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) để quảng bá, xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư của Trung Quốc vào phát triển sản xuất.



## VII. CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN VÙNG

### 1. Cơ chế, chính sách phát triển vùng

- Hoàn thiện, bổ sung và xây dựng mới những quy định pháp lý liên quan đến quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị. – nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, tín dụng nhà nước và nguồn ODA đầu tư dứt điểm hệ thống cơ sở hạ tầng KT-XH quan phục vụ nhu cầu phát triển của Điện Biên và vùng Tây Bắc.

- Điều chỉnh chính sách tài chính cho Tỉnh thông qua việc phân bổ hợp lý nguồn thu từ việc sử dụng tài nguyên (thủy điện, nước, rừng...)

- Đưa tỉnh Điện Biên vào danh mục ưu tiên triển khai các dự án sử dụng nguồn vốn ODA do các Bộ ngành TW quản lý phục vụ quá trình phát triển KT-XH và xoá đói giảm nghèo của tỉnh .

- Phát triển kinh tế cửa khẩu, mở rộng giao lưu biên giới là mũi đột phá quan trọng cho sự phát triển của Điện Biên. Mặt khác các KKT cửa khẩu trên địa bàn có vị trí vô cùng quan trọng trong việc đưa dân ra sát biên giới để bảo vệ quốc phòng an ninh. Vì vậy, cần hỗ trợ lập qui hoạch và đầu tư hoàn chỉnh hệ thống KKT cửa khẩu và cho phép các KKT cửa khẩu trên địa bàn tỉnh được hưởng mọi ưu đãi ở mức cao nhất trong chính sách ưu đãi hiện hành chung đối với loại hình này, đồng thời ưu tiên, hỗ trợ điều tiết về nguồn hàng xuất nhập khẩu trong 1 thời gian nhất định giúp tỉnh phát huy tiềm năng các KKT cửa khẩu và hệ thống chợ đường biên.

- Sớm ban hành và thực hiện một số chính sách đặc thù thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào tỉnh Điện Biên nói riêng và vùng Tây Bắc nói chung.

- Do đặc thù điều kiện địa hình, vị trí địa lý nên suất đầu tư các công trình trên địa bàn vùng cao, vùng xa của tỉnh cao hơn nhiều so với mức bình quân chung của cả nước. Do đó trong quá trình xây dựng kế hoạch hỗ trợ để thực hiện các mục tiêu cần căn cứ vào địa bàn cụ thể của từng tỉnh để xây dựng mức hỗ trợ phù hợp, không lấy mức trung bình của các tỉnh làm chuẩn chung.

#### 1.1. Cơ chế quản lý phát triển thành phố Điện Biên Phủ (đô thị trung tâm tỉnh) và khu vực phụ cận

- Các qui hoạch và đầu tư phát triển tại Thành phố Điện Biên Phủ phải được lựa chọn theo hướng hình thành tập trung các trung tâm cấp vùng, tỉnh và khu vực (thương mại tài chính, các khu nghiên cứu - đào tạo, trung tâm văn hoá, du lịch) và kiểm soát gia tăng dân số. Khu vực đô thị cũ kiểm soát phát triển theo các qui chế quản lý của khu vực, hạn chế gia tăng mật độ, bảo vệ các di tích lịch sử, văn hoá đô thị và cây xanh, mặt nước.

- Các dự án phát triển tại các khu vực phát triển mới phải triển khai theo các định hướng trong Qui hoạch chung xây dựng Thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt,

hình thành các trung tâm đô thị xây dựng tập trung, tiết kiệm đất đai và đầu tư hạ tầng, kiểm soát hạn chế xâm lấn các vùng nông nghiệp, bảo vệ các cảnh quan tự nhiên – các di tích lịch sử quan trọng trong khu vực, có giải pháp chính sách phát triển đa dạng nhà ở, hạ tầng đô thị, tạo việc làm đô thị, giải quyết tái định cư... ;

Các dự án phát triển khu vực giáp ranh các huyện phải có sự kết nối hợp lý căn cứ theo tổng thể không gian và hạ tầng toàn vùng.

## **1.2.Cơ chế quản lý phát triển đô thị trung tâm vùng, tiểu vùng**

- Các đô thị trung tâm tiểu vùng gồm các đô thị: Thị xã Mường Lay, đô thị Tuần Giáo và đô thị Mường Nhé - đều phải quản lý phát triển đô thị theo Quy hoạch chung xây dựng đô thị được phê duyệt, tuân thủ các yêu cầu phát triển của Vùng tỉnh Điện Biên, có kế hoạch lập Quy hoạch chung xây dựng cho đô thị Mường Nhé, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng cho đô thị Tuần Giáo; Các đô thị trung tâm tiểu vùng mang chức năng hỗn hợp, là các trung tâm dịch vụ hành chính - thương mại – văn hoá và các chức năng đặc thù như trung tâm công nghiệp, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng..., xây dựng tập trung và hoàn thiện dần hạ tầng đô thị, phát triển các chức năng đáp ứng sự phát triển của tiểu vùng và toàn tỉnh.

- Các đô thị Mường Nhé, Tuần Giáo sẽ đầu tư phát triển các công trình cấp tiểu vùng, đồng thời phân bổ một số công trình dịch vụ xã hội như y tế, đào tạo, văn hoá, du lịch, dịch vụ thương mại, công nghiệp...

- Các đô thị mới phải lựa chọn vị trí phát triển dựa trên các ưu thế về đất đai, điều kiện giao thông và hạ tầng kỹ thuật, tiếp cận nhanh với các nguồn tiềm năng và thị trường; phát triển các chức năng dịch vụ hiện đại các ngành công nghiệp mũi nhọn... phù hợp với tiềm năng và tính chất của phân vùng: Các khu vực dọc theo hành lang các QL279, QL6, QL4H là vùng phát triển các đô thị dịch vụ, các khu công nghiệp và phát triển các khu ở đô thị. Các khu vực khác phát triển các đô thị dịch vụ thương mại, dịch vụ công nghiệp, du lịch..

- Các đô thị nằm trong vùng III, vùng bảo tồn phát huy các giá trị thiên nhiên phải kiểm soát hạn chế xâm lấn các vùng nông nghiệp, lâm nghiệp, bảo vệ các cảnh quan tự nhiên quan trọng trong vùng, đặc biệt là các khu vực vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,..., hài hoà với khu vực làng bản đô thị hoá, có giải pháp chính sách phát triển đa dạng nhà ở, hạ tầng đô thị, tạo việc làm đô thị, giải quyết tái định cư, hình thái kiến trúc phải phù hợp với truyền thống dân tộc và cảnh quan thiên nhiên khu vực...

- Các đô thị trung tâm huyện và các đô thị cấp huyện khác phải đáp ứng yêu cầu dịch vụ nông, lâm nghiệp - nông thôn, cung cấp các dịch vụ y tế, dạy nghề và phúc lợi, vận tải, khai thác tài nguyên, du lịch, tiêu thụ công nghiệp và làng nghề địa bàn.

## **1.3.Cơ chế quản lý phát triển các khu sản xuất công nghiệp, du lịch**

- Quản lý phát triển công nghiệp Vùng tỉnh Điện Biên phải tuân thủ các định hướng toàn vùng và phân vùng, giảm sử dụng đất nông nghiệp và tránh sự tập trung công nghiệp vào các khu vực phát triển đô thị, lựa chọn công nghiệp sạch, dây chuyền sản

xuất kỹ thuật cao ở các khu vực theo các cụm đô thị - công nghiệp - dịch vụ. Các qui hoạch xây dựng khu, cụm CN-TCN cần đạt các yêu cầu là phù hợp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có đủ các điều kiện hình thành, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Quản lý phát triển du lịch Vùng tỉnh Điện Biên phải tuân thủ các định hướng toàn vùng và phân vùng, theo hướng hình thành các trung tâm dịch vụ du lịch lịch sử, văn hóa, sinh thái gắn với các vùng sinh thái rừng, đầu tư xây dựng dịch vụ có cấp độ khu vực, quốc gia và quốc tế, phù hợp giữa phát triển du lịch với phát triển đô thị, dân cư và bảo vệ cảnh quan... Các tuyến, điểm du lịch cấp vùng được lựa chọn dựa trên mật độ tài nguyên du lịch và điều kiện cung cấp hạ tầng. Các trung tâm du lịch gắn đô thị phải kiểm soát hạn chế qui mô dân số, mật độ xây dựng và có hướng dẫn hình thái kiến trúc cho đô thị.

#### **1.4.Cơ chế quản lý các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng**

Quản lý phát triển các trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo trong vùng tỉnh phải tuân thủ các định hướng toàn vùng và từng tiểu vùng, theo hướng hình thành các trung tâm gắn đô thị mới, trong đó các đô thị lớn trong vùng tập trung các dịch vụ cấp vùng, các dịch vụ công cộng cấp thấp gắn với các khu dân cư và các đô thị nhỏ, khu dân cư. Các trung tâm đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp theo hướng tập trung đô thị trung tâm tỉnh (TP Điện Biên Phủ), các trường dạy nghề gắn với các trung tâm công nghiệp, trung tâm du lịch lớn như TP. Điện Biên Phủ, Tuần Giáo và Mường Lay. Các trung tâm y tế cấp tỉnh chất lượng cao, các trung tâm thương mại đầu mối... xây dựng gắn với các đô thị trung tâm tỉnh.

#### **1.5.Cơ chế quản lý phát triển các vùng cảnh quan tự nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng quốc gia**

- Các vùng sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các vùng cảnh quan tự nhiên có giá trị trong Vùng tỉnh chủ yếu phân bố tại các khu vực tiểu vùng II và hệ thống sông ngòi trong vùng phải được quản lý tuân thủ theo các qui định quản lý chuyên ngành cũng như khai thác cho du lịch, nghỉ dưỡng ở mức phù hợp để bảo vệ môi trường vùng. Các trung tâm du lịch gắn vùng trên phải được quản lý chặt chẽ về qui mô, mật độ xây dựng, cấp dịch vụ để hạn chế phá vỡ các vùng cảnh quan tự nhiên.

- Các khu vực di tích lịch sử, văn hoá, kiến trúc có giá trị phải quản lý tuân thủ theo các qui định của chuyên ngành và trong qui hoạch đô thị, nông thôn cần có giải pháp bảo tồn tôn tạo theo các vùng di tích cũng như cho các công trình đặc biệt, trong đó có giải pháp giãn dân cư, chuyển đổi tính chức năng khu vực theo hướng dịch vụ du lịch.

- Các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy chế hiện hành của các cơ quan chức năng, đồng thời kết hợp khai thác phục vụ phát triển du lịch một cách hài hoà, cần xem xét qui mô, tầng cao, màu sắc các công trình xây dựng, tôn trọng tối đa địa hình tự nhiên.

### **1.6. Cơ chế quản lý phạm vi bảo vệ hành lang đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính**

- Tất cả các đô thị, các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp trong vùng tỉnh Điện Biên phải tuân thủ cao độ xây dựng khống chế đã được duyệt trong đồ án quy hoạch vùng, các khu vực đào hoặc đắp lớn phải được kiểm soát nghiêm ngặt.

- Cần có biện pháp bảo vệ các công trình đầu mối cấp nước sinh hoạt cho các đô thị và các khu dân cư nông thôn; Cấm xây dựng, xả nước thải, chăn nuôi, đổ rác...

+ Nguồn nước mặt: từ điểm lấy nước lên thượng nguồn trong phạm vi  $\geq 200$  m, xuống hạ lưu  $\geq 100$ .

+ Nguồn nước ngầm xung quanh vị trí giếng khoan 25 m. xây dựng, đào hố phân, rác, hố vôi, chăn nuôi, đổ rác.

- Các công trình lưới điện phải được bảo vệ theo nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của chính phủ: Nghiêm cấm xâm phạm, xây dựng các công trình trong hàng rào bảo vệ các trạm biến thế và hành lang đường dây dẫn điện

- Khoảng cách an toàn, phạm vi bảo vệ đối với các công trình xử lý CTR, cần phải tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCVN 01:2008).

+ Đối với các cơ sở xử lý CTR, khoảng cách an toàn nhỏ nhất giữa nhà máy xử lý CTR đến chân công trình xây dựng khác  $\geq 500$  m.

+ Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường nhỏ nhất giữa khu chôn lấp CTR vô cơ đến chân các công trình xây dựng khác  $\geq 1000$  m.

+ Quy định chiều rộng của các dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào  $\geq 20$ m, tính từ cơ sở xử lý CTR.

- Quy định khoảng cách an toàn, phạm vi bảo vệ đối với nghĩa trang. Các quy định này cần phải tuân thủ theo quy chuẩn xây dựng Việt Nam (QCVN 01: 2008)

### **1.7. Cơ chế quản lý kiểm soát môi trường**

- Củng cố, hoàn thiện mạng lưới giám sát môi trường vùng tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động thăm dò, khai thác và hành nghề khoan giếng khai thác nước ngầm.

- Thực hiện các chính sách, giải pháp quản lý đất đai bền vững. Tại khu vực đô thị phải xây dựng các công trình xử lý nước thải, chất thải. Tại khu vực nông thôn cần tăng cường hỗ trợ thực hiện vệ sinh môi trường nông thôn; gia tăng sản xuất theo hướng nông nghiệp sạch.

- Tổ chức và quản lý môi trường nước thống nhất theo từng lưu vực; Quản lý và giám sát tại các nguồn phát sinh nước thải; Quản lý và giám sát chất lượng nước tại

nguồn tiếp nhận; Quản lý, giám sát việc sử dụng thuốc BVTV, phân bón hoá học trong sản xuất nông nghiệp

- Hạn chế và giảm thiểu các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường ở từng cơ sở sản xuất, khu công nghiệp theo hướng áp dụng và đổi mới công nghệ để sản xuất sạch hơn. Đối với các cơ sở sản xuất cũ nằm xen kẽ trong khu dân cư cần tiến hành di dời vào các khu, cụm công nghiệp tập trung hoặc đổi mới công nghệ, xử lý ô nhiễm môi trường.

- Các giải pháp BVMT đối với làng nghề: Xây dựng hệ thống quản lý môi trường làng nghề, phù hợp với đặc thù của từng địa phương và tính chất của loại hình sản xuất.

- Lồng ghép bảo vệ môi trường với quy hoạch tổng thể kinh tế-xã hội, quy hoạch xây dựng và các quy hoạch khác trong vùng để đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Giáo dục môi trường và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân.

## **1.8. Về cơ chế ưu tiên, ưu đãi trong đầu tư phát triển vùng tỉnh**

### *a) Lĩnh vực ưu tiên đầu tư:*

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng vùng là đặc biệt quan trọng, đặc biệt hạ tầng giao thông như các tuyến đường giao thông huyết mạch có ý nghĩa quan trọng và quyết định trong cải thiện môi trường đầu tư như các tuyến đường cao tốc, quốc lộ và tỉnh lộ, sân bay, vv...,

- Xây dựng cơ sở hạ tầng ban đầu các khu, cụm công nghiệp và các khu du lịch để kêu gọi đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và du lịch

- Xây dựng các công trình đầu mối phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt các vùng chuyên canh.

- Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng nông thôn..

### *b) Địa bàn ưu tiên đầu tư:*

Địa bàn ưu tiên đầu tư bao gồm các vùng tạo động lực phát triển toàn vùng và tiểu vùng như các vùng đô thị hóa tập trung : vùng Điện Biên Phủ và phụ cận, vùng Tuần Giáo và Phụ cận, vùng Mường Lay và phụ cận, khu vực hành lang ven QL 6, QL12, QL279, QL4H ; khu vực biên giới như khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang, Huổi Puốc, A Pa Chải.

### *c) Ưu đãi trong đầu tư phát triển:*

Mức độ ưu đãi trong đầu tư phát triển cần phù hợp với địa bàn và các lĩnh vực ưu tiên đầu tư để tập trung thu hút các nguồn vốn đầu tư, phù hợp với Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các Quy định của UBND tỉnh Điện Biên, ưu đãi đầu tư phát triển vùng có thể xem xét trên các mặt sau đây :

- Ưu đãi về thuế sử dụng đất, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất ...

- Hỗ trợ kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, đào tạo nghề cho lao động.
- Hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng.
- Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu.
- Ưu đãi về tiền phí, lệ phí.
- Các biện pháp hỗ trợ đầu tư và tổ chức thực hiện.

## 2. Đề xuất mô hình quản lý vùng tỉnh

- Xây dựng một mô hình phù hợp để thực hiện quản lý QHXD vùng tỉnh Điện Biên phù hợp sẽ thành công trong việc thực hiện quy hoạch và hợp tác phát triển trong vùng tỉnh và gắn kết được với các vùng phụ cận, quốc gia, quốc tế, để tạo sự phát triển đột phá và bền vững của tỉnh Điện Biên.

- Xây dựng một mô hình phù hợp để thực hiện quản lý QHXD vùng tỉnh Điện Biên phù hợp sẽ thành công trong việc thực hiện quy hoạch và hợp tác phát triển trong vùng tỉnh và gắn kết được với các vùng phụ cận, quốc gia, quốc tế, để tạo sự phát triển đột phá và bền vững của tỉnh Điện Biên. Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050" ban hành kèm theo Quyết định phê duyệt này.

## 3. Chỉ dẫn khung chính sách phát triển vùng

- Chính sách kiểm soát phát triển vùng: Chủ trương chỉ đạo phát triển du lịch, dịch vụ thương mại có tính chất quyết định sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu lao động và phân bố lại dân cư trong vùng.

- Chính sách kiểm soát đầu tư xây dựng: Lựa chọn đầu tư đúng hướng, đúng tính chất mục đích, cơ sở tạo đô thị, các khu công nghiệp dịch vụ, du lịch, sinh thái...

- Chính sách kiểm soát đất đai: Định đúng giá trị đất đai đô thị và các loại đất khác, kiểm soát nhà đất giá cả, có tác động thúc đẩy phát triển ổn định xã hội.

- Chính sách tạo môi trường đầu tư: Xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh tốt hạ tầng (kỹ thuật và dịch vụ xã hội), cải thiện môi trường đầu tư, thuận lợi nhanh chóng về thủ tục, dễ dàng triển khai xây dựng, quản lý, khai thác.

- Chính sách tạo vốn và phân bổ vốn: Đa dạng nguồn vốn, phân bổ đầu tư hợp lý các loại đô thị dân cư (hạt nhân, trung tâm, vừa và nhỏ, dân cư nông thôn, hạ tầng vùng).

## 4. Khung tổ chức thực hiện

### a) Tăng cường hợp tác liên tỉnh:

- Tỉnh Điện Biên cần phối hợp với các Bộ ngành Trung ương từ khâu nghiên cứu, hình thành dự án, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành và lãnh thổ.

- Để thực hiện những hợp tác và phối hợp trên, cần xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp dựa trên nguyên tắc chia sẻ lợi ích, hợp tác giữa tỉnh với các Bộ, ngành và

các địa phương trong vùng Tây Bắc theo hướng rõ lĩnh vực, rõ việc, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp.

- Hợp tác, liên kết phát triển giữa Điện Biên và các địa phương trong vùng trên cơ sở vừa kinh doanh, vừa hỗ trợ hợp tác; kết hợp hài hoà lợi ích của mỗi địa phương; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Phối hợp với các địa phương trong vùng đối với các lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Giới thiệu sản phẩm, liên doanh sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm chủ lực trong nông nghiệp như chè tuyết Shan, cà phê, cao su, macca...

*b) Đối với thị trường nội tỉnh:*

Tăng cường hoạt động thương mại tại TP Điện Biên, thị xã Mường Lay và các đô thị thị trấn khác trong tỉnh, hướng mạnh hơn nữa về thị trường nông thôn để đẩy mạnh thị trường, xây dựng hệ thống chợ nông thôn. Tăng cường liên doanh liên kết với mạng lưới thương nghiệp của các thành phần kinh tế nhằm đảm bảo cung ứng hàng hoá và dịch vụ kịp thời, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và tiêu thụ nông sản cho nông dân.

## 5. Giải pháp thực hiện quy hoạch

Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đã xây dựng những định hướng chiến lược phát triển vùng trong thời gian dài. Trong đó chiến lược liên kết phát triển vùng là chiến lược quan trọng nhằm xây dựng vùng tỉnh Điện Biên trở thành vùng không gian phát triển bền vững. Những dự báo quy hoạch đã sử dụng nhiều căn cứ khoa học và thực trạng nền kinh tế xã hội để hoạch định những nội dung quy hoạch phù hợp với yêu cầu phát triển trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế của tỉnh Điện Biên. Để phát huy hiệu quả của quy hoạch định hướng phát triển vùng, cần có một số biện pháp tổ chức thực hiện như sau:

1. Sau khi Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh được phê duyệt, UBND tỉnh Điện Biên chỉ đạo Sở xây dựng phối hợp tổ chức Hội nghị công bố quy hoạch vùng Tỉnh Điện Biên đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050. Đồng thời tiến hành phân loại, phân cấp quản lý và đầu tư xây dựng, phân rõ chức năng, nhiệm vụ từng cấp chính quyền, các thành phần trong xã hội trong phát triển xây dựng đô thị và các khu dân cư nông thôn trong vùng.

2. Tiến hành lập và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh.

3. Sở Xây dựng phối hợp với các Sở Kế hoạch và Đầu Tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Giao thông vận tải, Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch, Sở khoa học & Công nghệ, Sở Tài Nguyên & Môi trường và các sở ngành khác có liên quan để cùng thực hiện. Đảm bảo xử lý kịp thời thông tin trong quá trình chỉ đạo, điều hành nhằm phát huy nhanh những nhân tố tích cực.

4. Ủy ban nhân dân các Huyện theo sự hướng dẫn của Sở xây dựng tiến hành lập quy hoạch phát triển tổng thể, lập Chương trình phát triển từng đô thị trên địa bàn lãnh

thô do mình phụ trách để làm cơ sở lập chương trình và kế hoạch đầu tư phát triển cho phù hợp với quy hoạch vùng.

5. Sở xây dựng, Ủy ban nhân dân các Huyện.

- Tiến hành rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung các đô thị đã được duyệt, ưu tiên lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực xây dựng đợt đầu, lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết các khu di tích để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổ chức triển khai việc lập, thực hiện các dự án đầu tư để phát triển đồng bộ đô thị phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp và kết cấu hạ tầng của tỉnh.

6. Các ngành, các cấp của tỉnh tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương xúc tiến các dự án quy hoạch chi tiết, các dự án đầu tư thuộc địa phương và Trung ương.

7. Các ngành, các cấp ở tỉnh phối hợp với Sở kế hoạch và đầu tư lập và cân đối kế hoạch chuẩn bị và đầu tư 5 năm và hàng năm để thực hiện nội dung đối với các quy hoạch đã được phê duyệt. Có chính sách huy động vốn đầu tư từ xã hội, các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư, nhằm xã hội hoá tối đa nguồn lực đầu tư giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

8. Lập kế hoạch quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng các trung tâm cụm xã ở vùng nông thôn.

9. Xúc tiến lập quy hoạch, dự án đầu tư bảo tồn, tôn tạo các khu di tích lịch sử, văn hóa;

10. Chính quyền các đô thị cần có kế hoạch cải tạo xây dựng mới cơ sở hạ tầng kỹ thuật các đô thị để từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.

11. Cần thiết thành lập một ủy ban liên hợp quản lý xây dựng trong vùng nhằm thống nhất nội dung điều hành thực hiện quy hoạch, trên cơ sở quy chế quản lý xây dựng vùng.





## **IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 đã cụ thể hóa các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, là cơ sở để hoạch định chiến lược phát triển không gian của các huyện, thành phố trong tỉnh; kết nối hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ phù hợp với khả năng đô thị hóa và đầu tư xây dựng hệ thống đô thị trên địa bàn toàn tỉnh Điện Biên theo các giai đoạn đến năm 2025-2035 và ngoài 2035.

- Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 đã nghiên cứu khớp nối các chủ trương, chính sách của khu vực Tây Bắc, Trung du miền núi Bắc bộ và Quốc gia, đề xuất mạng lưới đô thị nông thôn phù hợp với tiềm năng lợi thế đã có của tỉnh và cùng với các tỉnh trong vùng Tây Bắc... chia sẻ chức năng liên vùng, cùng nhau hợp tác phát triển, khai thác lợi thế, tiềm năng nổi trội để phát triển kinh tế xã hội, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng sống của người dân trong tỉnh.

### **2. Kiến nghị**

Để các nghiên cứu phát triển Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Điện Biên đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 từng bước được triển khai có hiệu quả trên địa bàn, đạt được các mục tiêu đã đề ra, có một số trọng tâm cần chỉ đạo và xem xét sau:

- 2.1. Cần rà soát, điều chỉnh một số đồ án, dự án đã nghiên cứu được phê duyệt song không còn phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng vùng trên các lĩnh vực.
- 2.2. Cần cải cách hệ thống các tổ chức dịch vụ, đặc biệt các tổ chức cung cấp các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật: cấp nước, xử lý chất thải rắn, nghĩa trang v.v... mang tính chất vùng, không mang tính chất hành chính như hiện nay. Nhanh chóng xây dựng các dự án hạ tầng kỹ thuật diện rộng toàn vùng như: cấp nước, xác định các bãi chôn lấp chất thải rắn - nhà máy xử lý chất thải rắn, các nghĩa trang...
- 2.3. Lập chương trình đầu tư thông qua các dự án đầu tư trọng điểm bằng nhiều nguồn vốn thích hợp khác nhau.
- 2.4. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách về: quản lý, bảo vệ môi trường để bảo đảm phát triển bền vững; xây dựng cơ chế chính sách tạo thuận lợi cho các dự án đầu tư mang tính đột phá trong vùng tỉnh như du lịch, công nghiệp v.v... kích thích trực hành lang ven QL279, QL12, QL6 và các vùng khác phát triển.

Kiến nghị những nội dung của đồ án sau khi được Chính phủ phê duyệt, cần coi đây là một cơ sở pháp lý để quản lý và tiến hành các quy hoạch khác một cách thống nhất giảm các chồng chéo và xung đột trong quá trình phát triển./.